



KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC

10-2020

☞ MỤC LỤC ☜

TT	Tên bài báo	Tác giả	Trang
1	Mục lục	Ban biên tập	1
2	Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh - 62 năm xây dựng và phát triển	Ban biên tập	2
3	Vai trò gắn kết đào tạo, nghiên cứu khoa học với nhu cầu doanh nghiệp	TS. Nguyễn Thế Vĩnh	3
4	Cơ sở pháp lý của việc liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu khoa học	TS - LS. Nguyễn Thành Nam	8
5	Liên kết, hợp tác với doanh nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội	TS. Đồng Trung Chính	16
6	Thực trạng liên kết giữa các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp, giải pháp thúc đẩy	TS. Đỗ Chí Thanh ThS. Nguyễn Văn Chung	22
7	Một số giải pháp tăng cường đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp tại Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh	ThS. Lê Xuân Hương ThS. Trần Thị Thu Lan	29
8	Chuyển giao công nghệ là động lực đổi mới của doanh nghiệp	ThS. Nguyễn Hồng Quân	36
9	Khai thác nguồn lực cá nhân để thúc đẩy, mở rộng công tác liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp của Khoa Cơ khí - Động lực và Nhà trường	TS. Lê Quý Chiển	45
10	Sự hợp tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao	ThS. Nguyễn Thị Hải Ninh	51
11	Thúc đẩy hợp tác hiệu quả giữa trường đại học và doanh nghiệp trước bối cảnh hội nhập hiện nay	TS. Nguyễn Thị Nhung	59
12	Nâng cao hiệu quả mối liên kết giữa doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục đại học trong việc nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ	ThS. Trần Thị Hoàn	68
13	Thực trạng và các giải pháp nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ ở các trường đại học, cao đẳng trong giai đoạn hiện nay	TS. Bùi Trung Kiên ThS. Bùi Thúy Hằng	79



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH 62 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, tiền thân là Trường Trung cấp Kỹ thuật Mỏ, được thành lập ngày 25/11/1958 theo quyết định của Bộ Công nghiệp. Ngày 24/7/1996 được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Mỏ theo Quyết định số 479/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Với sự cố gắng nỗ lực bền bỉ của tập thể sư phạm nhà trường, ngày 25/12/2007, Thủ tướng Chính phủ đã chính thức ký Quyết định số 1730/2007/QĐ-TTg, quyết định thành lập Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh trên cơ sở nâng cấp Trường cao đẳng Kỹ thuật Mỏ.

Trải qua 62 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã không ngừng vươn lên trở thành một cơ sở đào tạo Đại học đa cấp, đa ngành cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao về các lĩnh vực Kỹ thuật điện, Điện - Điện tử, Tự động hóa, Kinh tế, Công nghệ thông tin, Cơ khí động lực, Tuyển khoáng, Trắc địa địa chất; Xây dựng hầm và cầu, Khai thác mỏ... là trung tâm nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh và khu vực.

Với hệ thống cơ sở vật chất ngày càng được hoàn thiện, hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu đào tạo đa ngành, bao gồm hệ thống phòng học, giảng đường đạt tiêu chuẩn đã và đang được xây dựng; hệ thống phòng thí nghiệm, thư viện đang được hoàn chỉnh, hiện đại hoá... Hiện tại trường có 02 cơ sở, cơ sở chính tại Phường Yên Thọ - Thị xã Đông Triều - Tỉnh Quảng Ninh diện tích 12ha, nhà trường đang triển khai xây dựng cơ sở 2 tại Phường Minh Thành - Thị xã Quảng Yên - tỉnh Quảng Ninh với diện tích 50ha gồm nhiều hạng mục công trình đã được Chính phủ phê duyệt với tổng mức đầu tư từ năm 2007 đến năm 2025 là 801 tỷ đồng.

Trong nỗ lực để nâng cao chất lượng đào tạo, những năm vừa qua các cán bộ giảng viên nhà trường đã tích cực học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ: *Giảng viên có trình độ tiến sĩ là 24 người chiếm 11,8 %; Giảng viên có trình độ thạc sĩ là 158 người chiếm 77,4 %; Giảng viên có trình độ đại học là 22 người chiếm 10,8 %.* Nhà trường đã tạo điều kiện để giảng viên đi học nâng cao trình độ. Toàn Trường có 25 GV đi nghiên cứu sinh (10 NCS trong nước và 14 NCS nước ngoài); 03 GV đi học thạc sĩ.

Hiện nay Nhà trường đang đào tạo 2 ngành ở trình độ Cao học, 12 ngành ở trình độ Đại học với 29 chuyên ngành đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Quảng Ninh và của đất nước.



Với phương châm học lý thuyết đi đôi với thực hành, thực tập đáp ứng chuẩn đầu ra của từng ngành. Thời gian qua Nhà trường đã từng bước đầu tư, bổ sung trang thiết bị, máy móc cho các phòng thí nghiệm, thực hành để dần đáp ứng với yêu cầu của thực tế; Nhà trường đã thành lập Trung tâm thực hành Điện - Tự động hóa.

Công tác kết nối doanh nghiệp và giới thiệu việc làm cho sinh viên được thực hiện tốt, với chính sách đưa doanh nghiệp tới nhà trường tuyển dụng. Sinh viên được tuyển dụng khi chưa tốt nghiệp và có rất nhiều cơ hội để lựa chọn việc làm khi ra trường.

Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho học sinh sinh viên, chỉ đạo xây dựng các quy tắc về văn hóa học đường, cụ thể hóa các luật cho học sinh sinh viên. Tổ chức cho sinh viên tham gia ngày hội khởi nghiệp quốc gia, tổ chức các lớp học khởi nghiệp sáng tạo. Thực hiện chế độ miễn giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên.

Việc mở rộng mối quan hệ, hợp tác với các cơ quan, ban ngành từ Trung ương đến địa phương, các trường Đại học, các viện nghiên cứu trong và ngoài nước để hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học tiếp tục được đẩy mạnh. Nhà trường đã hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng cán bộ với trên 40 cơ sở giáo dục Đại học và các cơ quan, tổ chức khoa học trong nước và quốc tế. Nhiều cán bộ của Trường là thành viên, cộng tác viên của các hội đồng khoa học hoặc tổ chức khoa học quốc gia, khu vực và quốc tế (Đức, Italia, Nhật Bản, Pháp, Ba Lan, Nga, Canada, Hoa Kỳ,...); được mời làm chuyên gia giáo dục và giảng dạy tại nhiều trường Đại học. Trong những năm gần đây, Nhà trường đặc biệt quan tâm đến hoạt động liên kết với các doanh nghiệp, nhằm nâng cao tính ứng dụng của các chương trình đào tạo, đáp ứng kịp thời và tốt nhất nhu cầu thực tế cũng như tìm kiếm đầu ra cho SV tốt nghiệp ra trường. Trong những năm qua nhiều tập thể, cá nhân của trường được Chủ tịch Nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công đoàn ngành, và Hiệu trưởng Nhà trường quyết định tặng Huân chương, bằng khen, giấy khen, công nhận là Chiến sĩ thi đua, giảng viên dạy giỏi. Năm 2013, nhân kỷ niệm 55 năm thành lập Trường, Chủ tịch Nước đã tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất cho tập thể Nhà trường.



VAI TRÒ GẮN KẾT ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỚI NHU CẦU DOANH NGHIỆP

□ TS. Nguyễn Thế Vĩnh

Phó Hiệu trưởng Trường ĐHCN Quảng Ninh

1. Đặt vấn đề

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra rất nhanh và mạnh mẽ trên nhiều phương diện của đời sống xã hội, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, y tế và đào tạo. Trong lĩnh vực đào tạo, yếu tố cốt lõi của việc xây dựng hệ thống giáo dục đại học đó là đào tạo gắn liền với yêu cầu thực tiễn, đào tạo đáp ứng phù hợp với nhu cầu của xã hội. Việc gắn kết đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu của thực tiễn mà điển hình là nhu cầu của doanh nghiệp có vai trò hết sức quan trọng và quyết định đến sự phát triển ổn định của các nhà trường.

Trong xu thế này, các nhà trường cần phải linh hoạt trong việc thay đổi chương trình, mục tiêu đào tạo sao cho phù hợp với sự biến đổi của đời sống kinh tế - xã hội nói chung, nhà tuyển dụng nói riêng; đồng thời việc triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học phải đáp ứng và phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, hoạt động ứng dụng và chuyển giao công nghệ đáp ứng với nhu cầu doanh nghiệp theo xu thế vận động và phát triển của xã hội. Để tồn tại và phát triển trong xu thế cạnh tranh ngày càng gay gắt hiện nay, các Trường không chỉ có sứ mệnh đào tạo nhân lực đáp ứng nhu cầu hiện tại mà còn phải có chiến lược đào tạo đón đầu theo xu thế phát triển. Để thực hiện được nhiệm vụ này, không thể thiếu sự liên kết của các cơ sở giáo dục Đại học, Cao đẳng với cộng đồng doanh nghiệp và cần có sự định hướng của các cơ quan chức năng. Hợp tác giữa các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp nhằm mang lại lợi ích cộng hưởng cho các bên, bao gồm: hợp tác trong nghiên cứu và phát triển; trao đổi nhân sự (học giả, sinh viên và chuyên gia); thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học thông qua hoạt động chuyển giao công nghệ; xây dựng và phổ biến chương trình đào tạo, học tập suốt đời, phát triển doanh nghiệp và quản trị.

2. Mối quan hệ giữa cơ sở giáo dục và doanh nghiệp

Quan hệ hợp tác giữa các trường Đại học, Cao đẳng và doanh nghiệp là quan hệ biện chứng, vì lợi ích của cả hai phía. Từ mối liên kết này, các cơ sở giáo dục sẽ có thêm điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo, cho ra lò những “sản phẩm” đã được “trải nghiệm” thực tiễn; còn các kết quả nghiên cứu khoa học sẽ có địa chỉ áp dụng rõ ràng nhằm đẩy mạnh ứng dụng vào thực tiễn tạo nên hiệu quả nghiên cứu và hiệu quả triển



khai nghiên cứu. Đây là một yếu tố không thể thiếu trong công tác nghiên cứu và triển khai nghiên cứu hiện nay.

Về phía doanh nghiệp, sẽ tận dụng được nguồn nhân lực chất lượng cao, ổn định. Gắn kết hợp tác giữa trường Đại học, Cao đẳng và doanh nghiệp sẽ hướng các trường đưa ra xã hội những “sản phẩm” gắn liền với yêu cầu thực tiễn, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, giúp các doanh nghiệp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo lập được lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Các kết quả nghiên cứu khi được áp dụng tại doanh nghiệp sẽ tạo lên hiệu quả kinh tế cao, tiết kiệm sức lao động, máy móc thiết bị,... Mỗi quan hệ hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp từ đây sẽ có ý nghĩa rất quan trọng trong việc rút ngắn khoảng cách từ giảng đường tới thực tiễn. Như vậy có thể thấy rằng chất lượng giáo dục đại học phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ của các doanh nghiệp và sự hỗ trợ này càng quan trọng trong bối cảnh các cơ sở giáo dục đại học thực hiện cơ chế tự chủ. Đây cũng là trách nhiệm xã hội mà doanh nghiệp cần nhận thấy và xem trọng. Những hỗ trợ này có thể thông qua việc phối hợp xây dựng chương trình đào tạo; tạo điều kiện cho sinh viên đến thực hành, thực tập; cấp học bổng; tạo điều kiện tuyển dụng sinh viên, học viên tốt nghiệp; trở thành giảng viên parttime của các nhà trường; giúp các nhà trường trong việc đưa thông tin mới, kiến thức mới về sản xuất kinh doanh vào trong hệ thống chương trình đào tạo...

Tri thức và công nghệ luôn là những yếu tố quan trọng cho sự phát triển của các nhà trường cũng như các doanh nghiệp, trong đó các doanh nghiệp luôn có nhu cầu cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ mới trong sản xuất - kinh doanh và quản trị nhằm đem lại lợi nhuận cao nhất; phải tìm kiếm những phát minh, sáng chế, những sản phẩm khoa học công nghệ có tính khả thi để tăng sức cạnh tranh trên thị trường và phát triển bền vững. Còn phía các trường đại học, cao đẳng với vai trò là trung tâm nghiên cứu thường sở hữu các kết quả nghiên cứu, tri thức và công nghệ mới sẽ chính là nơi mà các doanh nghiệp cần. Để giảm chi phí nghiên cứu, mở rộng phạm vi hoạt động và mở ra nhiều hướng phát triển công nghệ, các doanh nghiệp cần hợp tác với các cơ sở giáo dục để tiếp nhận đổi mới công nghệ, đi đầu trong nghiên cứu và phát triển hoặc giải quyết các bài toán về công nghệ, môi trường mà thực tiễn đặt ra với khoảng thời gian ngắn, chi phí hợp lý cùng đội ngũ chuyên gia giỏi từ phía các cơ sở giáo dục.

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đã có hoạt động liên kết với doanh nghiệp từ khá sớm. Nhà trường đã thành lập 1 phân xưởng và 1 trung tâm thực nghiệm sản xuất nhằm triển khai ứng dụng vào sản xuất kinh doanh. Sinh viên trong quá trình học tại trường thường được bố trí về các phân xưởng này để thực tập với 1 số chuyên



ngành như: Khai thác mỏ, Cơ điện mỏ và Kỹ thuật tuyển khoáng. Ngoài ra, Nhà trường cũng liên kết với rất nhiều doanh nghiệp khác trong và ngoài tỉnh nhằm cử các sinh viên năm cuối đến thực tập sản xuất và thực tập tốt nghiệp với phương châm học lý thuyết tại trường và thực hành tại doanh nghiệp. Trong trường còn có các Trung tâm tư vấn và chuyển giao công nghệ theo các lĩnh vực ngành nghề thế mạnh của Nhà trường để phối hợp với các doanh nghiệp thực hiện tư vấn, ứng dụng và hợp tác trong lĩnh vực NCKH và chuyển giao công nghệ.

3. Các giải pháp thúc đẩy mô hình liên kết nhà trường - doanh nghiệp

Từ các vấn đề đã được nêu ra, có thể thấy, để thúc đẩy mô hình thì cần tạo liên kết chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp, trong đó các cơ quan, tổ chức cấp trên sẽ đóng vai trò định hướng và xúc tác.

Mối quan hệ biện chứng cho mô hình liên kết nhà trường - doanh nghiệp là phía doanh nghiệp sẽ đóng vai trò nhà cung cấp thông tin để các cơ sở giáo dục nắm được nhu cầu của thị trường lao động; còn hoạt động đào tạo, nghiên cứu của các cơ sở giáo dục luôn cần hướng tới nhu cầu doanh nghiệp. Như vậy, doanh nghiệp được hợp tác với cơ sở đào tạo cũng là nhu cầu thiết thực của chính doanh nghiệp và ngược lại. Do đó, mối liên kết này vừa mang tính tất yếu, vừa mang tính khả thi cao trong việc đáp ứng nhu cầu lao động cho doanh nghiệp và đẩy mạnh ứng dụng kết quả NCKH. Việc đẩy mạnh ứng dụng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ sẽ thúc đẩy mối quan hệ biện chứng này lên tầm cao hơn, trong đó, việc chuyển giao khoa học và công nghệ có hai khía cạnh cần quan tâm:

Thứ nhất là nghiên cứu và chuyển giao giúp nâng cao năng lực nghiên cứu trong các nhà trường và đẩy mạnh sản xuất doanh nghiệp theo hướng cải tiến theo nhu cầu. Khi nguồn nhân lực trí tuệ đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và là nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp thì việc triển khai và kết hợp chặt chẽ giữa các nhà trường và các doanh nghiệp về nghiên cứu khoa học là một xu thế, một biện pháp tích cực của nền giáo dục năng động, sáng tạo.

Thứ hai, các nhà trường có sẵn đội ngũ trí thức được đào tạo một cách bài bản, có đủ năng lực để tiếp nhận chuyển giao những công nghệ mới tiên tiến, từ đó triển khai áp dụng cho doanh nghiệp. Về mặt này, rõ ràng doanh nghiệp được lợi về mặt tiết kiệm thời gian và tận dụng được nguồn lực ngoài. Còn về phía các nhà trường, cũng từ hoạt động này sẽ nhanh chóng tiếp cận các công nghệ mới dựa vào nguồn lực từ doanh nghiệp.



Cuối cùng, một phương án giúp thúc đẩy mối quan hệ giữa các nhà trường và doanh nghiệp hiện nay là Chính phủ đóng vai trò định hướng, đưa nguồn lực từ các tổ chức nước ngoài giúp thúc đẩy sự gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp ở Việt Nam. Với doanh nghiệp, việc tiếp cận các tổ chức nước ngoài mở ra cơ hội mới để doanh nghiệp tiếp cận thị trường và các nguồn lực ngoài nước. Về phía nhà trường, việc dựa vào nguồn lực từ các tổ chức nước ngoài để tiến hành liên hệ và gắn kết với doanh nghiệp sẽ nâng vị thế và uy tín của mình trong mối quan hệ cần thiết này.



CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA VIỆC LIÊN KẾT GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ DOANH NGHIỆP TRONG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

□TS - LS. Nguyễn Thành Nam

Giám đốc điều hành Công ty Luật Gattaca

1. Mở đầu

Cách mạng công nghệ 4.0 đang định hình rõ nét một kỷ nguyên mới với sự biến đổi không ngừng về xã hội và kinh tế trên phạm vi toàn cầu. Sự phát triển ấy đòi hỏi mỗi quốc gia phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hiệu quả làm việc của nước mình để có thể duy trì vị thế và không bị tụt lại phía sau. Tăng cường liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu khoa học là một trong những giải pháp khả thi nhất nhằm cải thiện vấn đề này. Dưới góc nhìn của một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tư vấn pháp luật, bài viết này sẽ làm rõ các quy định pháp luật của nhà nước điều chỉnh mối quan hệ liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, trên cơ sở đó đưa kiến nghị và đề xuất để cải thiện một số vướng mắc trong vấn đề này.

2. Khái quát về liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu khoa học

2.1. Nhu cầu thực tiễn xã hội về liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu khoa học

Mối liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu khoa học đã xuất hiện ở một số nước thế giới từ lâu đời. Bắt nguồn từ ý tưởng liên kết giữa đào tạo và nghiên cứu đã được nhà triết học người Đức Wilhelm Von Humboldt đưa ra, ngay từ cuối thế kỷ XIX, trước sự phát triển nhanh chóng của quá trình công nghiệp hóa, nhiều trường đại học ở Đức, Mỹ, Nhật ... đã chính thức tham gia trực tiếp vào quá trình phát triển công nghệ và thương mại hóa các sản phẩm công nghệ. Sự hợp tác giữa Viện Công nghệ Massachusetts của Mỹ (MIT) và các doanh nghiệp địa phương là một ví dụ điển hình cho mối liên kết này. Đầu thập niên 1930, MIT đã rất năng động trong việc mở rộng quy mô đào tạo các kỹ sư về công nghệ, đặc biệt là công nghệ xây dựng. Chất lượng và chương trình đào tạo của MIT đã trở thành câu nói quan trọng, tạo liên kết chặt chẽ giữa trường đại học và các doanh nghiệp đồng thời đóng góp to lớn cho sự phát triển công nghệ của Massachusetts.

Từ khi ra đời đến nay, mối liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu khoa học luôn được chú trọng nâng cao và trở thành động lực cho đổi mới. Mối liên kết này là tất yếu, mang tới lợi ích cho các bên và góp phần cho



tăng trưởng kinh tế dài hạn. Với sự hỗ trợ từ các doanh nghiệp, chất lượng đào tạo và nghiên cứu trong các trường đại học được nâng cao là một điều chắc chắn sẽ đạt được. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng đạt được nhiều lợi ích như dễ dàng hơn trong việc tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng cao; có thể ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học của các trường đại học vào quá trình kinh doanh... Không chỉ thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo với nhu cầu thực tiễn của nền kinh tế để tháo gỡ vấn đề giải quyết việc làm, mối liên kết này còn rút ngắn thời gian từ khi kết quả nghiên cứu khoa học được công bố đến khi sản phẩm ứng dụng nằm trên tay của người tiêu dùng. Bởi vậy, việc phát triển hợp tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp là một trong những mục tiêu quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Tại Việt Nam, chất lượng đào tạo và nghiên cứu tại các trường đại học vẫn còn bị đánh giá là chưa gắn liền với nhu cầu của xã hội trong đó đặc biệt là nhu cầu của các doanh nghiệp. Rất nhiều sinh viên tốt nghiệp khó tìm được việc làm hoặc có công việc không phù hợp với chuyên môn được đào tạo. Mặc dù vậy, chúng ta đã bắt đầu có sự nhìn nhận rõ hơn về tầm quan trọng của liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp. Nhu cầu thực tiễn xã hội về liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu khoa học ngày càng nâng cao trong những năm gần đây. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta tiếp tục khẳng định rằng giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn. Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học - công nghệ, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động. Chủ trương này thể hiện sự nhận thức đúng đắn và nhất quán của Đảng ta trong quá trình đổi mới về vai trò quốc sách hàng đầu của giáo dục và đào tạo

2.2. Một số mô hình liên giữa trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu khoa học

Trên thực tế, Liên kết giữa các trường đại học và doanh nghiệp ở Việt Nam thường được thể hiện thông qua các mô hình chủ yếu sau;

- * Liên kết trao đổi nhân lực giữa trường đại học và doanh nghiệp;
- * Liên kết thực hiện các chương trình đào tạo dài hạn và ngắn hạn;
- * Liên kết tổ chức thực tập thực tế cho sinh viên;
- * Liên kết thành lập hội đồng tư vấn đào tạo;



* Liên kết khảo sát nhu cầu nguồn lực của doanh nghiệp.

Cụ thể, hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp được tiến hành dưới nhiều hình thức như: Chương trình thực tập (Internship Program); Tour trải nghiệm nghề nghiệp (Career Tour); Ứng viên tiềm năng (Fresher Program); Lớp liên kết (Linkages Training Course); Ngày hội việc làm (Career Expo); Giảng viên thỉnh giảng (Visiting Lecturer); Học bổng (Scholarships); Đại học doanh nghiệp...

3. Pháp luật về liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu khoa học

3.1. Về chính sách của Nhà nước về liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu khoa học

Trong những năm gần đây, việc thúc đẩy liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu khoa học đã được Nhà nước nhấn mạnh thông qua các chính sách pháp luật có liên quan. Khoản 2 Điều 4 Luật Giáo dục 2019 quy định *“Phát triển giáo dục phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ khoa học, công nghệ, củng cố quốc phòng, an ninh; thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa; bảo đảm cân đối cơ cấu ngành nghề, trình độ, nguồn nhân lực và phù hợp vùng miền; mở rộng quy mô trên cơ sở bảo đảm chất lượng và hiệu quả; kết hợp giữa đào tạo và sử dụng”*.

Để thực hiện được mục tiêu đó, việc hợp tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp cần được chú trọng và thúc đẩy. Bởi suy cho cùng, chính doanh nghiệp là bên sẽ sử dụng lực lượng lao động - kết quả đào tạo của các trường đại học. Việc đào tạo trong các trường đại học không thể xa rời với nhu cầu phát triển của các doanh nghiệp.

Theo quy định tại Điều 12 Luật Sửa đổi bổ sung Luật giáo dục đại học 2018, Nhà nước thực hiện xã hội hóa giáo dục đại học, khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục đại học tư thục; ưu tiên cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận; có chính sách ưu đãi đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư vào hoạt động giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tại cơ sở giáo dục đại học; có chính sách miễn, giảm thuế đối với tài sản hiến tặng, hỗ trợ cho giáo dục đại học, cấp học bổng và tham gia chương trình tín dụng sinh viên.

Bên cạnh đó, trường đại học cần gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của thị trường, nghiên cứu triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ; đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ; có chính sách ưu đãi về thuế cho các sản phẩm khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học; khuyến khích cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tiếp nhận, tạo điều kiện để



người học và giảng viên thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Để thúc đẩy sự hợp tác giữa các bên, Nhà nước còn có chính sách ưu đãi về thuế cho các sản phẩm khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học; khuyến khích cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tiếp nhận, tạo điều kiện để người học và giảng viên thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Ngoài ra, Chính sách ưu đãi đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư vào hoạt động giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tại cơ sở giáo dục đại học; chính sách miễn, giảm thuế đối với tài sản hiến tặng, hỗ trợ cho giáo dục đại học, cấp học bổng và tham gia chương trình tín dụng sinh viên cũng được tổ chức triển khai (khoản 4 Điều 12 Luật Giáo dục đại học sửa đổi bổ sung 2018).

3.2. Một số quy định cụ thể điều chỉnh các mô hình liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu khoa học

Pháp luật hiện hành đã có một số quy định cụ thể và khuyến khích các hoạt động liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp:

3.2.1. Về hoạt động tiếp nhận thực tập

Thực tập là hoạt động thường xuyên được các trường đại học và doanh nghiệp phối hợp thực hiện. Theo Điều 37 Luật Giáo dục đại học sửa đổi bổ sung 2018, Cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm phối hợp với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong việc sử dụng chuyên gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức đào tạo thực hành, thực tập nhằm nâng cao kỹ năng thực hành, thực tập và tăng cơ hội việc làm của sinh viên.

3.2.1. Về hoạt động hướng nghiệp

Điều 9 Luật Giáo dục 2019 định nghĩa về hướng nghiệp như sau: “*Hướng nghiệp trong giáo dục là hệ thống các biện pháp tiến hành trong và ngoài cơ sở giáo dục để giúp học sinh có kiến thức về nghề nghiệp, khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội*”. Trong hoạt động hướng nghiệp, doanh nghiệp đóng vai trò là đơn vị sử dụng lao động; nhu cầu về nhân lực của các doanh nghiệp góp phần cấu thành nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

Quyết định 68/2008/QĐ-BGDĐT quy định về công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm trong các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp nhấn mạnh mục đích của công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm như sau: Thứ nhất, giúp người học định hướng nghề nghiệp, lựa chọn được ngành học, trình độ đào tạo phù hợp; chủ



động, sáng tạo trong học tập, am hiểu về ngành, nghề đang học để phát huy được năng lực nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp; Thứ hai, giúp người học có thông tin về thị trường lao động và tìm được việc làm phù hợp; Thứ ba, tăng cường sự phối hợp giữa cơ sở giáo dục với đơn vị sử dụng lao động để việc đào tạo của nhà trường tiếp cận với thực tiễn và đáp ứng nhu cầu của xã hội. Quyết định 68/2008/QĐ-BGDĐT còn quy định khá cụ thể về nội dung công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm; các điều kiện bảo đảm thực hiện và trách nhiệm của các bên có liên quan.

3.2.3. Về hoạt động liên kết trong nghiên cứu khoa học

Nghiên cứu khoa học là một trong những mục tiêu chung của giáo dục đại học (Điểm a Khoản 1 Điều 5 Luật Giáo dục đại học sửa đổi bổ sung 2018). Theo Khoản 2 Điều 19 Luật Giáo dục 2019 quy định về hoạt động khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục tự triển khai hoặc phối hợp với tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong việc đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Nhà nước cũng có các chính sách để thúc đẩy liên kết giữa các trường đại học và doanh nghiệp. Đó là gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của thị trường, nghiên cứu triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ; đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ. Nhà nước có chính sách ưu đãi về thuế cho các sản phẩm khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học; khuyến khích cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tiếp nhận, tạo điều kiện để người học và giảng viên thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo (Khoản 6 Điều 12 Luật Giáo dục đại học 2019)

3.2.4. Về hoạt động thỉnh giảng

Luật giáo dục 2019 đưa ra định nghĩa: “*Thỉnh giảng là việc cơ sở giáo dục mời người đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 67 của Luật này đến giảng dạy. Người được cơ sở giáo dục mời giảng dạy được gọi là giáo viên thỉnh giảng hoặc giảng viên thỉnh giảng.*”

Hoạt động thỉnh giảng của các chuyên gia từ doanh nghiệp trong các trường đại học cũng là một trong cách hình thức được tiến hành phổ biến hiện nay. Điều này hoàn toàn phù hợp với định hướng của pháp luật. Nhà nước khuyến khích việc mời nhà giáo, nhà khoa học trong nước, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đến giảng dạy tại cơ sở giáo dục theo chế độ thỉnh giảng (Khoản 3 Điều 71 Luật giáo dục 2017). Các chuyên gia, nhà khoa học đến từ doanh nghiệp sẽ phải đáp ứng các tiêu chuẩn, nhiệm vụ và phải đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ nơi mình công tác theo quy định của pháp luật



3.2.5. Về mô hình trường đại học - doanh nghiệp

Mô hình đại học doanh nghiệp hay đại học do doanh nghiệp thành lập là một trong những mô hình mới và thu hút được nhiều sự chú ý tại Việt Nam trong những năm gần đây. VinUni được thành lập bởi Tập đoàn Vingroup, là một trong những ví dụ cho mô hình này.

Các trường đại học được thành lập bởi doanh nghiệp sẽ thuộc loại hình cơ sở giáo dục đại học tư thục do nhà đầu tư trong nước hoặc nước ngoài đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động. Theo Điểm b Khoản 2 Điều 7 Luật Giáo dục đại học sửa đổi bổ sung 2018, cơ sở giáo dục đại học tư thục thuộc sở hữu của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế tư nhân hoặc cá nhân, do tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế tư nhân hoặc cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất. Căn cứ kết quả xếp hạng, cơ sở giáo dục đại học tư thục có thể được Bộ giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi cơ sở giáo dục đại học đặt trụ sở hoặc có tổ chức hoạt động đào tạo về đất đai, tín dụng và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Bên cạnh đó, việc các doanh nghiệp thành lập trường đại học cũng phù hợp với chính sách xã hội hóa giáo dục đại học của nhà nước và được khuyến khích thực hiện.

3.2.6. Về mô hình doanh nghiệp, công ty được thành lập bởi các trường đại học

Luật Giáo dục đại học quy định cơ cấu tổ chức của trường đại học gồm có:

- (1) Hội đồng trường đại học, hội đồng học viện (sau đây gọi chung là hội đồng trường);
- (2) Hiệu trưởng trường đại học, giám đốc học viện (sau đây gọi chung là hiệu trưởng trường đại học); phó hiệu trưởng trường đại học, phó giám đốc học viện (sau đây gọi chung là phó hiệu trưởng trường đại học);
- (3) Hội đồng khoa học và đào tạo; hội đồng khác (nếu có);
- (4) Khoa, phòng chức năng, thư viện, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức phục vụ đào tạo khác;
- (5) Trường, phân hiệu, viện nghiên cứu, cơ sở dịch vụ, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh và đơn vị khác (nếu có) theo nhu cầu phát triển của trường đại học.

Như vậy, pháp luật cho phép các trường đại học thành lập doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh theo nhu cầu phát triển của trường đại học. Có thể nói đây là một trong những điểm đặc trưng của đại học tiên tiến.

Từ những quy định nêu trên, có thể nhìn nhận rằng pháp luật nước ta quy định khá rõ ràng và thể hiện sự định hướng, thúc đẩy mối quan hệ hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu giữa các trường đại học và doanh nghiệp.



4. Thực tiễn liên kết giữa Công ty Luật Gattaca và một số cơ sở đào tạo luật

Công ty Luật Gattaca (Gattaca Law) là tổ chức luật sư thuộc Đoàn Luật sư TP Hà Nội, được thành lập năm 2018, bởi những luật sư tâm huyết với nghề và giàu kinh nghiệm. Công ty thực hiện các dịch vụ pháp lý chuyên sâu như tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng và các dịch vụ pháp lý khác trong nhiều lĩnh vực nhưng trọng tâm là kinh doanh thương mại, đầu tư, tài chính, ngân hàng, bất động sản và sở hữu trí tuệ. Hiện nay, mạng lưới khách hàng của Công ty đã phát triển bao gồm nhiều tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm, tập đoàn/tổng công ty trong lĩnh vực xây dựng, bất động sản, dược phẩm... và các ngành nghề khác. Bên cạnh lĩnh vực luật sư, một số luật sư của Công ty Luật Gattaca đồng thời là trọng tài viên của các Trung tâm trọng tài uy tín tại Việt Nam như Trung tâm Trọng tài thương mại quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VIAC), Trung tâm trọng tài Thương mại phía Nam (STAC). Để hỗ trợ công tác đào tạo nhân lực, Công ty cũng là đối tác của nhiều cơ sở đào tạo luật uy tín tại Việt Nam như: Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Pháp luật kinh tế - Trường Đại học Luật Hà Nội...

Thông qua việc ký kết và triển khai các thoả thuận hợp tác với các cơ sở đào tạo đại học, Công ty Luật Gattaca và các cơ sở đào tạo nêu trên đã có nhiều hoạt động liên kết trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học. Về phía cơ sở đào tạo đại học, thực hiện đào tạo và hỗ trợ Công ty trong việc tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp chất lượng cao; tạo điều kiện để Công ty tham gia các chương trình hội thảo khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học; giới thiệu kết nối các hợp đồng dịch vụ pháp lý;... Về phía Công ty, tiếp nhận sinh thực tập do cơ sở đào tạo giới thiệu; tuyển dụng nguồn nhân sự chất lượng cao từ cơ sở đào tạo; cử luật sư/chuyên gia giảng dạy các module học phần, tham gia các chuyên đề, talkshow chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp, xu hướng công nghệ mới, việc làm và văn hoá doanh nghiệp cho sinh viên; tham dự hội thảo, thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học theo đề nghị của cơ sở đào tạo; phối hợp với trường đại học trong việc thực hiện một số chương trình, sự kiện liên quan... Trong thời gian qua, các hoạt động liên kết giữa Công ty Luật Gattaca và các cơ sở đào tạo đại học được đánh giá là thiết thực, hiệu quả cho các bên tham gia.

Tuy nhiên, việc liên kết vẫn còn các hạn chế như: các hoạt động hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu khoa học vẫn chưa được triển khai một cách thường xuyên. Các sản phẩm nghiên cứu khoa học vẫn chưa được ứng dụng rộng rãi trong quá trình hoạt động của Công ty.

5. Kiến nghị, đề xuất



Qua những phân tích về quy định pháp luật và thực tiễn hoạt động, chúng tôi có một số khuyến nghị sau đây nhằm phát triển việc liên kết giữa trường đại học với doanh nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu khoa học hiện nay.

Thứ nhất, liên kết giữa trường đại học với doanh nghiệp cần phải được xác định thông qua khung hợp tác. Qua đó, hai bên thể hiện nỗ lực triển khai các mô hình liên kết một cách rõ ràng và nghiêm túc.

Thứ hai, trường đại học cũng như doanh nghiệp cần hiểu rõ nhu cầu, khả năng và tiềm lực của các bên để có thể triển khai các hoạt động liên kết một chất lượng và hiệu quả.

Thứ ba, việc thực hiện mô hình liên kết cần gắn liền với lợi ích của các bên để các bên tập trung nguồn lực thực hiện hiệu quả mô hình liên kết.

Trong bối cảnh hiện nay, liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu khoa học là xu thế tất yếu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của mọi quốc gia. Quy định pháp luật đã tạo khung pháp lý cần thiết để thực hiện việc liên kết, tuy nhiên hiệu quả của mỗi liên kết này tùy thuộc nhiều sự lựa chọn phương thức cũng như công tác tổ chức triển khai thực hiện. Nâng cao chất lượng liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp là gia tăng mức độ ảnh hưởng tích cực vào đời sống xã hội và đóng góp cho sự phát triển của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Luật Giáo dục 2019.
- [2]. Luật Giáo dục đại học sửa đổi bổ sung 2018.
- [3]. Nghị định 99/2019/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.
- [4]. Quyết định 68/2008/QĐ-BGDĐT quy định về công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm trong các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp.
- [5]. “*Mối liên kết trường Đại học - Doanh nghiệp: Nhìn từ quan điểm chính sách*” - Nguyễn Đức Trọng & Lê Hiếu Học (Nguồn: Những vấn đề kinh tế & chính trị thế giới, số 2/2017)
- [6]. “*Thúc đẩy liên kết trường đại học và doanh nghiệp ở nước ta trước bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư*”, Thứ ba, 12/03/2019, Tạp chí Mặt trận.
- [7]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia, HN. 2016, tr. 115.
- [8]. “*Vai trò của liên kết đào tạo giữa các trường đại học với doanh nghiệp*”, Ths. Lê Hồng Ngọc, 08:25 01/05/2019, Tạp chí tài chính.



LIÊN KẾT, HỢP TÁC VỚI DOANH NGHIỆP ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

□ TS. **Đông Trung Chính** - Phó Hiệu trưởng

Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội

Đặt vấn đề

Trong nhiều năm qua, Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội (CĐKTCNHN) đã khẳng định được mục tiêu chất lượng đào tạo, từng bước thực hiện định hướng trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có uy tín trong xã hội. Trường đã đặt mục tiêu việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp là thước đo về chất lượng đào tạo, để khẳng định thương hiệu cũng như uy tín của nhà trường với doanh nghiệp và sinh viên.

Nhà trường luôn hiểu rằng, đối với sinh viên mong muốn có công việc làm tốt và có thu nhập ổn định sau khi ra trường; đối với doanh nghiệp mong muốn tìm kiếm được nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng được yêu cầu công việc và thích ứng ngay với môi trường làm việc, doanh nghiệp không phải đào tạo lại.

Trong những năm qua Nhà trường đã chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ, liên tục cải tiến chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tăng cường cơ sở vật chất,.. Đồng thời, phát triển các hoạt động đào tạo gắn kết, hợp tác với doanh nghiệp. Với mục tiêu “hợp tác đôi bên cùng có lợi” được thực hiện theo từng cấp độ như: Tiếp cận; Hợp tác; Duy trì, trong đó DUY TRÌ để phát triển bền vững đã được Nhà trường đặc biệt quan tâm và thực hiện trong nhiều năm qua. Cụ thể Trường CĐKTCNHN đã triển khai các giải pháp sau:

1. Bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên

Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trách nhiệm quan trọng là phải đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong một thế giới việc làm đang thay đổi bởi sự tác động của tiến bộ công nghệ.

Để làm được điều này, việc đầu tiên Nhà trường tập trung vào công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ/giảng viên. Đây là khâu đột phá then chốt của Nhà trường, thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, đồng bộ về các mặt như: bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, kỹ năng lập kế hoạch và lãnh đạo cấp phòng, khoa, xây dựng chương trình



đào tạo, đề cương chi tiết học phần, kiểm định chất lượng đào tạo, đạt chuẩn kỹ năng nghề quốc gia. Nhà trường đã thực hiện khẩu hiệu “cải tiến liên tục” để thực hiện hoàn thành tất cả các mục tiêu đề ra.

2. Thành lập bộ phận chuyên trách thực hiện Hợp tác doanh nghiệp và Hỗ trợ việc làm sinh viên

- Tổ chức ký kết hợp tác liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp.

Hàng năm, nhà trường tổ chức ký kết hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trên cơ sở tìm kiếm của các khoa chuyên môn và Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp và Hỗ trợ việc làm sinh viên ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Đến nay, trường đã chính thức hợp tác với trên 50 doanh nghiệp và đã tổ chức triển khai các nội dung hợp tác như:

Hợp tác xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo và tài liệu giảng dạy.

Tổ chức hội thảo chuyên môn với sự tham gia của doanh nghiệp.

Tham quan, thực tập của giảng viên và sinh viên

Tài trợ học bổng, thiết bị dạy học.

- Cam kết đầu ra là một mục tiêu quan trọng mà trường đã thực hiện trong những năm qua.

Trung tâm của nhà trường có chức năng làm đầu mối triển khai, thực hiện các hoạt động hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp, phát triển các mối quan hệ với doanh nghiệp, thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ sinh viên, phối hợp với các doanh nghiệp, đơn vị tổ chức các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm, đào tạo và bồi dưỡng các kỹ năng cần thiết cho sinh viên trước khi ra trường. Hàng năm đều phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức ngày hội việc làm.

Kết quả đạt được trong những năm qua:

Sinh viên tốt nghiệp có những nghề 100% sinh viên có việc làm ngay (90% doanh nghiệp tuyển dụng, 10% tự tạo việc làm); 85% sinh viên đang học đã có việc làm thêm tại doanh nghiệp

3. Triển khai mô hình đào tạo theo nhu cầu doanh nghiệp.

Từ năm 2017 Trường và Tập đoàn CEO đã hợp tác thực hiện và mang lại hiệu quả cao, quy mô tuyển sinh gày càng tăng. Theo mô hình này.

Năm 1:



Tập đoàn CEO tuyển sinh, đào tạo các kiến thức, kỹ năng thực tế, kỹ năng mềm, kỷ luật tác phong làm việc theo mô hình quân đội, một buổi học, một buổi đi làm thực tế.

Trường ĐKTCNHN đào tạo kiến thức cơ bản theo chương trình cao đẳng theo quy định.

Năm 2:

Doanh nghiệp nhận sinh viên về làm việc, trải nghiệm thực tế.

Trường ĐKTCN HN tiếp tục đào tạo chương trình cao đẳng (VHVL).

Năm 3:

Sinh viên được tuyển dụng vào vị trí chuyên môn theo nghề.

Trường ĐKTCN HN tiếp tục đào tạo chương trình cao đẳng và cấp bằng (VHVL).

100% sinh viên có việc làm từ năm thứ 2 có thu nhập tối thiểu 5 triệu đồng.

4. Triển khai mô hình đào tạo kép

Nhà trường đã ký kết với các doanh nghiệp như: Công ty May Đông Mỹ, Công ty tài chính M2, Hệ thống siêu thị Vinmart, Công ty Cổ phần Charme Perfume, Công ty TNHH Gugee, Misa,... để triển khai chương trình đào tạo kép các ngành May thời trang, Thương mại điện tử, Đồ họa đa phương tiện, Kế toán, Tài chính ngân hàng, Quản lý bán hàng và siêu thị.

Với mô hình đào tạo kép, sinh viên thực hiện học tập tại doanh nghiệp 70% khối lượng chương trình đào tạo, sinh viên thích ứng với công việc thực tế ngay khi còn đi học, giúp cho sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận ngay công việc khi được doanh nghiệp tuyển dụng mà không cần phải tập huấn, đào tạo thêm.

Với mô hình này, sinh viên vừa học tại trường vừa làm việc thực tế tại doanh nghiệp, doanh nghiệp tham gia đào tạo và đánh giá kết quả thông qua vị trí việc làm thực tế.

100% sinh viên năm 2, năm 3 được đi làm việc thực tế tại doanh nghiệp.

5. Tổ chức đưa giảng viên, sinh viên tham quan thực tế, thực tập trải nghiệm tại doanh nghiệp “học kỳ doanh nghiệp”

Mô hình “học kỳ doanh nghiệp” được nhà trường triển khai ngay từ đầu khóa đối với tất cả sinh viên khi nhập trường. Đảm bảo 100% sinh viên được tham quan, thực tập thực tế tại doanh nghiệp, số lượng doanh nghiệp tiếp nhận



thực tập tăng, đáp ứng nhu cầu tiếp cận môi trường thực tế tại doanh nghiệp của sinh viên nhà trường.

Mô hình này đã đem lại hiệu quả rõ rệt đối với chất lượng đào tạo của nhà trường. Sinh viên tham gia các hoạt động này vừa được trải nghiệm thực tế môi trường làm việc vừa tích lũy được kinh nghiệm chuyên môn, khả năng thích nghi, khả năng tự học, rèn luyện các kỹ năng mềm, tính kỷ luật và đặc biệt sinh viên có thể hình dung và hiểu rõ hơn về công việc trong tương lai của mình để có động lực phấn đấu học tập. Đối với giảng viên có thêm cơ hội được bổ sung nâng cao kiến thức thực tế và cập nhật xu thế kịp thời giúp cho bài giảng thêm sinh động, dễ hiểu và thu hút sinh viên hơn. Doanh nghiệp có được nhân lực đảm bảo cho hoạt động sản xuất, giảm chi phí đào tạo lại cho lao động khi tuyển dụng.

6. Tổ chức ngày hội việc làm, tư vấn giới thiệu việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp

Nhằm hỗ trợ cho sinh viên tìm kiếm được việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp, trường đã triển khai các giải pháp:

Tiếp nhận và đăng ký thông tin tuyển dụng của doanh nghiệp lên website.

Tạo trang facebook giới thiệu việc làm của trường CĐKTCNHN.

Tổ chức chương trình gặp gỡ, đối thoại giữa doanh nghiệp và sinh viên các khoa, thông qua ngày hội việc làm doanh nghiệp trực tiếp phỏng vấn sinh viên tuyển thực tập hoặc sinh viên sắp tốt nghiệp vào làm việc tại doanh nghiệp.

Gửi thông tin tuyển dụng của doanh nghiệp đến email cá nhân của sinh viên và gọi điện trực tiếp cho sinh viên về thông tin việc làm.

Tổ chức ngày hội việc làm, mời doanh nghiệp tham gia tuyển dụng, giới thiệu các vị trí việc làm doanh nghiệp đang có nhu cầu tuyển dụng, sinh viên được tiếp xúc, trao đổi trực tiếp với doanh nghiệp, tìm hiểu các vị trí tuyển dụng doanh nghiệp đang có nhu cầu.

Tập huấn kỹ năng phỏng vấn, viết hồ sơ và tham gia các hoạt động giao lưu dành cho sinh viên tham gia ngày hội.

7. Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp và khảo sát doanh nghiệp về chất lượng đào tạo của Trường

Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp. Theo báo cáo kết quả khảo sát vào tháng 9/2020 cho thấy, tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng và liên quan đến ngành ngay khi tốt nghiệp đạt 90%,



100% sau 6 tháng. Mức thu nhập bình quân của sinh viên tại thời điểm khảo sát đạt trên 6 triệu đồng/tháng.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy tỷ lệ sinh viên đánh giá học được kiến thức, từ chương trình đào tạo của nhà trường rất cao và cho rằng những kiến thức, kỹ năng học được tại trường là rất cần thiết.

Hoạt động này giúp cho Nhà trường kịp thời nắm bắt tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, các vấn đề kiến thức, kỹ năng còn thiếu, cũng như ý kiến đánh giá của sinh viên về hoạt động đào tạo của Nhà trường để kịp thời bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp.

Trường cũng tiến hành khảo sát các doanh nghiệp về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên nhà trường đang làm việc tại doanh nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy đa số sinh viên của trường đang làm việc tại doanh nghiệp đều đáp ứng tốt yêu cầu công việc tại nơi làm việc, Qua đó, cho thấy doanh nghiệp đánh giá rất tích cực về lực lượng lao động do nhà trường đào tạo.

Hoạt động này đã giúp Nhà trường phân tích, đánh giá, tiếp cận được những yêu cầu khắt khe của doanh nghiệp về sử dụng người lao động trong thời kỳ hội nhập kinh tế và đang chịu sức ép ảnh hưởng từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Nhà trường tổ chức giao lưu đối thoại với sinh viên mỗi quý 1 lần để nghe tâm tư nguyện vọng và các phản ánh từ sinh viên, từ đó có các giải pháp điều chỉnh kịp thời. Đồng thời luôn giữ vững mối quan hệ với cựu sinh viên, thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu giữa cựu sinh viên và sinh viên. Thông qua hoạt động này, sinh viên có thêm kênh để trao đổi, định hướng nghề nghiệp trong tương lai. Chính cựu sinh viên cũng là những người đóng góp tích cực vào hoạt động đổi mới của Nhà trường.

8. Cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng, cập nhật thường xuyên theo hướng tiếp cận với thực tế, phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và áp dụng cho các trình độ đào tạo của nhà trường. Tất cả các chương trình đào tạo đều được thiết kế và công bố chuẩn đầu ra, thuận tiện để áp dụng phương pháp dạy học tiên tiến và tổ chức đào tạo theo hướng hợp tác cùng doanh nghiệp.



Toàn bộ chương trình đào tạo của nhà trường được thiết kế theo hướng tăng cường tính ứng dụng, thực hành; gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp và nhu cầu thị trường lao động; tạo sự hài lòng tối đa cho doanh nghiệp, người học. Các chương trình đào tạo của nhà trường đều có sự tham gia xây dựng, góp ý của các chuyên gia đến từ các doanh nghiệp.

Trường đã áp dụng học chế tín chỉ từ năm 2015. Hiện tại, 100% chương trình đào tạo bậc cao đẳng, trung cấp được tổ chức theo học chế tín chỉ (hiện tại nhà trường đang đào tạo 19 nghề trình độ cao đẳng, 15 nghề đào tạo trình độ trung cấp với tổng quy mô hơn 4.000 học sinh sinh viên theo học)

Kết luận

Việc gắn kết đào tạo giữa Nhà trường và Doanh nghiệp là một giải pháp hiệu quả là mắt xích quan trọng, then chốt để giải quyết vấn đề việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có tay nghề cao, chất lượng cao của xã hội.

Muốn đào tạo nghề phải đi vào thực chất, người học nghề phải có công việc làm và thu nhập ổn định sau khi tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có tay nghề cao, đáp ứng được yêu cầu vị trí việc làm của doanh nghiệp thì việc gắn kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp và quá trình đào tạo của Nhà trường là tất yếu.

Việc liên kết đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp đã giải quyết được vấn đề bất cập trong thị trường lao động hiện nay ở Việt Nam.

Nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp của Nhà trường, các chương trình đào tạo hấp dẫn hơn, tạo được lòng tin cho các bậc phụ huynh và thu hút được nhiều học sinh, sinh viên hơn, được thể hiện qua kết quả tuyển sinh tăng đều qua các năm. Qua đó Nhà trường đã đạt được mục tiêu trọng tâm là tăng quy mô tuyển sinh và đào tạo trình độ cao đẳng, riêng năm 2020 đã vượt chỉ tiêu đề ra.



THỰC TRẠNG LIÊN KẾT GIỮA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ DOANH NGHIỆP, GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY

□ *TS. Đỗ Chí Thành, ThS. Nguyễn Văn Chung*
Khoa Điện, Trường Đại học Công Nghiệp Quảng Ninh

Tóm tắt: Vấn đề kết nối giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp không còn là mới, các trường là nơi cung cấp nguồn nhân lực, doanh nghiệp coi trường như bạn hàng, hai bên đến với nhau có động lực cùng lợi ích và áp lực không hợp tác không thể tồn tại. Tuy nhiên, chỉ khi nào áp lực và động lực song hành, gắn kết mới bền vững, trở thành tự thân và không rơi vào phong trào. Thực tế sự gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp đã có, đã có nhiều trường ký kết nhiều văn bản hợp tác nhưng kết quả đạt được chưa cao. Xu hướng trong những năm gần đây sẽ phải làm khác, thiết thực. Nhà trường, doanh nghiệp và nhà nước phải thực sự đồng hành với nhau, không ai đặt cao hơn ai, tiến tới xây dựng hệ sinh thái sáng tạo khởi nghiệp, cộng sinh với nhau, phát triển bền vững. Vì sự phát triển chung của đất nước”.

“Vấn đề đặt ra là chất lượng đào tạo. Các trường phải đào tạo thế nào? Doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo đến đâu hay chỉ cấp học bổng hoặc cho sinh viên thực tập như hiện nay?”. Đầu ra của nhà trường là doanh nghiệp nhưng nhà trường đã hiểu doanh nghiệp, đã nắm theo doanh nghiệp quyết định sản phẩm của mình chưa? Để có nhân lực tốt cho mình thì doanh nghiệp đã tham gia với nhà trường để thiết kế sản phẩm hay chưa hay hai đối tượng này vẫn rất xa nhau, vẫn đổ lỗi cho nhau?”.

1. Đặt vấn đề

Liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp là xu hướng phổ biến trên thế giới và được đánh giá là rất quan trọng trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng sinh viên được đào tạo từ nhà trường (NT), đồng thời là nguồn nhân lực chất lượng đầu vào của doanh nghiệp (DN). Xây dựng và củng cố mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp trong việc phát triển nguồn nhân lực là yêu cầu cấp bách, là nhiệm vụ bắt buộc và được sự quan tâm của ban lãnh đạo các nhà trường cũng như các doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Tổ chức Lao động quốc tế, chưa đến 20% lực lượng lao động của Việt Nam được đào tạo chuyên môn và kỹ năng không phù hợp với đòi hỏi của thị trường. Doanh nghiệp cần người lao động có chất lượng cao, trong khi đó số sinh viên ra trường lại chưa đáp ứng được yêu cầu và mong muốn của doanh nghiệp. Đó là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp và nhà trường [8]. Một trong những bất cập



trong thị trường lao động hiện nay là mất cân bằng giữa cung và cầu. Càng trình độ cao thì càng thất nghiệp nhiều, càng ít cơ hội tiếp cận việc làm.

Đối với các trường đại học, môi trường cạnh tranh, hội nhập và tốc độ phát triển mạnh mẽ của công nghệ đã thúc ép các trường đại học phải thay đổi tổ chức và các hoạt động quản trị đại học hướng tới mục tiêu đáp ứng nhu cầu của xã hội và hợp tác với doanh nghiệp. Ngoài sứ mệnh đào tạo nhân lực chất lượng cao, các trường đại học phải quan tâm thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu, các phát minh sáng chế. Do vậy, vai trò của các đại học ngày càng trở nên quan trọng trong việc kết nối với doanh nhân, các tổ chức và các ngành công nghiệp để thực hiện mục tiêu này.

Thông qua hợp tác với doanh nghiệp, các trường đại học có điều kiện để đổi mới cơ cấu tổ chức và quản lý theo hướng hiệu quả; điều chỉnh, cập nhật chương trình, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp - nhà truyền dựng.

Thực tiễn cho thấy: người học luôn muốn được học tập ở những trường đại học có mối liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp để tăng khả năng có việc làm sau khi tốt nghiệp; các đại học có cơ chế và tổ chức theo hướng doanh nghiệp cũng có cơ hội tốt hơn trong việc cập nhật phương pháp dạy học tiên tiến.

Tuy nhiên, để tìm được DN hợp tác bền chặt và sự giúp đỡ tận tình với Trường lại là thách thức lớn và đang còn nhiều mặt hạn chế. Nhiều DN còn e ngại việc cho sinh viên thực tập vì sợ làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời gian thực tập ngắn hạn cũng dẫn đến DN không thể hướng dẫn sinh viên được nhiều. Vì vậy, việc tìm hiểu mối liên kết giữa Trường ĐH và DN một cách sâu sắc hơn là vấn đề hết sức cần thiết. Việc làm này giúp tìm hiểu các khó khăn, rào cản trong hoạt động liên kết giữa Nhà trường và các DN, từ đó đề xuất những giải pháp phù hợp cho hai bên nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác này.

2. Liên kết giữa trường ĐH và DN

Liên kết giữa trường ĐH và DN là phản ánh các mối quan hệ chặt chẽ, ràng buộc lẫn nhau giữa trường ĐH và DN để hướng đến một mục đích chung nào đó. Tính hướng đích là tiêu điểm, là cơ sở và động lực của mối liên kết hai bên [1].

Đối với các doanh nghiệp: Việc hợp tác giúp DN có thể tiếp xúc trực tiếp với rất nhiều sinh viên, có điều kiện để theo dõi, đánh giá tác phong làm việc cũng như kiến thức và năng lực của sinh viên một cách chính xác nhất. Qua đó, doanh nghiệp có hướng tuyển dụng, lựa chọn nhân sự phù hợp và góp phần quảng bá hình ảnh của mình. Hơn nữa, việc liên kết này còn hỗ trợ tuyển dụng nguồn nhân lực cho doanh



nghiệp. Hàng năm, các doanh nghiệp đều có nhu cầu về tuyển dụng lao động, lao động thời vụ và việc liên kết với trường đại học sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong vấn đề này. Ngoài ra, việc liên kết với nhà trường giúp DN tiếp cận những kết quả nghiên cứu hiện đại nhất, cập nhật nhất và có thể ứng dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình [2].

Đối với nhà trường: Việc hợp tác với DN mang lại lợi ích quan trọng đầu tiên là nguồn tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu, hoạt động đào tạo và công tác sinh viên nhờ việc mở rộng mối quan hệ với các đối tác có uy tín. Sinh viên của nhà trường được cải tiến trải nghiệm học tập qua các đợt thực tập tại DN hay tham quan DN. Kỹ năng và kiến thức của sinh viên tốt nghiệp cũng được tăng cường qua các hoạt động hợp tác. Các hoạt động liên kết NT và DN như tổ chức cho sinh viên (SV) tham quan DN, sinh viên được lựa chọn môi trường thực tập nghề nghiệp uy tín của chương trình thực tập sinh cung cấp nhiều giá trị cho các sinh viên và chất lượng chuyên môn và thực tế của sinh viên cũng được nâng cao hơn [2].

Thời gian qua ở nước ta, về cơ bản, chất lượng đào tạo nhiều chuyên ngành ở bậc đại học vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng. Phần lớn doanh nghiệp sau khi tuyển dụng đã phải đào tạo lại. Sự không “ăn khớp” giữa kiến thức lý thuyết trong nhà trường và thực tế công việc là nguyên nhân cơ bản khiến doanh nghiệp chưa thực sự tin là tạo dựng mối quan hệ với trường đại học sẽ mang lại lợi ích đột phá cho họ.

Hầu hết các trường đại học ở nước ta hiện nay không có đủ thông tin về nhu cầu sử dụng lao động; mặt khác, sự chuyên đổi công nghệ của doanh nghiệp diễn ra liên tục nên việc gắn đào tạo với sử dụng cũng phải thay đổi theo nếu không muốn trở thành lạc hậu. Hiện nay, quan niệm “giỏi” của chúng ta thực ra mới dừng ở mức học giỏi, thi giỏi, chứ chưa phải là làm giỏi. Tinh thần thực học, thực nghiệp vẫn chưa có được chỗ đứng vững chắc trong nhà trường, nên việc đào tạo còn xa rời (hay chưa theo kịp) yêu cầu của thực tiễn. Vậy nên để tránh sự lạc hậu về tri thức khoa học, công nghệ, phương châm của nhà trường trong giai đoạn hiện nay cũng cần phải thay đổi theo hướng: “Đào tạo cho thị trường những gì thị trường sẽ cần”.

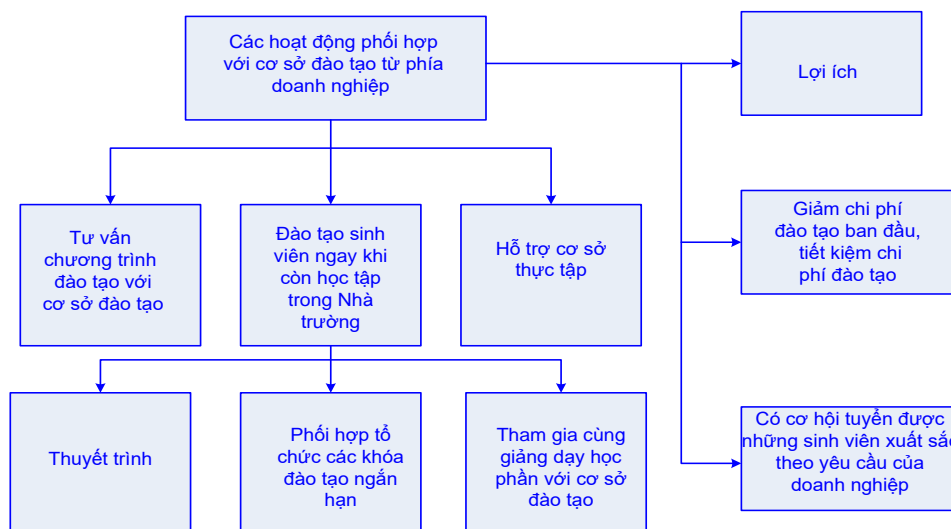
Đa số doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nước ta vẫn đầu tư theo kiểu chụp giạt, ít chú trọng đến phát triển bền vững, không có nhu cầu cho đầu tư nghiên cứu và sáng tạo. Các tổng công ty lớn hay các doanh nghiệp nhà nước thì vẫn được nhà nước bao cấp, ưu ái, còn trường đại học thì thường đào tạo theo chương trình đã lên khung cứng nhắc từ trước mà ít có sự thay đổi vì xét cho cùng là chưa có động lực đủ mạnh để thay đổi.

Như vậy, mối quan hệ giữa trường đại học và doanh nghiệp ở nước ta nhìn chung còn hời hợt vì trong ngắn hạn, cả hai chủ thể chưa thực sự có nhu cầu bức thiết. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế quốc tế vừa qua cũng như số liệu chênh lệch cung cầu việc làm mới được công bố, đặc biệt là việc mở cửa hội nhập ngày càng mạnh mẽ vào chuỗi giá trị toàn cầu đã và đang thúc đẩy cả trường đại học và doanh nghiệp phải tư duy lại chiến lược phát triển của mình. Thay vì đào tạo, đầu tư theo kiểu “chụp giạt”, thì nhu cầu phát triển bền vững lại được đặt ra cấp thiết [6].

3. Các phương thức liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp

✚ Từ phía các doanh nghiệp

Các doanh nghiệp có thể tham gia hợp tác cùng nhà trường trong quá trình đào tạo sinh viên thông qua các cách thức sau (Hình 1) [2].



Hình 1. Phương thức hợp tác từ phía các doanh nghiệp

Thứ nhất, DN tư vấn chương trình đào tạo cùng nhà trường: Khi phát triển chương trình tại cơ sở đào tạo, doanh nghiệp có thể tư vấn cho nhà trường về các yêu cầu của doanh nghiệp đối với chuẩn đầu ra của sinh viên cũng như tư vấn cho nhà trường các xu hướng mới nhất của thị trường. Từ đó, cơ sở đào tạo có căn cứ để xây dựng chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng được nhu cầu thị trường [2, 4].

Thứ hai, DN phối hợp trong việc đào tạo sinh viên trong thời gian học tập cùng nhà trường. Đối với quá trình đào tạo, doanh nghiệp có thể phối hợp với nhà trường trong việc dạy sinh viên qua các nội dung và chủ đề gắn với thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh, chia sẻ các kinh nghiệm thực tế, các nội dung về thực hành giải quyết vấn đề, đào tạo kỹ năng mềm,...[1, 4]

Thứ ba, DN hỗ trợ cơ sở thực tập cho sinh viên: Quá trình thực tập giúp sinh viên có thể vận dụng các kiến thức, kỹ năng được học tại nhà trường và hòa nhập tốt với

môi trường làm việc trong tương lai. Vì vậy, doanh nghiệp có thể liên kết với nhà trường nhận sinh viên thực tập và tạo điều kiện để các sinh viên có thể có được môi trường thực tập tốt nhất [4].

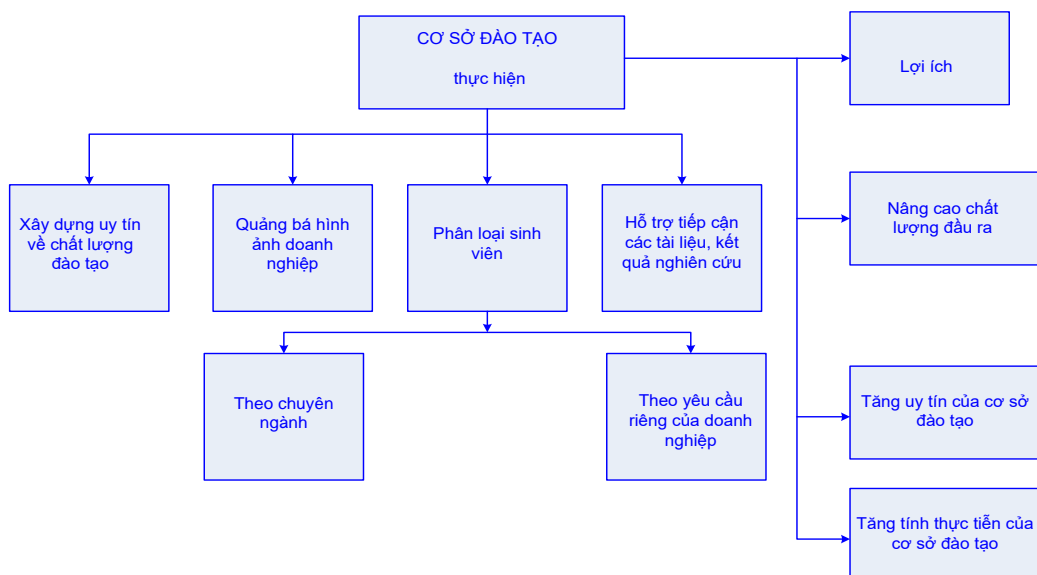
✚ Từ phía nhà trường

Cùng với phương thức hợp tác từ phía doanh nghiệp, nhà trường có thể thúc đẩy mối quan hệ hợp tác thông qua các hoạt động như sau (Hình 2):

Thứ nhất, NT quảng bá hình ảnh cho doanh nghiệp: Nhà trường có thể đưa các thông tin về doanh nghiệp tới sinh viên về cơ hội thực tập, thông tin tuyển dụng ứng viên,... [3, 4].

Thứ hai, NT hỗ trợ tuyển dụng nguồn nhân lực: Hàng năm, các doanh nghiệp đều có nhu cầu về tuyển dụng lao động, lao động thời vụ. Vì vậy, nhà trường có thể hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc đưa thông tin đến sinh viên hoặc giới thiệu sinh viên vào làm việc, thực tập tại các doanh nghiệp [4, 5].

Ngoài ra, NT có thể cung cấp thông tin và tài liệu về các chương trình đào tạo, gắn kết đào tạo sinh viên theo yêu cầu của doanh nghiệp với chương trình đào tạo của nhà trường theo các chuyên ngành; tạo điều kiện thuận tiện cho doanh nghiệp tiếp cận với các tài liệu nghiên cứu về chuyên ngành cũng như cập nhật các xu hướng mới nhất về ngành trong khu vực và trên thế giới, hợp tác nghiên cứu khoa học cùng doanh nghiệp [4].



Hình 2. Phương thức hợp tác từ phía nhà trường

4. Giải pháp

4.1. Về phía trường đại học



Thứ nhất, cần có sự nhìn nhận đúng đắn về mục tiêu đào tạo theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương, qua đó xây dựng chiến lược tổng thể theo hướng “khách quan hóa” chương trình và mục tiêu đào tạo.

Thứ hai, thiết lập bộ phận chuyên trách liên kết, hợp tác với doanh nghiệp. Có chiến lược liên kết với doanh nghiệp bằng hai hình thức chủ yếu: Ký thỏa thuận hợp tác về đào tạo và chuyển giao công nghệ, hoặc trở thành cổ đông của những doanh nghiệp (theo hình thức riêng lẻ từng trường hoặc liên kết nhóm trường đại học cùng ngành đào tạo). Cũng từ cách thức liên kết này, nhà trường có thể thâm nhập sâu vào doanh nghiệp để nắm được yêu cầu về nhân lực chất lượng cao, nhu cầu chuyển giao công nghệ... Đây cũng là điều kiện để các trường đại học quảng bá thương hiệu, nâng cao năng lực và hiệu quả đầu tư tài chính trước xu thế “tự chủ đại học”.

Thứ ba, thường xuyên cập nhật nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy căn cứ vào nhu cầu của doanh nghiệp. Định kỳ tiếp xúc, tìm hiểu nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp để góp phần xây dựng chuẩn đầu ra cho quá trình đào tạo.

Thứ tư, xây dựng cơ chế để đội ngũ doanh nhân trực tiếp tham gia giảng dạy những nội dung cần thiết trong chương trình đào tạo.

4.2. Về phía doanh nghiệp

Thứ nhất, cần nhận thức đầy đủ hơn về ích lợi cũng như xu thế tất yếu của mối liên kết nhà trường - doanh nghiệp, từ đó hoạch định cơ chế phối hợp cũng như chiến lược nhân sự hợp lý cho mình trong tương lai.

Thứ hai, để hạn chế, khắc phục tình trạng đào tạo lại sau khi tuyển dụng, doanh nghiệp cũng cần thiết lập bộ phận chuyên trách để phản biện, góp phần xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo cho trường đại học hướng theo nhu cầu sử dụng nhân lực từ phía doanh nghiệp.

Thứ ba, có chiến lược “nuôi dưỡng”, “uơm mầm” tài năng tại các trường đại học bằng các hình thức cung cấp học bổng, đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, tài chính, tuyển dụng trước và sau tốt nghiệp; đặt hàng cơ sở đào tạo giải quyết những vấn đề cần thiết mà doanh nghiệp đang và sẽ có nhu cầu...

Thứ tư, chủ động “thâm nhập” một cách toàn diện vào trường đại học (bộ máy lãnh đạo, giáo trình, nội dung, phương pháp giảng dạy, bảo vệ đồ án, luận văn tốt nghiệp...) để có thêm điều kiện góp ý điều chỉnh chương trình đào tạo cho “ăn khớp” với nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội. Chủ trương đưa các doanh nhân vào hội đồng trường đại học thời gian gần đây được nhìn nhận là một bước tiến trong chiến lược xã



hội hóa giáo dục cũng như đào tạo theo nhu cầu xã hội. Đây cũng được là cơ hội để các doanh nghiệp quảng bá hình ảnh và thương hiệu của mình...

5. Phần kết luận

Trong bối cảnh hiện nay, liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp là xu thế tất yếu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của mọi quốc gia. Chiều rộng và độ sâu của mối liên kết này tùy thuộc nhiều vào sự định hướng của các cơ quan chức năng, sự lựa chọn phương thức cũng như sự thỏa hiệp của các chủ thể. Hiệu quả của mối kết luôn là nâng cao “tâm vóc”, củng cố niềm tin cũng như gia tăng mức độ ảnh hưởng tích cực vào đời sống xã hội của các bên liên kết.

Rút ngắn khoảng cách từ giảng đường tới thực tiễn doanh nghiệp đang là yêu cầu cấp bách đối với các cơ sở đào tạo đại học và cộng đồng doanh nghiệp. Đảng, Nhà nước thì luôn khuyến khích, xã hội thì đang đòi hỏi cấp thiết, “rào cản” hầu như chỉ thuộc phạm vi yếu tố chủ quan của các chủ thể liên kết [6].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đinh Văn Toàn (2016), Hợp tác đại học doanh nghiệp trên thế giới và một số gợi ý cho Việt Nam, Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Kinh tế và kinh doanh, 4(32), 69–80.
- [2]. Phạm Thị Thùy Trang*, Bùi Thị Thúy, Nguyễn Thị Thu Thủy, Hoàng Trọng Hùng (2019). Thúc đẩy hoạt động liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp.
- [3]. Nguyễn Quỳnh Mai, (2014), Đánh giá liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp, Tạp chí khoa học và công nghệ, 17(Q4), 36–45.
- [4]. Phạm Thị Thu Phương (2016), Các phương thức hợp tác giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp trong đào tạo sinh viên ngành du lịch đáp ứng nhu cầu hội nhập, Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ, 19(X5), 120–126.
- [5]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia, HN. 2016, tr. 27.
- [6]. <http://tapchimattran.vn/thuc-tien/thuc-day-lien-ket-truong-dai-hoc-va-doanh-nghiep-o-nuoc-ta-truoc-boi-can-h-cach-mang-cong-nghiep-lan-thu-tu>.
- [7]. www.hdu.edu.vn.
- [8]. <https://ndh.vn/vi-mo/vi-sao-nang-suat-lao-ong-viet-nam-thuoc-nhom-thap-nhat-chau-a-1088306.html>.



MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG ĐÀO TẠO GẮN VỚI NHU CẦU DOANH NGHIỆP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

□ ThS Lê Xuân Hương, ThS Trần Thị Thu Lan

Khoa Kinh Tế - trường ĐH Công Nghiệp Quảng Ninh

1. Đặt vấn đề

Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động có một vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của đất nước nói chung và đối với sự phát triển của các trường đại học, cao đẳng nói riêng. Đào tạo đáp ứng yêu cầu thị trường lao động không phải là vấn đề của một trường đại học mà phải là vấn đề có tính xã hội, nhằm đảm bảo cân bằng giữa nguồn cung và nhu cầu của xã hội về nhân lực. Để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động thì các trường đại học, cao đẳng cần phải đổi mới và cập nhật chương trình đào tạo sao cho vừa đảm bảo chương trình khung, vừa đáp ứng những đòi hỏi cụ thể về chuyên môn nghề nghiệp đối với đầu ra. Bài viết này sẽ đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp tại trường ĐH Công Nghiệp Quảng Ninh.

2. Lợi ích đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp

Hiện nay, hoạt động hợp tác giữa các trường đại học-cao đẳng và doanh nghiệp đang trở nên ngày càng phổ biến ở nước ta bởi những lợi ích to lớn mang lại cho cả hai bên. Lợi ích lớn nhất mang lại cho doanh nghiệp từ sự hợp tác với trường đại học-cao đẳng là có được nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu phát triển của họ. Thay vì phải tìm kiếm nhân lực trên thị trường tự do, mất thời gian và chi phí để đào tạo lại, các doanh nghiệp “đặt hàng” với trường đại học-cao đẳng để đào tạo ra những cán bộ, chuyên gia đáp ứng được nhu cầu phát triển của mình. Như vậy, các trường sẽ đem lại lợi ích rất lớn, tạo nguồn “tài sản” quý giá trong tương lai cho các doanh nghiệp. Ngoài ra, các doanh nghiệp còn nhận được lợi ích từ các đại học trong việc tiếp cận trực tiếp với các giải pháp phát triển doanh nghiệp, phát minh, sáng chế và các dịch vụ tư vấn.

Gắn kết đào tạo theo nhu cầu phát triển của doanh nghiệp cũng mang lại nhiều lợi ích cho trường đại học-cao đẳng. Trước hết, sản phẩm đầu ra đã có nơi đặt hàng, nhờ đó nắm bắt được cụ thể yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp, quy mô cần đào tạo. Các thông tin này có vai trò hết sức quan trọng trong việc xây dựng nội dung các chương trình đào tạo và tuyển chọn, phát triển đội ngũ giảng viên. Mặt khác, nhờ có đơn đặt hàng, trường đại học-cao đẳng có được nguồn kinh phí dồi dào, tăng cường cơ sở vật chất, thu hút người tài. Những lợi ích này sẽ giúp đại học-cao đẳng có được thương hiệu mạnh, thu hút đầu vào chất lượng cao, có nhiều



đơn đặt hàng từ doanh nghiệp, nhận được nhiều tài trợ (đặc biệt là tài trợ của các cựu sinh viên thành đạt).

Như vậy, gắn kết đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp sẽ mang lại lợi ích to lớn cho tất cả các bên. Sự gắn kết này đã và đang được các đại học-cao đẳng và doanh nghiệp ở nhiều nước khai thác triệt để. Ở nước ta, các trường đại học-cao đẳng và doanh nghiệp cũng đã nhận thấy được lợi ích to lớn này và tăng cường sự gắn kết trên nhiều mặt.

3. Tình hình về hoạt động đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp tại Trường Đại học Công Nghiệp Quảng Ninh

Trong những năm gần đây, công tác đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp đã được Trường Đại học Công Nghiệp Quảng Ninh đặc biệt quan tâm và coi đây là hoạt động trọng tâm, là bước đi đột phá trong công tác đào tạo. Nhà trường đã có nhiều hoạt động cụ thể để tăng cường sự gắn kết này, như: tổ chức ngày hội việc làm hàng năm, thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu, trao đổi với doanh nghiệp, tổ chức tham quan thực tế doanh nghiệp, mời doanh nghiệp tham gia hoạt động tư vấn tuyển sinh trực tuyến, giao lưu gặp gỡ thường xuyên với các cựu sinh viên... Tất cả các hoạt động này, giúp nhà trường nắm bắt chính xác, kịp thời hơn về nhu cầu của doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp nhất. Hiện nay, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa sự gắn kết với doanh nghiệp thông qua việc giao nhiệm vụ cụ thể, coi đây là một nhiệm vụ bắt buộc của mỗi khoa chuyên môn với chương trình làm việc chi tiết, chỉ tiêu cụ thể trong từng năm học.

Tuy nhiên, trong thời gian qua việc hợp tác với doanh nghiệp của nhà trường còn có hạn chế nhất định về chiều sâu; Nhà trường mới chỉ thông qua doanh nghiệp để đưa sinh viên đến thực tập và trải nghiệm mà cơ bản là tham quan về quy trình hoạt động, nguyên tắc làm việc, mô hình sản xuất,...

Nhiều đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp đã chỉ ra những tồn tại của sinh viên nhà trường sau tốt nghiệp về khả năng hợp tác, kỹ năng làm việc nhóm, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học cũng như những thiếu sót về nghiệp vụ, kiến thức thực tiễn công việc của sinh viên khi tuyển dụng. Hơn nữa, nhà tuyển dụng cũng đã đặt ra những ngành, lĩnh vực nên cân nhắc ưu tiên đào tạo, đang là những lĩnh vực đang có nhu cầu lớn, nhằm hỗ trợ nhà trường trong quá trình định hướng, xây dựng các chương trình đào tạo mới.

Từ những đánh giá của Nhà trường cùng với những đánh giá của một số doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, có thể chỉ ra rằng, việc đào tạo hiện nay vẫn còn những tồn tại và hạn chế cần khắc phục, điều chỉnh như:

- Cơ cấu ngành, nghề đào tạo vẫn chưa thật phù hợp với cơ cấu ngành, nghề của thị trường lao động, chưa bổ sung thường xuyên các nghề đào tạo mới theo yêu cầu



của thị trường lao động,... Trong quá trình đào tạo, hầu hết các ngành đào tạo này đều có sự phối hợp với các doanh nghiệp, nhưng chưa có chiều sâu.

- Chất lượng đào tạo chưa cao, nội dung chương trình, giáo trình giảng dạy chưa cập nhật, đổi mới so với sự thay đổi nhanh về công nghệ sản xuất của doanh nghiệp; giữa lý thuyết với thực hành còn khoảng cách không nhỏ.

- Nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng hòa nhập, thích ứng của sinh viên khi ra trường còn hạn chế.

- Mọi quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp còn chưa chặt chẽ (cả về trách nhiệm và quyền lợi), nên trên thực tế trường vẫn chủ yếu đào tạo theo khả năng “cung” của mình chứ chưa thực sự đào tạo theo “cầu” của doanh nghiệp. Hiện nay, Trường Đại học Công Nghiệp Quảng Ninh đã có những hợp tác nhất định đối với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh trong quá trình đào tạo. Tuy vậy, hoạt động giới thiệu, đảm bảo việc làm cho sinh viên khi ra trường thì vẫn chưa tìm được cơ chế phối hợp với doanh nghiệp một cách chặt chẽ. Đây cũng là một thực tế cần tính đến trong quá trình phối hợp với doanh nghiệp trong việc đổi mới chương trình đào tạo cũng như nhu cầu lao động.

- Nhiều doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động đều phải dành một khoảng thời gian để đào tạo bổ sung các sinh viên tốt nghiệp mới ra trường, trong đó có sinh viên của Trường Đại học Công Nghiệp Quảng Ninh, để phù hợp và đáp ứng với yêu cầu của doanh nghiệp

4. Một số giải pháp tăng cường đào tạo gắn với doanh nghiệp

Nhằm thực hiện mục tiêu phát triển nhà trường cũng như đáp ứng yêu cầu của xã hội, một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình quản lý đào tạo của Nhà trường là đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo theo cả hai hướng: huy động mọi lực lượng xã hội tham gia vào công tác đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội trong đó có doanh nghiệp và tập trung vào đào tạo ra những con người đáp ứng các yêu cầu của xã hội. Thực hiện mục tiêu này, tiếp cận theo hướng gắn với doanh nghiệp, Nhà trường cần tập trung nghiên cứu và thực hiện một số giải pháp sau:

4.1. Đối với trường Đại học Công Nghiệp Quảng Ninh

- Xác định và xác định lại các ngành nghề đáp ứng nhu cầu hiện tại và tương lai của thị trường lao động, xây dựng chiến lược phát triển chung của nhà trường và nhiệm vụ đào tạo. Nhằm thực hiện nhiệm vụ này, Nhà trường cần chủ động điều tra để có được thông tin về nhu cầu của doanh nghiệp (nghề, trình độ, mức độ kỹ năng...) để tổ chức đào tạo phù hợp. Bởi lẽ, sự phối hợp không thể trải rộng với nhiều doanh nghiệp, ngay cả trong một lĩnh vực nên việc tìm hiểu thông tin về nghề nghiệp, yêu cầu lao động của nhiều doanh nghiệp là cần thiết. Hơn nữa, việc tìm hiểu này sẽ cho



cái nhìn tổng quan, toàn diện hơn về nhu cầu lao động và yêu cầu về lao động cho Nhà trường. Nhà trường cần thực hiện tốt phương châm: chỉ đào tạo những gì xã hội cần. Đào tạo phải lấy người học làm trung tâm, phải đào tạo ra những con người có khả năng học tập suốt đời. Kiểm tra chặt chẽ, sâu sát chất lượng của sinh viên, thực hiện phương pháp đánh giá từ bên ngoài (người sử dụng lao động) kết hợp với đánh giá từ bên trong (nhà trường).

- Xây dựng kế hoạch và cơ chế phối hợp với doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động trong giai đoạn sắp tới nhằm tạo điều kiện thuận lợi và mối quan hệ chặt chẽ cả về lợi ích giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo. Việc phối hợp và kí kết các thỏa thuận hợp tác và phối hợp với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động cần được thực hiện đồng bộ, chặt chẽ và có tính đại diện và từng bước.

Nhà trường cần phải tự mình nâng cao năng lực đào tạo, xây dựng chuẩn đầu ra cho người học cần có sự tham khảo nhu cầu thị trường và doanh nghiệp. Từ sự tham khảo này, nhà trường sẽ xây dựng khung chương trình giảng dạy, biên soạn và cải tiến giáo trình giảng dạy đảm bảo tính tiên tiến, hiện đại của chương trình đào tạo, phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp, của thị trường lao động.

Đánh giá chất lượng đầu ra, khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên khi tuyển dụng và làm việc sau ra trường thông qua các nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp. Điều này yêu cầu nhà trường phải có kênh thu thập thông tin của sinh viên sau ra trường từ chính sinh viên và các nhà tuyển dụng nhằm đánh giá sự phù hợp và đáp ứng thị trường của sản phẩm đào tạo cùng với việc đánh giá năng lực trong nhà trường.

- Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục bằng việc liên kết về tài chính và cơ sở vật chất, tạo điều kiện cho đội ngũ doanh nhân trực tiếp tham gia giảng dạy. Nguồn tài chính của phần lớn nhà trường ở nước ta hiện nay vẫn phụ thuộc vào ngân sách và học phí. Cả hai nguồn vốn này, về cơ bản chỉ đủ cho nhà trường duy trì các hoạt động đào tạo. Do đó, nhà trường muốn có nguồn tài chính dồi dào cần phải thực hiện tốt công tác xã hội hóa dựa vào doanh nghiệp và các nhà tài trợ dưới nhiều hình thức khác nhau: học bổng cho sinh viên học giỏi hoặc sinh viên nghèo vượt khó, hợp đồng nghiên cứu khoa học...

- Định hướng, hướng nghiệp trước khi sinh viên vào trường: Một trong những nguyên nhân khiến không ít những sinh viên ra trường phải làm trái ngành, trái nghề là sinh viên chưa có định hướng nghề nghiệp đúng trước khi vào trường. Vì thế mà định hướng nghề nghiệp là khâu quan trọng nhất đối với sinh viên. Nếu định hướng nghề nghiệp tốt thì sinh viên sẽ được đào tạo theo đúng khả năng và năng lực cũng như năng khiếu của mình, để sau khi được đào tạo sinh viên sẽ rất dễ dàng trong việc tìm kiếm việc làm. Hiện nay, một số trường đại học, cao đẳng đã phối hợp với các sở giáo dục và đào tạo lân cận tổ chức các “ngày hội tuyển sinh”, tại đó, nhà trường và doanh nghiệp (có nơi có doanh nghiệp, có nơi không) thông báo về các cơ hội việc làm, yêu



cầu cơ bản về phẩm chất và năng lực đáp ứng việc làm, về lương và các giá trị xã hội của việc làm (thương hiệu, nhân văn,...) và những ngành nghề mà nhà trường đào tạo, cơ hội sau ra trường, ... Đây là những hoạt động thiết thực và hiệu quả, một mặt giúp học sinh lựa chọn lĩnh vực học, ngành nghề tương lai, một mặt giúp nhà trường quảng bá thương hiệu, lựa chọn và định hướng đầu vào.

- Tăng cường bồi dưỡng nhận thức về đào tạo cho giảng viên nhà trường, nhằm yêu cầu giảng viên tăng cường dạy học gắn với thực tiễn trong quá trình dạy học ở giảng đường; Tổ chức cho giảng viên nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, nắm vững và cập nhật các thay đổi của môi trường lao động của lĩnh vực mình đào tạo thông qua việc tập huấn, tham quan,... về các doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động. Từ đó, giảng viên sẽ nâng cao chất lượng dạy học mà đặc biệt là khả năng liên hệ thực tiễn, đổi mới nội dung bài giảng theo hướng gắn với thực tiễn.

- Hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học để sinh viên sớm được tiếp cận với công nghệ tiên tiến. Kết hợp với doanh nghiệp để cung cấp cho sinh viên điều kiện thực hành, thực tập gắn liền với thực tế sản xuất, điều này giúp doanh nghiệp có thể lựa chọn được ứng viên phù hợp, còn nhà trường giảm bớt gánh nặng chi phí.

- Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu. Đây là hình thức hợp tác cao nhất giữa nhà trường và doanh nghiệp. Tăng cường chặt chẽ hơn nữa về mối quan hệ giữa cựu sinh viên với nhà trường, tạo cơ chế để những cựu sinh viên đang làm việc tại doanh nghiệp liên hệ thường xuyên với nhà trường, có thể tổ chức những buổi hội thảo trao đổi kinh nghiệm giữa lý thuyết với thực tiễn. Đây là cầu nối vững chắc giữa nhà trường và doanh nghiệp, rất hiệu quả, rất thiết thực. Qua sự liên kết này, nhà trường sẽ cải tiến chương trình đào tạo theo từng thời điểm sao cho phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp.

- Mỗi một cán bộ, giảng viên của trường ĐH Công Nghiệp Quảng Ninh cần có trách nhiệm đầy đủ với sinh viên của mình và lãnh đạo nhà trường dám cam kết với xã hội về chất lượng “sản phẩm đào tạo” của mình thì mới thật sự tạo ra động lực của đổi mới, mới nhanh chóng khắc phục được tình trạng đào tạo hiện nay. Mặt khác, chỉ có thể thông qua việc tiếp nhận và phản hồi của thị trường lao động, trong đó có các doanh nghiệp đối với sản phẩm mà mình cung ứng thì mới khẳng định được uy tín, thương hiệu của nhà trường.

4.2. Đối với doanh nghiệp

- Doanh nghiệp phối hợp cung cấp thông tin cho Nhà trường về nhu cầu lao động, yêu cầu về phẩm chất và năng lực đối với người lao động, cho mỗi vị trí việc làm.

- Doanh nghiệp phối hợp với Nhà trường tham gia vào hội đồng xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo; cùng tham gia đào tạo bằng cách góp ý kiến về xây dựng, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo thông qua việc cung cấp thông tin,



phản biện nội dung chương trình đào tạo qua đó nhà trường có thể chỉnh sửa cho phù hợp với thực tế.

- Doanh nghiệp hỗ trợ tài chính cũng như cơ sở vật chất bằng các hình thức như hỗ trợ học bổng cho sinh viên, ký kết các hợp đồng tư vấn, nghiên cứu khoa học. Mặt khác, doanh nghiệp có thể hỗ trợ tài chính cho nhà trường bằng việc thành lập các công ty, khu công nghệ, khu thực hành, khu giảng đường, phòng thí nghiệm trang thiết bị cho giảng dạy và học tập.

- Doanh nghiệp cử các chuyên viên, chuyên gia, kỹ sư, công nhân lành nghề tham gia trực tiếp giảng dạy hoặc hướng dẫn thực hành tại nhà trường hoặc tại doanh nghiệp. Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng cần có thiện chí và tạo điều kiện tiếp nhận các giảng viên, cán bộ quản lý đến doanh nghiệp học tập, học hỏi kinh nghiệm hoặc trao đổi những vướng mắc giữa chương trình đào tạo và yêu cầu của thực tế.

- Nhà trường phối hợp với doanh nghiệp trong quá trình thực tập, nhưng doanh nghiệp đóng vai trò chủ đạo. Doanh nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn, đào tạo sinh viên trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp. Doanh nghiệp có trách nhiệm huy động đội ngũ cán bộ kỹ thuật vững tay nghề của tham gia giảng dạy thực hành, hướng dẫn thực tập. Ngoài ra, việc tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên đến thực tập cũng là cơ hội giúp doanh nghiệp phát hiện người tài từ đó có kế hoạch hỗ trợ, bồi dưỡng tiếp hoặc cam kết tuyển dụng với sinh viên sau khi ra trường

4.3. Đối với người học

Khi đã chọn trường và ngành học thì người học cần xác định rõ tầm quan trọng của ngành nghề để có cách tiếp nhận và học tập đúng đắn. Ngoài nội dung học trên lớp, người học cần học và tìm hiểu thêm kiến thức trên sách vở, báo chí, bạn bè, mạng internet...tham gia các diễn đàn, thuyết trình, hội thảo về chuyên ngành giữa nhà trường và doanh nghiệp, tham gia vào các nhóm nghiên cứu khoa học tăng khả năng tư duy, phát hiện và xử lý vấn đề, tham gia thực tập thực tế theo chuyên ngành đào tạo tại các doanh nghiệp nhằm vận dụng kiến thức đã tiếp nhận ở nhà trường vào thực tế doanh nghiệp, trau dồi kinh nghiệm, lòng tự tin, bản lĩnh tìm cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

Mặt khác, người học phải tạo được tâm lý ổn định, vững vàng và phải có lòng yêu nghề, có mục tiêu, định hướng rõ ràng trong quá trình học tập.

5. Kết luận

Việc phối hợp với nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo không còn là vấn đề mới trong đào tạo nhân lực. Tuy vậy, do nhiều lí do khách quan khác nhau nên vẫn cần có những điều chỉnh và nghiên cứu triển khai nhất định tại Trường Đại học Công Nghiệp Quảng Ninh trong công tác đào tạo có sự phối hợp với các doanh nghiệp trên



địa bàn. Các giải pháp đề ra ở trên sẽ góp phần nâng cao chất lượng đầu vào cũng như chất lượng đào tạo đầu ra hay hiệu quả đào tạo của Nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Đức Anh (2017). *Giải pháp quản lý hoạt động hợp tác của trường đại học với doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật điện tử, truyền thông*. Tạp chí Giáo dục, số 429, tr 11-15.
- [2]. Kỷ yếu “hội thảo quốc tế cùng doanh nghiệp vượt qua thử thách – quản lý đổi mới và sáng tạo trong doanh nghiệp vừa và nhỏ” (ICECH 2014)
- [3]. <http://www.tinmoi.vn/nha-truong-va-doanh-nghiep-mo-hinh-lien-ket-hieu-qua-011296150.html>
- [4]. http://truongchinhtrina.gov.vn/ArticleDetail.aspx?_Article_ID=212
- [5]. <http://www.udn.vn/bcns/view/293/1073>
- [6]. <http://opac.vnulib.edu.vn/multim/toc/45308.pdf>.



CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ LÀ ĐỘNG LỰC ĐỔI MỚI CỦA DOANH NGHIỆP

□ Nguyễn Hồng Quân

¹Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

* nguyenhongquan@qui.edu.vn

Mobile: 0988677861

Từ khóa: Chuyển giao công nghệ; thương mại hóa sáng tạo; đổi mới; quản lý đổi mới; hợp tác trường đại học - doanh nghiệp

Tóm tắt: Bài báo này xem xét chuyển giao công nghệ như một động lực trong việc thực hiện đổi mới ở các doanh nghiệp. Trong môi trường kinh doanh cạnh tranh cao ngày nay, các doanh nghiệp cần liên tục đổi mới và đo lường hiệu suất đổi mới. Những đổi mới như ý tưởng mới, phát triển sản phẩm và dịch vụ mới cũng như thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển của trường đại học là nguồn lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp. Lý do hợp tác giữa các trường đại học và các doanh nghiệp là sử dụng chuyển giao công nghệ để thực hiện các giải pháp mới từ học thuật trong thực tiễn kinh doanh.

1. Đặt vấn đề

Ngày càng có nhiều ý kiến đánh giá rằng về lâu dài, khả năng làm chủ công nghệ, quản lý và tạo ra những thay đổi công nghệ là yếu tố quyết định trong việc xác định khả năng cạnh tranh quốc tế và năng lực phát triển của một quốc gia. Các doanh nghiệp đang ngày càng tìm kiếm các mối quan hệ đối tác R&D và hợp tác nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn cầu như một cách để xây dựng năng lực, củng cố năng lực cốt lõi và mở rộng sang các lĩnh vực công nghệ được coi là quan trọng để duy trì và phát triển thị phần. Chuyển giao công nghệ (CGCN) là yếu tố then chốt góp phần vào hoạt động đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế của một quốc gia. Tuy nhiên, đây là một quá trình có rủi ro cao vì không có gì đảm bảo rằng một dự án phát triển công nghệ sẽ dẫn đến việc đổi mới sản phẩm thành công hoặc khoản đầu tư sẽ tạo ra đủ lợi nhuận [1]. Năng lực công nghệ được thể hiện bằng các nguồn lực, kỹ năng và kinh nghiệm công nghệ mang lại lợi thế cạnh tranh đặc biệt cho các doanh nghiệp (Prahalad và Hamel, 1990). Năng lực đó có thể được xây dựng trong nội bộ, thông qua nghiên cứu và phát triển (R&D) và thông qua các quá trình học tập tổ chức khác nhau nhằm nâng cao và duy trì cơ sở kiến thức, nhưng nó cũng có thể được xây dựng bên ngoài. Quá trình mà công nghệ di chuyển từ các nguồn bên ngoài vào tổ



chức là CGCN. CGCN là sự di chuyển của công nghệ từ nơi này sang nơi khác, ví dụ, từ tổ chức này sang tổ chức khác, từ trường đại học sang tổ chức, hoặc từ quốc gia này sang quốc gia khác. Nó có thể là một quá trình kéo dài, phức tạp và năng động và sự thành công của nó bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau bắt nguồn từ nhiều nguồn khác nhau. CGCN cần được nhìn nhận đạt được ba mục tiêu cốt lõi [2]: giới thiệu các kỹ thuật mới bằng cách đầu tư các nhà máy mới; cải tiến các kỹ thuật hiện có và tạo ra tri thức mới.

Bài báo này chủ yếu phân tích, tổng kết và đánh giá mối liên hệ giữa các chủ đề chuyển giao và đổi mới công nghệ. Bằng cách xác định các kết luận từ nghiên cứu tài liệu, bài báo sử dụng các phương pháp quy nạp và suy luận chung, phương pháp định tính và phương pháp mô hình hóa để minh họa mối quan hệ giữa các chủ đề nghiên cứu.

2. Đổi mới và quản lý đổi mới

2.1 Đổi mới

Đổi mới đang trở thành nguồn lực chính cho sự phát triển kinh tế và sự giàu có của một số quốc gia. Khái niệm đổi mới được đưa ra bởi nhà kinh tế học Joseph A. Schumpeter, người định nghĩa đổi mới là sự thực thi sự kết hợp mới của các yếu tố sản xuất, trong khi đổi mới được trình bày như một sự kết hợp mới. Theo giả thuyết này, sự đổi mới là việc sử dụng các quy trình, công nghệ hiện có và các yếu tố mới, cho đến nay vẫn chưa được sử dụng. Schumpeter đã phân loại 5 thay đổi, phản ánh sự phát triển [3]:

- Triển khai các sản phẩm mới, tương ứng là các sản phẩm ban đầu với các đặc điểm mới;
- Sử dụng các kỹ thuật sản xuất mới, quy trình sản xuất và cách thức mới để đảm bảo sản xuất;
- Mở ra thị trường mới;
- Sử dụng nguyên liệu mới;
- Thay đổi trong tổ chức sản xuất và an ninh.

Sự đổi mới trong doanh nghiệp phần lớn dựa trên sự phát triển của sản xuất và thị trường. Đổi mới dẫn đến việc mở rộng quy trình sản xuất. Thuật ngữ đổi mới có thể được trình bày như là việc thực hiện "một cái gì đó mới" trong các hoạt động hiện tại của doanh nghiệp, ví dụ một kiến thức mới, sản phẩm công nghệ, nhưng cũng là những cải tiến khác nhau. Một quan điểm lý thuyết khác định nghĩa đổi mới là một công cụ cụ thể mà những thay đổi được sử dụng như một cơ hội để phân biệt doanh nghiệp hoặc dịch vụ của riêng đổi thủ cạnh tranh.



Mục đích của đổi mới là chuyển đổi đầu ra của các hoạt động đổi mới thành các sản phẩm thành công về mặt thương mại. Đổi mới chỉ được thực hiện ở đó, nơi mà kết quả đầu ra của các hoạt động đổi mới sẽ có tác động tích cực đến việc tăng hiệu lực và hiệu quả của các quy trình kinh doanh và sẽ mang lại cho khách hàng những giá trị lợi ích cần thiết trong tương lai. Trong môi trường đầy biến động hiện nay, các doanh nghiệp buộc phải xem xét các yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến sự phát triển và tiến bộ của họ. Yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự thành công của doanh nghiệp là sự đổi mới và tiềm năng đổi mới của mỗi doanh nghiệp. Việc thực hiện đổi mới đúng cách cho phép tăng khả năng cạnh tranh, mở rộng tính linh hoạt trong việc đáp ứng các yêu cầu thay đổi liên tục của khách hàng và củng cố vị thế trên thị trường. Đổi mới là một công cụ có thể giải quyết các nhu cầu ngày càng khắt khe của khách hàng, áp lực cạnh tranh ngày càng tăng, phát triển công nghệ nhanh chóng và toàn cầu hóa kinh doanh.

Doanh nghiệp thành công là những doanh nghiệp có thể thực hiện các hoạt động của mình theo một cách khác biệt so với các đối thủ cạnh tranh. Các doanh nghiệp thành công được đặc trưng bởi việc áp dụng những ý tưởng, kiến thức, thực hành và tư duy sáng tạo mới vào cuộc sống làm việc hàng ngày. Chiến lược đổi mới và sáng tạo được bao gồm trong tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu của doanh nghiệp. Trong điều kiện của các doanh nghiệp Việt Nam, cần phải áp dụng những ý tưởng, kiến thức và quy trình mới vào các hoạt động công việc của họ và từ đó mang lại những đổi mới cho thị trường. Đổi mới hiện là một công cụ thiết yếu để tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp.

2.2. Quản lý đổi mới

Khái niệm quản lý đổi mới mô tả các quyết định, hoạt động và quy trình dẫn từ những ý tưởng mới đến việc hiện thực hóa nó nhằm tạo ra giá trị kinh doanh. Quản lý đổi mới là kiểm soát và thực hiện các quy trình, hoạt động và chính sách dẫn đến việc tạo ra giá trị mới cho khách hàng và doanh nghiệp một cách sáng tạo, bằng cách thay đổi một hoặc nhiều khía cạnh trong hệ thống thương mại.

Quản lý đổi mới là một hệ thống kiến thức toàn diện giúp quản lý hiệu quả các hoạt động đổi mới của doanh nghiệp. Thông qua đổi mới, người ta có thể thực sự chuyển những suy nghĩ và ý tưởng của con người sang các sản phẩm mới (hàng hóa và dịch vụ), các quy trình, hệ thống, cơ cấu tổ chức và quản lý, cũng như các quy trình vận hành, các quan hệ xã hội, v.v. Quản lý đổi mới một mặt tập trung vào việc cung cấp các cải tiến sáng tạo vào các quy trình và hệ thống kinh doanh để có thể đáp ứng linh hoạt các yêu cầu ngày càng tăng của khách hàng, mặt khác có thể quản lý tất cả



các quá trình đã đề cập bởi ban quản lý đổi mới. Các hoạt động đổi mới và quản lý đổi mới phần lớn góp phần vào việc tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và hiện thực hóa sản phẩm của họ trên thị trường. Quản lý đổi mới giúp các doanh nghiệp tìm ra cơ hội và sử dụng nó để tạo và giới thiệu các ý tưởng, quy trình hoặc sản phẩm mới.

Sự phát triển của quản lý đổi mới phần lớn chịu ảnh hưởng của khoa học và nghiên cứu, vốn là yếu tố then chốt của nền kinh tế tri thức về khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Những thách thức của nền kinh tế mới, "dựa trên khoa học" có thể được chia thành các nhóm sau:

- Đặc điểm thị trường mới;
- Các loại cải tiến mới;
- Nhu cầu mới của các bên liên quan;
- Một cách tiếp cận mới để quản lý đổi mới;
- Nhu cầu của các phương pháp đổi mới quản lý.

Quản lý đổi mới cũng liên quan chặt chẽ đến lý thuyết và thực hành của quản lý chung, tiếp thị, hậu cần, sản xuất, quản lý tài chính, v.v. Vai trò của quản lý đổi mới là quản lý hiệu quả quá trình đổi mới, không thể dự đoán được và cần có các công cụ quản lý cụ thể và hiện đại.

Hệ quả của môi trường thị trường có nhịp độ nhanh là nhu cầu thị trường thay đổi nhanh chóng. Các doanh nghiệp phải có khả năng phản ứng với các yêu cầu thay đổi của khách hàng trong thời gian ngắn để thành công, đồng thời môi trường thị trường toàn cầu đòi hỏi phải loại bỏ lợi thế cạnh tranh toàn cầu. Đổi mới sáng tạo được coi là động lực chính của sự phát triển kinh tế, xã hội. Quá trình đổi mới dẫn đến những thay đổi tích cực về chất trong xã hội. Những thay đổi này thường được thực hiện trong khu vực công. Trọng tâm của các hoạt động này nên là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nguyên nhân là do các quy trình đổi mới được thực hiện dẫn đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp cao hơn, do đó có thể tiếp cận thị trường mới, tăng việc làm và sự thịnh vượng của doanh nghiệp, kéo theo sự phát triển và thịnh vượng kinh tế khu vực và quốc gia. Chính sách đổi mới hiệu quả quyết định việc xác định mục tiêu đổi mới. Nó có nghĩa là chính sách đổi mới chỉ rõ cách thức đạt được các mục tiêu đổi mới.

Như đã được đề cập, thông qua đổi mới doanh nghiệp có thể nâng cao khả năng cạnh tranh. Sự đổi mới có thể được thực hiện như một sự đổi mới sản phẩm hoặc đổi mới quy trình. Đổi mới sản phẩm là: phát triển sản phẩm mới, thay đổi một số đặc tính của sản phẩm, tung sản phẩm mới ra thị trường, thay đổi thiết kế của sản phẩm đã được thành lập, sử dụng vật liệu hoặc thành phần mới trong sản xuất sản phẩm đã



được thiết lập. Đổi mới quy trình là việc thực hiện một phương pháp sản xuất hoặc phân phối mới hoặc cải tiến đáng kể. Điều này bao gồm những thay đổi đáng kể về kỹ thuật, thiết bị và phần mềm. Các mối quan hệ được minh họa rõ ràng trong hình 1.

Tiếp thu các công nghệ từ các trường đại học mang lại cho các doanh nghiệp nhiều lợi thế. Ưu điểm chính thể hiện ở sự hỗ trợ của chuyên gia trong việc triển khai các công nghệ hiện đại vào các quy trình của doanh nghiệp nhằm tăng năng suất và hiệu quả, giải quyết các vấn đề mà doanh nghiệp không thể tự giải quyết và cần sự hỗ trợ của các chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm hoặc cung cấp chuyên môn kỹ thuật để được thực hiện nhanh chóng và tương đối rẻ. (So với các dịch vụ chuyên gia được cung cấp bởi các doanh nghiệp chuyên biệt).

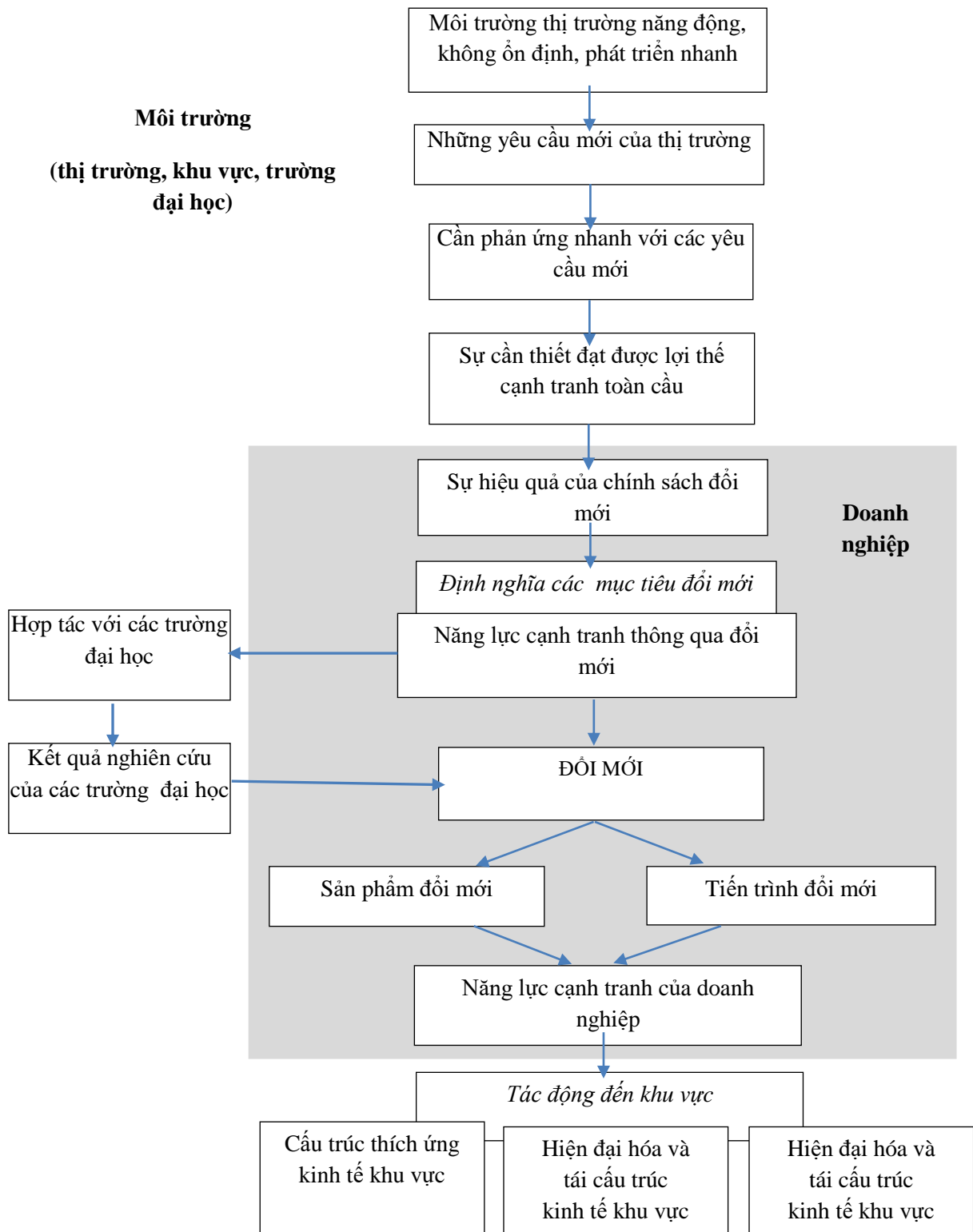
3. Quá trình CGCN trong thực hiện đổi mới doanh nghiệp

Quá trình chuyển giao công nghệ là “quá trình thực hiện nghiên cứu cơ bản được phát triển để thương mại hóa công nghệ mới” [4]. Nó bao gồm nhiều hoạt động phức tạp theo đó nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của trường đại học trong quá trình chuyển giao. Bản thân quá trình CGCN có thể được chia thành hai giai đoạn chính:

- Bảo vệ sở hữu trí tuệ - trong giai đoạn này, nghiên cứu diễn ra và tạo ra chủ thể thực tế của sở hữu trí tuệ,

- Thương mại hóa - bao gồm việc lựa chọn một phương pháp cụ thể thương mại hóa và tìm kiếm đối tác để thực hiện nó.

Thương mại hóa đại diện cho "đánh giá tài chính đối với tài sản trí tuệ của thể chế". Tùy thuộc vào cách tài sản trí tuệ được thương mại hóa, quy trình CGCN có thể được thực hiện theo một số cách, bao gồm sau [5]:



Hình 1. Mối quan hệ giữa trường đại học và doanh nghiệp trong đổi mới công nghệ

- Nghiên cứu chung: Hiện thực hóa nghiên cứu thông qua hợp tác có nghĩa là hợp tác hai hoặc đa phương, trong đó mỗi đối tác mang lại tiền đặt cọc (tiềm năng



nghiên cứu, vốn, tính khả thi của việc sản xuất đầu ra, kết nối với thực tiễn, v.v.). Nó thường tập trung vào các dự án lớn hơn và khó hơn, thường liên quan đến phần nghiên cứu cơ bản, do đó kết quả dự kiến được chỉ định khá chung chung.

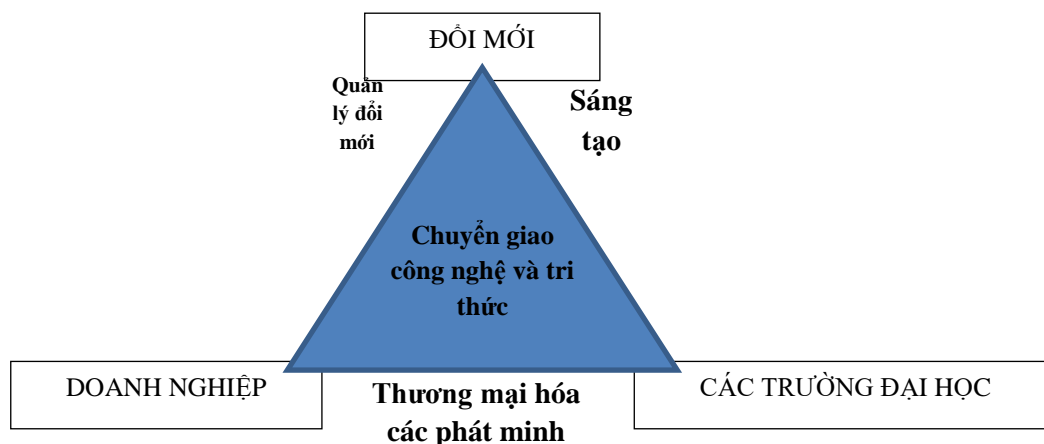
- Nghiên cứu thực tế theo đơn đặt hàng: Nghiên cứu là thực hiện theo một hợp đồng, trong đó nhà tài trợ (doanh nghiệp) xác định nhiệm vụ (hoặc kết quả) nghiên cứu, mà một cơ sở nghiên cứu khoa học (trường đại học) thực hiện. Kết quả là tạo ra một đối tượng sở hữu trí tuệ, chủ thể này sẽ được nhà tài trợ và pháp luật thực hiện tùy thuộc vào hình thức của hợp đồng đã ký.

- Chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ (hoặc bán): Chiến lược tốt nhất trong trường hợp chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ (đặc biệt là quyền công nghiệp) muốn tránh nguy cơ lỗi thời của tài sản trí tuệ (vì việc sử dụng thêm sẽ không hiệu quả và không còn sinh lợi), là chuyển giao quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ. Khoản thanh toán cho việc chuyển nhượng quyền thường là một lần và có thời hạn thanh toán ngay lập tức.

- Cấp phép: Nếu chủ sở hữu quyền đối với đối tượng sở hữu trí tuệ không thể tự mình đưa đối tượng sở hữu trí tuệ ra thị trường hoặc đảm bảo thành công thương mại trong phạm vi yêu cầu, thì chiến lược tốt là phải cấp phép. Chủ sở hữu quyền cấp phép cho người khác sử dụng tài sản trí tuệ theo các điều khoản hai bên đã thỏa thuận. Các điều kiện cụ thể và phần thưởng tài chính được xác định trong một thỏa thuận cấp phép kín.

- Thành lập các doanh nghiệp con: Hình thức CGCN này được lựa chọn để sử dụng độc lập và phát triển tài sản trí tuệ của các tổ chức học thuật hoặc nghiên cứu và để tạo ra một sản phẩm hoặc dịch vụ có thể sử dụng trên thị trường. Trong các hoạt động của một doanh nghiệp spin-off thường liên quan đến tác giả của tài sản trí tuệ. Sở hữu trí tuệ được cung cấp cho doanh nghiệp spin-off thông qua thỏa thuận cấp phép hoặc chuyển giao quyền. Tổ chức có thể mua cổ phần trong doanh nghiệp con.

Chuyển giao công nghệ và tri thức đóng vai trò thiết yếu trong việc triển khai đổi mới vào thực tiễn như được trình bày trong Hình 2. Các sáng tạo được các trường đại học tạo ra trong nghiên cứu và phát triển (R&D). Khi một phát minh được phát hiện, tiềm năng thương mại của nó phải được xem xét đầu tiên. Sau khi vượt qua đánh giá này, các tổ chức nghiên cứu cung cấp bảo hộ bằng sáng chế cho sáng chế. Khi tổ chức đã được bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, việc công bố sáng chế có thể được thực hiện và việc tìm kiếm đối tác kinh doanh có thể bắt đầu. Khi các doanh nghiệp có thể có được những đổi mới cần thiết, họ đưa ra với trường đại học các điều khoản có thể chấp nhận được cho cả hai bên. Việc thương mại hóa sáng chế diễn ra và doanh nghiệp quản lý việc thực hiện đổi mới theo chính sách đổi mới của mình.



Hình 2. Chuyển giao công nghệ và tri thức

Các doanh nghiệp quan tâm đến việc hỗ trợ phát triển hợp tác với các trường đại học nên sử dụng quản lý hợp tác. Quản lý hợp tác là quản lý hiệu quả và hiệu quả các mối quan hệ trong sự hợp tác giữa các tổ chức hoặc cá nhân riêng biệt và tương đối độc lập với mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh của họ. Tạo ra các kết nối hợp tác cho phép lan rộng các hoạt động đổi mới và giúp tăng khả năng cạnh tranh toàn cầu của các tổ chức tham gia, bởi vì toàn cầu hóa có nghĩa là hiệu quả nội bộ là không đủ để đạt được khả năng cạnh tranh quốc tế [6].

Quản lý hợp tác cung cấp khả năng quản lý hiệu quả các quy trình hợp tác giữa các tổ chức. Mục đích của nó là liên tục cải thiện các hoạt động giữa các tổ chức và cung cấp sự linh hoạt cho các doanh nghiệp đang đối mặt với những thách thức ngày nay, để các cơ hội phát triển hợp tác không bị bỏ qua. Một trong những vấn đề nghiêm trọng nhất cản các hoạt động hợp tác thành công trong các thị trường phi quản lý, là các tổ chức không có khả năng xác định và phát triển quản lý hợp tác. Các giá trị và ý định hợp tác được xác định bởi tổ chức giúp xác định đúng vai trò quản lý trong hợp tác. Các sáng kiến hợp tác hiện đại cần ban lãnh đạo cam kết thực hiện các mục tiêu hợp tác, dẫn đầu bởi các giá trị hợp tác và chịu trách nhiệm trước các thành viên liên quan và được thông báo của quan hệ đối tác.

4. Kết luận

Việc chuyển giao kiến thức từ khoa học và nghiên cứu được thực hiện thông qua hệ thống đổi mới, hệ thống xác định trước cách thức tạo ra, thực hiện và giám sát đổi mới. Đổi mới và chuyển giao công nghệ với tư cách là động lực chính của tăng trưởng kinh tế ngày nay cần được tăng cường trong cả nước và luồng thông tin và công nghệ giữa các bên liên quan (nhà khoa học, doanh nghiệp, nhà nước và tổ chức tài chính) phải dễ dàng hơn. Đổi mới sáng tạo ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của các quốc gia. Sự đổi mới được liên kết với sự phát triển thịnh vượng và tạo ra các ngành nghề mới. Sáng tạo là nguồn gốc thúc



đẩy sự phát triển của doanh nghiệp, sự thịnh vượng và cũng là nguồn gốc của việc nâng cao giá trị kinh tế gia tăng. Nhìn chung, các kết quả nghiên cứu cho thấy sự kết hợp giữa đổi mới công nghệ và phi công nghệ phản ánh tích cực đến năng suất lao động của doanh nghiệp. Những doanh nghiệp kết hợp đổi mới sản phẩm với đổi mới quy trình, đồng thời sử dụng thay đổi tổ chức, có lợi thế hơn so với các doanh nghiệp chỉ tập trung vào một trong những loại hoạt động này. Tầm quan trọng của các biện pháp cải tiến cá nhân (chẳng hạn như thực hiện một sản phẩm mới, một quy trình mới, v.v.) được chấp nhận rộng rãi và trong thực tế ngày càng được sử dụng nhiều hơn. Đổi mới và chính sách kinh tế nhằm mục đích kích thích các hoạt động đổi mới là một phần của hoạt động của các nền kinh tế thị trường hiện đại. Tình trạng trì trệ của nền kinh tế có thể được giải quyết bằng cách đầu tư vào đổi mới. Mục đích là mở rộng ranh giới của khoa học, nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp, khu vực và giúp giải quyết các vấn đề của toàn xã hội và nền kinh tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Guan, J.Ch., Mok, Ch.K., Yam, R.C.M., Chin, K.S., and Pun, K.F. (2006), Technology transfer and innovation performance: Evidence from Chinese firms, Technological Forecasting & Social Change Vol. 73, pp. 666–678.
- [2]. Hoffman, K., Girvan, N. (1990) Managing international technology transfer: a strategic approach for developing countries, IDRC, Ottawa, ON, CA.
- [3]. Schumpeter, J.,A. (2011) A Theory of Social and Economic Evolution, Palgrave Macmillan.
- [4]. Hofer, F. (2007) The Improvement of Technology Transfer, Weisbaden.
- [5]. CVTI SR - Center of science-technical information SR (2012), Bratislava.
- [6]. Solvell, O., Lindqvist, G., Ketels, CH. (2003) The Cluster Initiative Greenbook, Stockholm.



KHAI THÁC NGUỒN LỰC CÁ NHÂN ĐỂ THỨC ĐẨY, MỞ RỘNG CÔNG TÁC LIÊN KẾT, HỢP TÁC VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CỦA KHOA CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC VÀ NHÀ TRƯỜNG

□ **TS. Lê Quý Chiển**

Khoa Cơ khí - Động lực, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

** chienkhaothicnqn@gmail.com*

Mobile: 0868.595.686

1. Đặt vấn đề

Trong xã hội hiện đại, nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng nhất đối với sự phát triển của bất kỳ một quốc gia nào trên thế giới nói chung và Việt Nam cũng như trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh nói riêng, bởi vì nếu có những con người tài năng, có năng lực chuyên môn, có bản lĩnh thì việc khai thác và sử dụng các nguồn lực khác mới có hiệu quả và mang lại nhiều lợi ích cho xã hội. Nhìn từ góc độ chất lượng nguồn nhân lực, bài tham luận này đề cập đến vấn đề khai thác nguồn lực cá nhân để thúc đẩy, mở rộng công tác liên kết giữa nhà trường nói chung và khoa Cơ khí - Động lực nói riêng với doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động.

2. Thực trạng công tác liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp hiện nay ở trong khoa Cơ khí - Động lực và nhà trường

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các cấp uỷ Đảng, Ban giám hiệu nhà trường và các phòng ban chức năng, nhất là việc ban hành các chủ trương, chính sách cho công tác liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp trong việc đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực; công tác tham mưu, quản lý, chỉ đạo của cấp trên có nhiều đổi mới mang lại hiệu quả tích cực, tạo niềm tin và động lực cho toàn trường giữ vững kỷ cương, trách nhiệm và uy tín. Đội ngũ cán bộ quản lý cấp khoa, bộ môn và giảng viên trẻ, nhiệt tình, năng động, có trình độ cao, cán bộ giảng dạy nhìn chung có tinh thần trách nhiệm cao, có tinh thần học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, có ý thức đổi mới phương pháp và nâng cao hiệu quả giáo dục, trong quản lý.

2.1. Công tác liên kết đào tạo và kết nối doanh nghiệp tại khoa Cơ khí - Động lực

Công tác liên kết đào tạo và kết nối doanh nghiệp đang được Nhà trường chú trọng trong những năm gần đây, hàng chục doanh nghiệp được kết nối với khoa Cơ khí - Động lực là cơ sở để chuyển giao công nghệ, thực hành, thực tập cũng như cơ hội việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp. Hiện nay khoa đang liên kết, kết nối doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực sau,



- Các Công ty trong tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Vinacomin (TKV); Các nhà máy xi măng; nhiệt điện; Các công ty chế tạo máy, xí nghiệp chế tạo cơ khí hoặc sử dụng các dây chuyền công nghệ và thiết bị cơ khí, các công nghệ CAD/CAM/CAE và tự động hóa CNC, các viện thiết kế, chế tạo khuôn mẫu, chế tạo máy công cụ, cơ khí chính xác.

- Các nhà máy sản xuất phụ tùng, phụ kiện, lắp ráp ô tô và máy động lực. Các cơ sở khai thác, sửa chữa ô tô, máy động lực. Các doanh nghiệp kinh doanh, vận tải ô tô, máy động lực, phụ tùng,... đặc biệt là các Công ty liên doanh ô tô như Toyota, Honda, Ford, Nissan, Trường Hải...

- Các nhà máy tuyển khoáng, các công trường, phân xưởng, các cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh khoáng sản, các cơ sở kinh doanh máy và thiết bị tuyển khoáng, nhà máy xi măng, nhiệt điện, và các hệ tiêu thụ khoáng sản, trung tâm phân tích khoáng sản, cơ quan quản lý tài nguyên và môi trường, các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về tuyển khoáng...

2.2. Sự cần thiết phải tăng cường khai thác nguồn lực cá nhân để thúc đẩy, mở rộng việc gắn kết bền vững giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực

Một số lợi ích cơ bản

Thứ nhất, đối với nhà trường

Nhà trường được tổ chức tuyển dụng tư vấn về việc sửa đổi và xây dựng nội dung chương trình đào tạo. Góp phần nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn cho người học.

Tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học và tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo chung. Trao đổi các thông tin về khoa học, công nghệ tiên tiến và nhu cầu về nguồn nhân lực trong thời điểm hiện tại và tương lai.

Nhà trường nâng cao được chất lượng đào tạo cũng như tìm được đầu ra phong phú cho người học, từ đó nâng cao uy tín của nhà trường trước những yêu cầu của thị trường lao động đa dạng và luôn biến động. Nhà trường tạo được tiếng vang trong giáo dục và đào tạo, gây uy tín cũng như duy trì mối liên kết bền vững giữa nhà trường và doanh nghiệp. Nhà trường có thể tăng cường tính tự chủ về nguồn tài chính cũng như cơ sở vật chất ở hiện tại và tương lai.

Thứ hai, đối với doanh nghiệp

Doanh nghiệp luôn yên tâm có một đội ngũ nhân lực vững chắc hỗ trợ khi mình có nhu cầu. Đồng thời doanh nghiệp ít tốn chi phí tuyển dụng, thử việc, vì qua thời



gian thực tập chính là thời gian sinh viên thể hiện năng lực, doanh nghiệp đánh giá khả năng, năng lực, phẩm chất của sinh viên. Nói cách khác là doanh nghiệp có thêm quyền và cơ hội lựa chọn và sử dụng nguồn lao động chất lượng, có trình độ, từ đó giải quyết được bài toán nan giải về nhân lực.

Được phép đánh giá chất lượng đào tạo (phát huy mặt mạnh, khắc phục những mặt yếu kém) và đóng góp ý kiến vào việc xây dựng chương trình đào tạo của nhà trường.

Hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất cho nhà trường và tham gia giảng dạy vào quá trình đào tạo như một hình thức đầu tư, phát triển bước đầu. Doanh nghiệp sẽ được hưởng lợi khi chất lượng sản phẩm đào tạo của nhà trường được đảm bảo bởi đầu ra quá trình đào tạo của nhà trường là đầu vào của quá trình tuyển dụng, sử dụng lao động của doanh nghiệp. Từ đó doanh nghiệp có thêm cơ hội quảng bá thương hiệu, hình ảnh của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp sớm tiếp nhận những thông tin về khoa học, công nghệ. Doanh nghiệp có thể đặt hàng các đề tài nghiên cứu khoa học có chất lượng và thiết thực từ nhà trường nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp.

Thứ ba, đối với người học (sinh viên)

Sinh viên có cơ hội lựa chọn địa điểm thực tập phù hợp sẽ tạo cho sinh viên nắm bắt được môi trường thực tế, phát triển được kỹ năng giải quyết những vấn đề phát sinh. Chính bản thân của sinh viên sẽ có được yếu tố linh động, mềm mại, uyển chuyển hơn trong xã hội. Thực tập, kiến tập tại doanh nghiệp giúp sinh viên mở rộng mối quan hệ của mình. Các đợt thực tập thực tế giúp họ hiểu rõ hơn những bài học lý thuyết. Với kinh nghiệm thực tập họ sẽ tự tin, sẵn sàng nhận công việc được giao sau khi ra trường. Đợt thực tập cũng là cuộc khảo sát, thử thách họ trong quá trình lập nghiệp. Cho dù đạt được kết quả nhiều hay ít, các đợt thực tập cũng mang lại cho sinh viên nhiều cơ hội khác nhau. Giúp cho sinh viên có cơ hội tìm kiếm học bổng và tiếp cận sớm với các tổ chức tuyển dụng tạo cơ hội có việc làm sau khi tốt nghiệp.

2.3. Một số khuyến nghị

Thứ nhất, đối với nhà trường,

Gắn kết với doanh nghiệp trong việc xây dựng chương trình đào tạo. Nhà trường cần phải tự mình nâng cao năng lực đào tạo, xây dựng chuẩn đầu ra cho người học cần có sự tham khảo nhu cầu thị trường và doanh nghiệp. Từ sự tham khảo nhu cầu thị trường và doanh nghiệp, nhà trường xây dựng khung chương trình giảng dạy, biên soạn và cải tiến



giáo trình giảng dạy cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và yêu cầu của từng giai đoạn phát triển.

Nhà trường cần thực hiện tốt phương châm đào tạo những gì xã hội cần chứ không đào tạo những gì nhà trường có, đào tạo lấy người học làm trung tâm. Bên cạnh việc đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp thì nhà trường cần phải đảm bảo tính tiên tiến, hiện đại của chương trình đào tạo, phải đào tạo ra những con người có khả năng học tập suốt đời. Ngoài ra, từ việc trung cầu doanh nghiệp nhà trường có thể nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo và mở các ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu của nhà trường. Kiểm tra chặt chẽ, sâu sát chất lượng của sinh viên, thực hiện phương pháp đánh giá từ bên ngoài (người sử dụng lao động) kết hợp với đánh giá bên trong (nhà trường).

Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục bằng việc liên kết về tài chính và cơ sở vật chất, tạo điều kiện cho đội ngũ doanh nhân trực tiếp tham gia giảng dạy. Nguồn tài chính của phần lớn nhà trường ở nước ta hiện nay vẫn phụ thuộc vào ngân sách nhà nước và học phí. Cả hai nguồn vốn này, về cơ bản chỉ đủ cho nhà trường duy trì các hoạt động đào tạo. Do đó, nhà trường muốn có nguồn tài chính dồi dào cần phải thực hiện tốt công tác xã hội hóa dựa vào doanh nghiệp và nhà tài trợ (mạnh thường quân) dưới các hình thức: học bổng cho sinh viên học giỏi hoặc sinh viên nghèo vượt khó, cung cấp nguồn nhân lực cho công tác giảng dạy, hợp đồng nghiên cứu khoa học...

Gắn kết việc điều hành nhân sự và tham gia quá trình đào tạo bằng cách ưu tiên tuyển dụng những giảng viên có kinh nghiệm làm việc trong các doanh nghiệp, xây dựng tiêu chuẩn đứng lớp đối với giảng viên như căn cứ vào trình độ chuyên môn, chuyên ngành, kinh nghiệm thực tế... Tùy thuộc học phần mà nhà trường có sự phân công và lựa chọn giảng viên cho phù hợp.

Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu. Đây là hình thức hợp tác cao nhất giữa nhà trường và doanh nghiệp. Tăng cường chặt chẽ hơn nữa về mối quan hệ giữa Cựu sinh viên với nhà trường, tạo cơ chế để những Cựu sinh viên đang làm việc tại doanh nghiệp liên hệ thường xuyên với nhà trường, có thể tổ chức những buổi hội thảo trao đổi kinh nghiệm giữa lý thuyết với thực tiễn. Đây là cầu nối vững chắc giữa nhà trường và doanh nghiệp, rất hiệu quả, rất thiết thực. Qua sự liên kết này, nhà trường sẽ cải tiến chương trình đào tạo theo từng thời điểm sao cho phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp.

Thứ hai, đối với doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cần có kế hoạch cụ thể và lâu dài trong việc phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp bằng nhiều cách thức khác nhau có thể là cử người đi học tại nhà



trường, trung tâm trực thuộc trường, mời hoặc tuyển dụng người có trình độ chuyên môn tay nghề cao...nhưng có một cách hữu hiệu nhất là việc gắn kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp với nhà trường trong việc đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực.

Doanh nghiệp cùng tham gia đào tạo bằng cách góp ý kiến về xây dựng, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo thông qua việc cung cấp thông tin, phản biện nội dung chương trình đào tạo qua đó nhà trường có thể chỉnh sửa cho phù hợp với thực tế.

Doanh nghiệp hỗ trợ tài chính cũng như cơ sở vật chất bằng các hình thức như hỗ trợ học bổng cho sinh viên, ký kết các hợp đồng tư vấn, nghiên cứu khoa học. Mặt khác, doanh nghiệp có thể hỗ trợ tài chính cho nhà trường bằng việc thành lập các công ty, khu công nghệ, khu thực hành, giảng đường, phòng thí nghiệm trang thiết bị cho giảng dạy và học tập.

Doanh nghiệp cử các chuyên viên, chuyên gia, kỹ sư, công nhân lành nghề tham gia trực tiếp giảng dạy hoặc hướng dẫn thực hành tại nhà trường hoặc tại doanh nghiệp. Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng cần có thiện chí và tạo điều kiện tiếp nhận các giảng viên, cán bộ quản lý đến doanh nghiệp học tập, học hỏi kinh nghiệm hoặc trao đổi những vướng mắc giữa chương trình đào tạo và yêu cầu của thực tế.

Thứ ba, đối với người học

Khi đã chọn trường và ngành học thì cần xác định rõ tầm quan trọng của ngành nghề để có cách tiếp nhận và học tập đúng đắn. Ngoài nội dung học trên lớp người học cần học và tìm hiểu thêm kiến thức trên sách vở, báo chí, bạn bè, mạng Internet...tham gia các diễn đàn, thuyết trình, hội thảo về chuyên ngành giữa nhà trường và doanh nghiệp, tham gia vào các nhóm nghiên cứu khoa học tăng khả năng tư duy, phát hiện và xử lý vấn đề; tham gia thực tập thực tế theo chuyên ngành đào tạo tại các doanh nghiệp nhằm vận dụng kiến thức đã tiếp nhận ở nhà trường vào thực tế doanh nghiệp, trau dồi kinh nghiệm, lòng tự tin, bản lĩnh tìm cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

Mặt khác, người học phải tạo được tâm lý ổn định, vững vàng và phải có lòng yêu nghề, có mục tiêu, định hướng rõ ràng trong quá trình học tập.

3. Kết luận

Trong nền kinh tế thị trường phát triển hiện nay, Đất nước ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng trong khu vực và trên thế giới thì mối gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp là rất quan trọng xuất phát từ yêu cầu khách quan của quy luật kinh tế, quy luật cung cầu, đảm bảo hài hòa lợi ích từ ba bên: Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp. Có thể khẳng định rằng mối gắn kết bền vững giữa nhà trường và doanh nghiệp có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng sản phẩm đào tạo của nhà



trường, đồng thời là nguồn nhân lực chất lượng đầu vào của doanh nghiệp. Vì vậy, tăng cường khai thác nguồn lực cá nhân để thúc đẩy, mở rộng việc xây dựng và củng cố mối gắn kết bền vững giữa nhà trường và doanh nghiệp trong việc phát triển nguồn nhân lực là yêu cầu cấp bách, là nhiệm vụ bắt buộc và là đòi hỏi của xã hội. Nhà trường và doanh nghiệp cần phải đưa ra những giải pháp đồng bộ và hợp lý nhất nhằm xây dựng và phát triển mối gắn kết bền vững này./.



SỰ HỢP TÁC GIỮA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ DOANH NGHIỆP TRONG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

□ ThS. Nguyễn Thị Hải Ninh

BM. LLCT - Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh

1. Mở đầu

Ngày nay, tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 trên toàn thế giới đòi hỏi sự nâng cấp không ngừng về mọi lĩnh vực trong xã hội. Để nâng cấp được một cách toàn diện việc liên kết đa ngành đã trở thành một trong những chiến lược chủ đạo trong việc phát triển kinh tế, xã hội của nước ta. Việc đầu tiên cần được chú trọng chính là nguồn nhân lực chất lượng cao mà một xã hội tương lai cần phải có để nâng cấp hệ thống kinh tế công nghiệp 4.0. Giải quyết được điều này đã lôi kéo sự quan tâm của hai đối tượng “cung” và “cầu” - cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và doanh nghiệp.

Nhìn từ góc độ chất lượng nguồn nhân lực, bài tham luận này phân tích sự hợp tác giữa các trường đại học (nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao) và doanh nghiệp (nơi sử dụng nguồn nhân lực) trong việc đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trên khía cạnh lợi ích cho nhà trường, doanh nghiệp, từ đó đưa ra một số khuyến nghị mong muốn sự hợp tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp ngày càng phát triển bền vững để nguồn nhân lực chất lượng được sử dụng có ích và hiệu quả cao.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm và vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao trong sự phát triển kinh tế xã hội

2.1.1. Khái niệm

Thuật ngữ Nguồn nhân lực chất lượng cao lần đầu tiên được Đảng ta sử dụng tại hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khoá IX khi khẳng định: “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua con đường phát triển giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ chính là khâu then chốt để nước ta vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển”¹. Từ đó, thuật ngữ này được sử dụng khá phổ biến để chỉ một bộ phận ưu tú của nguồn nhân lực.

Nguồn nhân lực chất lượng cao là một bộ phận nhân lực có sức khỏe đáp ứng yêu cầu, được đào tạo dài hạn, có chuyên môn kỹ thuật cao, có phẩm chất đạo đức tiêu biểu, có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi của công nghệ, biết vận dụng sáng tạo những tri thức những kỹ năng đã được đào tạo vào quá trình lao động sản xuất, đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội một cách hiệu quả nhất. Chất lượng



nguồn nhân lực chất lượng cao được thể hiện qua 4 tiêu chí: Thể lực; Trí lực; Nhân cách; Năng động xã hội.

Dưới sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư hàng loạt nghề nghiệp cũ sẽ mất đi, thị trường lao động sẽ phân hóa mạnh mẽ giữa nhóm lao động có kỹ năng thấp và nhóm lao động có kỹ năng cao. Lao động giá rẻ không còn là lợi thế cạnh tranh nữa. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư không chỉ đe dọa việc làm của những lao động trình độ thấp mà ngay cả lao động có kỹ năng bậc trung cũng sẽ bị ảnh hưởng, nếu như họ không được trang bị những kỹ năng mới - kỹ năng sáng tạo cho nền kinh tế 4.0

2.1.2. Vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao

Trong xu thế hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0, khi nền kinh tế chủ yếu dựa trên tri thức thì nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao ngày càng thể hiện vai trò quyết định. Việt Nam đang trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao càng thể hiện rõ nét hơn.

Thứ nhất, nguồn nhân lực chất lượng cao là nguồn lực chính quyết định quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội. Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Xét trong quá trình sản xuất, con người không chỉ là một yếu tố cấu thành, mà còn là nhân tố quyết định việc khai thác, sử dụng, bảo vệ và tái tạo các nguồn lực khác. Tại Đại hội XI, Đảng ta chỉ rõ: “Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển nhanh và bền vững đất nước”².

Thứ hai, nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện nền kinh tế từ dựa vào nông nghiệp và thủ công sang máy móc công nghiệp là chính. Đây là quá trình sử dụng nguồn lao động được đào tạo, kết hợp với công nghệ, phương pháp tiên tiến nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Thứ ba, nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, đảm bảo cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững.

Thứ tư, nguồn nhân lực chất lượng cao là điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, bắt kịp cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.. Sự tùy thuộc lẫn nhau, hội nhập, cạnh tranh và



hợp tác giữa các nước ngày càng trở thành phổ biến. Kinh tế tri thức phát triển mạnh, do đó nguồn nhân lực chất lượng cao càng trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia.

2.2. Sự cần thiết của việc hợp tác bền vững giữa các trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

Dưới tác động của xu thế hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0, cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt, sự chuyển dịch nguồn lao động giữa các nước là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam nói chung. Để nâng cao năng lực cạnh tranh, các doanh nghiệp luôn mong muốn xây dựng được lực lượng lao động mạnh. Trong khi đó, các trường đại học có sứ mệnh đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu lao động của doanh nghiệp và xã hội. Như vậy, về mặt lý thuyết, doanh nghiệp và nhà trường rất cần phối hợp với nhau trong đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực, qua đó tận dụng được thế mạnh của nhau, đôi bên cùng nhận được các lợi ích, cụ thể:

Thứ nhất, đối với các trường đại học

Các trường đại học được tổ chức tuyển dụng tư vấn về việc sửa đổi và xây dựng nội dung chương trình đào tạo. Góp phần nâng cao trình độ chuyên môn và các kỹ năng cho người học.

Tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học và tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo chung. Trao đổi các thông tin về khoa học, công nghệ tiên tiến và nhu cầu về nguồn nhân lực trong thời điểm hiện tại và tương lai.

Các trường đại học nâng cao được chất lượng đào tạo cũng như tìm được đầu ra phong phú cho người học, từ đó nâng cao uy tín trước những yêu cầu của thị trường lao động đa dạng và luôn biến động.

Các trường đại học có thể tăng cường tính tự chủ về nguồn tài chính cũng như cơ sở vật chất ở hiện tại và tương lai.

Thứ hai, đối với doanh nghiệp

Doanh nghiệp luôn yên tâm có một đội ngũ nhân lực vững chắc hỗ trợ khi mình có nhu cầu. Đồng thời doanh nghiệp ít tốn chi phí tuyển dụng, thử việc, vì qua thời gian thực tập chính là thời gian sinh viên thể hiện năng lực, doanh nghiệp đánh giá khả năng, năng lực, phẩm chất của sinh viên. Nói cách khác là doanh nghiệp có thêm quyền và cơ hội lựa chọn và sử dụng nguồn lao động chất lượng và trình độ cao, từ đó giải quyết được bài toán về nhân lực chất lượng cao.



Được phép đánh giá chất lượng đào tạo (phát huy mặt mạnh khắc phục những mặt yếu kém) và đóng góp ý kiến vào việc xây dựng chương trình đào tạo của trường đại học.

Hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất cho các trường và tham gia giảng dạy vào quá trình đào tạo như một hình thức đầu tư, phát triển bước đầu. Doanh nghiệp sẽ được hưởng lợi khi chất lượng sản phẩm đào tạo của các trường được đảm bảo bởi đầu ra quá trình đào tạo của các trường đại học là đầu vào của quá trình tuyển dụng, sử dụng lao động của doanh nghiệp. Từ đó doanh nghiệp có thêm cơ hội quảng bá thương hiệu, hình ảnh của doanh nghiệp.

2.3. Thực trạng liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay

Sự hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp ở nước ta chủ yếu tồn tại ở hai loại hình chủ yếu sau: *một là*, phối hợp xây dựng kỹ năng thực hành cho sinh viên trong thời gian thực tập, thực tế; *hai là*, doanh nghiệp tuyển dụng, tạo việc làm cho sinh viên tốt nghiệp, nhưng đóng vai trò “khai thác”, “săn bắt” hơn là “nuôi dưỡng”, “nuôi trồng” nguồn nhân lực chất lượng cao.

Xét về chức năng và nhiệm vụ, một trong những sứ mệnh cốt lõi của trường đại học là “trồng người” và phải gắn chất lượng đầu ra của sinh viên với yêu cầu của xã hội nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy, nhà trường phải là đối tác khởi xướng của việc hợp tác. Thực tế hiện nay ở nước ta, đa số các trường đại học chưa thể hiện được vai trò tiên phong này của mình. Việc hợp tác mới chủ yếu dừng ở cấp độ tình huống, đơn lẻ, tự phát. Về phía doanh nghiệp, tâm lý “ỷ lại” vào các cơ sở đào tạo cũng như cái nhìn phiến diện về mối liên kết với nhà trường cũng đã và đang khiến họ chưa tham gia sâu vào việc tạo dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho chính mình. Tỷ lệ doanh nghiệp đầu tư thường xuyên cho các cơ sở đào tạo đại học đang ở mức độ rất hạn chế. Giữa hai chủ thể doanh nghiệp và trường đại học ở nước ta đang có một “khoảng trống” - không có ý nghĩa về mặt địa lý mà chính là các “rào cản” về tính chủ động trong hợp tác. Để lấp đầy “khoảng trống” này, các chủ thể liên kết cần tích cực thể hiện rõ vai trò của mình hơn là trạng thái cứ ngồi đợi nhau tìm đến mình trước.

Trong mỗi liên kết nhà trường - doanh nghiệp, nếu doanh nghiệp đóng vai trò đòn bẩy kích thích sáng tạo và chuyển giao công nghệ, tiếp nhận sản phẩm đào tạo, đồng thời là nơi cung cấp thêm nguồn lực vật chất cũng như tài chính cho nhà trường; thì ngược lại, các trường đại học, bên cạnh vai trò truyền thống là nguồn cung ứng



nhân lực chất lượng cao, còn là nơi sáng tạo ra tri thức mới và tìm tòi giải pháp cho các vấn đề mà thực tiễn đặt ra cho các doanh nghiệp.

Mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp là mối liên kết bình đẳng hai bên cùng có lợi chứ không phải là mối liên kết chỉ có sự hỗ trợ một chiều. Tại các quốc gia phát triển, các trường đại học uy tín và có thương hiệu cũng đồng thời là trung tâm nghiên cứu, sáng tạo ra những thành tựu công nghệ theo đơn đặt hàng và thường được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ cộng đồng doanh nghiệp cũng như xã hội.

Tuy nhiên, ở nước ta thời gian qua, vấn đề liên kết đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp vẫn chưa được các chủ thể nhìn nhận thấu đáo và triển khai thực hiện một cách phù hợp. Hậu quả rõ nhất là tạo nên sự mất cân đối nghiêm trọng về cung - cầu nhân lực chất lượng cao.

Để sinh viên sau khi ra trường đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp, đặc biệt là tránh hiện tượng mất cân đối về cung - cầu nhân lực chất lượng cao, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương cũng như cơ chế khuyến khích các trường đại học liên kết với doanh nghiệp ngay từ khâu đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Một bộ phận doanh nghiệp đã chủ động liên kết với các cơ sở đào tạo để tìm kiếm nhân lực, “đặt hàng” nhân lực chất lượng cao từ phía cơ sở đào tạo và có những động thái thiết thực để đồng hành cùng nhà trường trong quá trình đào tạo. Về phía trường đại học, ngoài việc gắn kết chặt chẽ công tác đào tạo với việc làm, tuyển sinh với tuyển dụng thông qua ký kết hợp tác đào tạo, hội chợ việc làm với các doanh nghiệp... nhiều trường còn thành lập các quỹ học bổng, sân chơi khởi nghiệp nhằm mang đến cơ hội tự tạo việc làm, xây dựng bản lĩnh cho sinh viên của mình. Một số trường đại học bước đầu hướng chương trình đào tạo của mình theo nhu cầu của doanh nghiệp bằng cách tham khảo ý kiến doanh nghiệp về chương trình đào tạo của mình, mời các doanh nhân tham gia vào một số chương trình giảng dạy, trao đổi ý kiến, hướng nghiệp...

Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam ở mức 3,79 điểm, xếp thứ 11 trong số 12 quốc gia được khảo sát tại châu Á. Trong hơn 53,4 triệu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc, chỉ có khoảng 49% qua đào tạo, trong đó đào tạo nghề từ 3 tháng trở lên chỉ chiếm 19%. Điều này cho thấy Việt Nam đang thiếu lao động có tay nghề cũng như công nhân kỹ thuật bậc cao. Các nghiên cứu còn cho thấy, nguồn cung nhân lực đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp sẽ tiếp tục khan hiếm trong thời gian tới. Vì thế, các doanh nghiệp sẽ còn cần phải đào tạo lại nếu muốn có nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu. Trước tình hình



trên, các doanh nghiệp buộc phải liên kết, hợp tác với các cơ sở đào tạo trong tìm kiếm nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao.

Như vậy, mối quan hệ giữa trường đại học và doanh nghiệp ở nước ta nhìn chung còn rời rạc vì trong ngắn hạn, cả hai chủ thể chưa thực sự có nhu cầu bức thiết. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế quốc tế vừa qua cũng như số liệu chênh lệch cung cầu việc làm mới được công bố, đặc biệt là việc mở cửa hội nhập ngày càng mạnh mẽ vào chuỗi giá trị toàn cầu đã và đang thúc đẩy cả trường đại học và doanh nghiệp phải tư duy lại chiến lược phát triển của mình. Thay vì đào tạo, đầu tư theo kiểu “chụp giật”, thì nhu cầu phát triển bền vững lại được đặt ra cấp thiết.

2.4. Những bất cập trong hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao giữa các trường đại học và doanh nghiệp

Một nghịch lý đang tồn tại: Sinh viên ra trường không tìm được việc làm trong khi các doanh nghiệp lại không tuyển được lao động sau đào tạo, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao. Nguyên nhân cơ bản là việc đào tạo trong nhà trường vẫn chưa gắn với nhu cầu xã hội. Nhiều trường đại học không đủ điều kiện để đầu tư về trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác giảng dạy. Bởi vậy, sinh viên khi ra trường thường yếu về kỹ năng thực hành và vận hành các kỹ thuật tiên tiến, hiện đại trong các doanh nghiệp. Phần lớn doanh nghiệp sau khi tuyển dụng đã phải đào tạo lại. Sự không “ăn khớp” giữa kiến thức lý thuyết trong nhà trường và thực tế công việc là nguyên nhân cơ bản khiến doanh nghiệp chưa thực sự tin là tạo dựng mối quan hệ với trường đại học sẽ mang lại lợi ích đột phá cho họ.

Một trong các nguyên nhân là chất lượng đào tạo nhiều chuyên ngành ở bậc đại học vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng, là do các trường đại học ở nước ta hiện nay không có đủ thông tin về nhu cầu sử dụng lao động; mặt khác, sự chuyển đổi công nghệ của doanh nghiệp diễn ra liên tục nên việc gắn đào tạo với sử dụng cũng phải thay đổi theo nếu không muốn trở thành lạc hậu. Hiện nay, quan niệm “giỏi” của chúng ta thực ra mới dừng ở mức học giỏi, thi giỏi, chứ chưa phải là làm giỏi. Tinh thần thực học, thực nghiệp vẫn chưa có được chỗ đứng vững chắc trong nhà trường, nên việc đào tạo còn xa rời (hay chưa theo kịp) yêu cầu của thực tiễn. Vậy nên để tránh sự lạc hậu về tri thức khoa học, công nghệ, phương châm của nhà trường trong giai đoạn hiện nay cũng cần phải thay đổi theo hướng: “*Đào tạo cho thị trường những gì thị trường SẼ cần*”.

Hầu hết các doanh nghiệp đang đóng vai trò "săn bắt" hơn là "nuôi trồng" nguồn nhân lực trong tương lai. Hình thức hợp tác phổ biến hiện nay là: tuyển dụng



trực tiếp từ trường đại học, một số doanh nghiệp tạo điều kiện cho sinh viên làm thêm, thực tập.

Rào cản lớn nhất của hợp tác trường đại học và doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay là sự thiếu hụt thông tin từ cả hai phía. Bên cạnh đó, phần lớn các hoạt động hợp tác đều xuất phát từ các mối quan hệ cá nhân giữa cán bộ, giảng viên trong trường đại học với đại diện doanh nghiệp, làm giảm tính bền vững và chuyên nghiệp trong quản lý, tổ chức các hoạt động.

2.5. Một số khuyến nghị trong hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao giữa các trường đại học và doanh nghiệp.

Ở góc độ vĩ mô, nước ta đã có một số quy định nhằm thúc đẩy mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp, tạo cơ sở pháp lý ban đầu cho quá trình liên kết: Quyết định số 42/2008/QĐ- BGDĐT ngày 28/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về “Liên kết đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học”; cùng một số văn bản ban hành gần đây của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về đào tạo nghề cũng góp phần thuận lợi cho việc liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp... Bên cạnh những thuận lợi từ các chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước, để thực hiện có hiệu quả công tác phối hợp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thì cả trường đại học và doanh nghiệp phải có những biện pháp hướng đi riêng cho phù hợp.

Đối với các trường đại học: Cần đẩy mạnh công tác dự báo nhu cầu thị trường nhân lực trong tương lai gần và xa hơn. Đây là nội dung cần được đặc biệt quan tâm, bởi cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ có tác động rất lớn tới cơ cấu của nền kinh tế, đến cơ chế tuyển dụng và sử dụng lao động. Cần sự kết hợp 3 “nhà”: Nhà trường - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp trong đào tạo nhân lực phục vụ cách mạng công nghiệp 4.0. Hiện tại, chủ yếu là phía Doanh nghiệp có nhu cầu gắn kết với nhà trường - nhà khoa học, còn nhà trường, nhất là các trường công lập, chỉ tập trung công tác đào tạo chứ chưa chủ động hợp tác với Doanh nghiệp. Đây là một trong những giải pháp then chốt để có thể giải quyết được mâu thuẫn còn tồn đọng giữa “cung” và “cầu” hay nói đơn giản là giữa “đào tạo nguồn nhân lực” và “sử dụng nguồn nhân lực”. Lấy cái “cần” của xã hội là mục tiêu, làm cái “đủ” để xây dựng một chương trình đào tạo mang tính thực tế. Sự kết nối giữa Doanh nghiệp và Nhà trường và ngược lại sẽ rút ngắn được khoảng cách giữa học viên và môi trường thực tế, tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện khả năng tư duy, thực hành ngay khi còn trên ghế nhà trường, việc được học và đào tạo trong một môi trường chuyên nghiệp sẽ nâng cao năng lực chuyên



môn. Với sự liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp, nhà trường sẽ chủ động và cập nhật tốt hơn trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và xây dựng được chuẩn đầu ra cho người học.

Đối với các doanh nghiệp : tham gia đào tạo bằng cách góp ý kiến về xây dựng, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo, qua đó nhà trường có những chỉnh sửa cho phù hợp với thực tế. Hiện nay, các chương trình đào tạo của các trường còn quá nặng về lý thuyết, mức độ cập nhật các thông tin ứng dụng hiện đại còn chậm trễ, chưa phù hợp thực tiễn khách quan. Sự tham gia của doanh nghiệp vào xây dựng, đánh giá và cải tiến chương trình là rất cần thiết. Bên cạnh đó, doanh nghiệp có thể cử các chuyên gia kỹ thuật tham gia trực tiếp giảng dạy, hướng dẫn thực hành, truyền đạt các kỹ năng kỹ xảo chuyên môn. Bên cạnh hệ thống giảng viên có chuyên môn, các chuyên gia của các doanh nghiệp sẽ có nhiều kinh nghiệm thực tiễn hơn, qua đó hai bên có thể hỗ trợ được nhau trong công tác giảng dạy, từ đó đào tạo được nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng mọi nhu cầu của xã hội.

3. Kết luận

Trong bối cảnh hiện nay, liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp là xu thế tất yếu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của mọi quốc gia. Có thể khẳng định rằng mối gắn kết bền vững giữa các trường đại học và doanh nghiệp có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng sản phẩm đào tạo của nhà trường, đồng thời là nguồn nhân lực chất lượng đầu vào của doanh nghiệp. Vì vậy, xây dựng và củng cố mối gắn kết bền vững giữa các trường đại học và doanh nghiệp trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là yêu cầu cấp bách, là nhiệm vụ bắt buộc và là đòi hỏi của xã hội. Các trường đại học và doanh nghiệp cần phải có những giải pháp đồng bộ và tối ưu nhằm xây dựng và phát triển mối gắn kết bền vững này

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Ban Chấp hành TW khóa IX*. Hà Nội, NXB. Chính trị Quốc gia (2002).

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Hà Nội, NXB. Chính trị Quốc gia (2011), tr.41.



THỨC ĐẨY HỢP TÁC HIỆU QUẢ GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC BỐI CẢNH HỘI NHẬP HIỆN NAY

□ TS. Nguyễn Thị Nhung

Bộ môn Lý luận chính trị, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

** Email: nhungdhcnqn@gmail.com*

Mobile: 0362888286

Tóm tắt: Hợp tác giữa các cơ sở giáo dục Đại học và doanh nghiệp ngày càng thể hiện tầm quan trọng và ý nghĩa thiết thực đối với các bên liên quan trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập sâu sắc. Bài viết nêu lên Vai trò của việc xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp, chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng tới sự thành công của mối quan hệ hợp tác đó. Trên cơ sở đó, đề xuất một số mô hình, hình thức hợp tác cụ thể nhằm thúc đẩy và tăng cường hiệu quả của mối quan hệ liên kết hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp nhằm đem lại lợi ích cho các bên liên quan.

Từ khóa: Hợp tác hiệu quả, trường đại học và doanh nghiệp, hội nhập hiện nay.

1. Mở đầu

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “*Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn. Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học - công nghệ, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động*”, “*Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực*”[3]. Chủ trương này thể hiện sự nhận thức đúng đắn và nhất quán của Đảng ta trong quá trình đổi mới về vai trò quốc sách hàng đầu của giáo dục và đào tạo. Hiện nay, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra rất nhanh và mạnh mẽ trên nhiều phương diện của đời sống kinh tế - xã hội. Trong xu thế đó, đòi hỏi các trường Đại học phải chủ động, linh hoạt trong việc thay đổi chương trình, mục tiêu đào tạo sao cho phù hợp với sự biến đổi của đời sống kinh tế - xã hội nói chung, nhà tuyển dụng nói riêng. Trường đại học có sứ mệnh là nơi đào tạo, cung cấp đội ngũ lao động có trình độ, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế xã hội, cho quốc gia và thế giới. Để thực hiện được nhiệm vụ này, không thể thiếu sự liên kết của cộng đồng doanh nghiệp và sự định hướng của các cơ quan chức năng. Chính vì vậy, các cơ sở giáo



dục Đại học hiện nay đã và đang không ngừng tìm kiếm những hướng đi thích hợp để nâng cao chất lượng đào tạo, gắn sản phẩm đào tạo với thị trường lao động, với nhu cầu của xã hội.

Bài viết này nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mối liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp nói chung. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số mô hình, hình thức hợp tác cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

2. Vai trò của việc xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp

Mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp được hiểu như là những giao dịch giữa các trường đại học và các tổ chức sản xuất kinh doanh vì lợi ích của cả hai bên. Đẩy mạnh việc hợp tác này và khai thác giá trị của nó có thể giúp nhà trường tháo gỡ những khó khăn về tài chính, và giúp các doanh nghiệp đạt được hoặc duy trì ưu thế cạnh tranh trong thị trường năng động ngày nay, đồng thời đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế của quốc gia và đáp ứng đòi hỏi của thị trường lao động.

Với sự phát triển đa dạng nghề nghiệp, các doanh nghiệp luôn thấy có nhu cầu phải đào tạo và đào tạo lại đội ngũ nhân sự các cấp của mình, và việc đào tạo này một phần lại quay lại các trường đại học để đặt hàng. Các tổ chức, doanh nghiệp hoàn toàn có thể chủ động tham gia vào việc góp ý kiến xây dựng các chương trình đào tạo đại học và sau đại học trong các lĩnh vực ngành nghề là chuyên môn mà mình quan tâm.

Chính bối cảnh hội nhập và yêu cầu cạnh tranh cả trên thương trường và trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ giáo dục đào tạo hiện nay đã quy định tính tất yếu của sự hợp tác qua lại giữa doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục Đại học. Sự gắn kết hoạt động đào tạo của nhà trường và doanh nghiệp là một quá trình tương tác không thể tách rời, đồng thời mang lại lợi ích hấp dẫn cho tất cả các bên liên quan.

Đối với các doanh nghiệp: Việc hợp tác giúp doanh nghiệp có thể tiếp xúc trực tiếp với rất nhiều sinh viên, có điều kiện để theo dõi, đánh giá tác phong làm việc cũng như kiến thức và năng lực của sinh viên một cách chính xác nhất. Qua đó, doanh nghiệp có hướng tuyển dụng, lựa chọn nhân sự phù hợp và góp phần quảng bá hình ảnh của mình [4]. Hơn nữa, việc liên kết này còn hỗ trợ tuyển dụng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp. Hàng năm, các doanh nghiệp đều có nhu cầu về tuyển dụng lao động, lao động thời vụ và việc liên kết với trường đại học sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong vấn đề này. Ngoài ra, việc liên kết với nhà



trường giúp doanh nghiệp tiếp cận những kết quả nghiên cứu hiện đại nhất, cập nhật nhất và có thể ứng dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình [4].

Đối với nhà trường: Việc hợp tác với doanh nghiệp mang lại lợi ích quan trọng đầu tiên là nguồn tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu, hoạt động đào tạo và công tác sinh viên nhờ việc mở rộng mối quan hệ với các đối tác có uy tín. Sinh viên của nhà trường được cải tiến trải nghiệm học tập qua các đợt thực tập tại doanh nghiệp hay tham quan doanh nghiệp. Kỹ năng và kiến thức của sinh viên tốt nghiệp cũng được tăng cường qua các hoạt động hợp tác. Các hoạt động liên kết trường đại học và doanh nghiệp như tổ chức cho sinh viên tham quan doanh nghiệp, sinh viên được lựa chọn môi trường thực tập nghề nghiệp uy tín của chương trình thực tập sinh cung cấp nhiều giá trị cho các sinh viên và chất lượng chuyên môn và thực tế của sinh viên cũng được nâng cao hơn.

Việc hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp giúp đáp ứng được các nhu cầu trên thị trường lao động, định hướng được giáo dục và đào tạo hướng đến các lĩnh vực mà nền kinh tế - xã hội đang có nhu cầu. Sự hợp tác này cho phép tăng hiệu quả, tiết kiệm kinh phí đầu tư xã hội nói chung trong giáo dục và đào tạo, giảm tình trạng thất nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh và đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường theo hướng kinh tế tri thức và phát triển bền vững.

3. Các nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến quan hệ hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp

Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế: Ảnh hưởng đến tất cả mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội của mỗi quốc gia. Chính xu thế hội nhập này và yêu cầu cạnh tranh trên thương trường đã buộc các doanh nghiệp cần xây dựng mối quan hệ thường xuyên và khăng khít với nhà trường, đồng thời cũng khiến các cơ sở đào tạo phải chú trọng hơn đến nhu cầu của thị trường, nhu cầu của doanh nghiệp, để đào tạo ra các thế hệ lao động đủ sức cạnh tranh và hợp tác ở cả thị trường lao động trong nước và quốc tế.

Cơ chế, chủ trương, chính sách của nhà nước, của các cơ quan bộ ngành chủ quản: Chủ trương, chính sách của Nhà nước là yếu tố vĩ mô ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp. Quan hệ liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp có khả thi hay không, lĩnh vực liên kết và phạm vi liên kết như thế nào phụ thuộc rất lớn vào sự cho phép của luật pháp và được luật pháp tạo điều kiện. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, tự chủ đại học đang được cho



phép và ngày càng mở rộng, là một trong những điều kiện tiên đề quan trọng để gia tăng mối quan hệ hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp.

Chiến lược, tầm nhìn, mục tiêu của các bên: Các bên liên quan trong mối quan hệ hợp tác cần phải có hệ thống chiến lược, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi có sự tương đồng và chia sẻ, trong đó nhấn mạnh tính trọng yếu của hợp tác nhà trường – doanh nghiệp. Đây chính là điều kiện tiên quyết để có sự khởi đầu của hợp tác. Sự tin cậy lẫn nhau, sự gắn bó và chia sẻ một mục tiêu chung là những động lực được đánh giá cao nhất trong quá trình hợp tác nhà trường và doanh nghiệp.

Năng lực của đội ngũ lãnh đạo nhà trường và doanh nghiệp: Năng lực của đội ngũ lãnh đạo là một trong những yếu tố then chốt quyết định sự thành bại của bất kỳ tổ chức nào. Trong mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp, lãnh đạo từ hai phía này phải nhận thức được đây là mối quan hệ tất yếu khách quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trong xu thế hội nhập hiện nay. Từ nhận thức đó, họ phải cùng nhau xây dựng các chiến lược hợp tác, mô hình hợp tác và hình thức hợp tác hiệu quả.

Hệ thống quản trị đại học: Ngày nay, tầm quan trọng của quản trị đại học đã được nhận thức và ghi nhận. Trong một hệ thống quản trị đại học hiệu quả, người ta chắc chắn đã phải gắn kết được doanh nghiệp vào các hoạt động của nhà trường để đạt được các tiêu chí nhất định. Khi hệ thống quản trị đại học còn yếu kém, các bên chưa thể có điều kiện nghĩ đến hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp, hoặc mới chỉ có thể dừng lại ở những hoạt động mang tính hình thức.

Thông tin và sự duy trì thông tin về nhau: Thông tin là mạch máu của mọi hệ thống. Trong quan hệ hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp, nếu hai bên không có thông tin về nhu cầu và năng lực của nhau sẽ gây nhiều khó khăn và trở ngại trong quá trình hợp tác. Đặc biệt, luồng thông tin phải được luôn luôn duy trì và phát triển thì mới có thể nuôi dưỡng mối quan hệ hợp tác bền chặt.

4. Một số mô hình, hình thức hợp tác cụ thể

4.1. Mô hình xã hội hóa giáo dục

Xã hội hóa giáo dục là tư tưởng lớn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời đã dạy “Giáo dục là sự nghiệp của quần chúng”. Tư tưởng đó đã được cụ thể hóa bằng chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước “Huy động toàn xã hội làm giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân đóng góp sức người, sức của, xây dựng nền giáo dục quốc dân phát triển dưới sự quản lý của Nhà nước” [1]. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội Đảng khóa X và một lần nữa được khẳng định “Chuyển



dẫn mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập”[2].

Việc tiến hành xã hội hoá giáo dục sẽ tạo ra một xã hội học tập, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho xã hội, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tạo nên những điều kiện vật chất để nâng cao chất lượng giáo dục. Ngoài ra xã hội hoá giáo dục còn làm cho mọi người hiểu được giáo dục không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội, của mỗi gia đình và của mọi công dân

Cụ thể hơn nữa xã hội hoá giáo dục là việc các cơ sở giáo dục đại học và các tổ chức doanh nghiệp cùng hợp tác đầu tư cho giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học dưới các hình thức đa dạng. Điều kiện cho quá trình xã hội hóa giáo dục này có thể thực sự thành công chính là việc trao quyền tự chủ hoàn toàn cho các trường đại học. Khi đó, các trường có thể tự quyết định hình thức đầu tư, hợp tác, liên doanh liên kết với các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp khác trong giáo dục đại học.

4.2. Các mô hình và hình thức hợp tác cụ thể khác

4.2.1. Trường đại học thành lập công ty, trung tâm, cơ sở thực hành

Trong bối cảnh hiện nay, khi ngày càng nhiều trường đại học được hưởng cơ chế tự chủ hoàn toàn, nhà trường có thể tiến hành thành lập các doanh nghiệp trực thuộc. Các doanh nghiệp này sẽ có vị thế để tiếp tục kết nối và phát triển các mối quan hệ hợp tác với các tổ chức và doanh nghiệp bên ngoài. Việc thành lập các trung tâm hỗ trợ sinh viên, trung tâm hỗ trợ sáng tạo và khởi nghiệp... cũng nằm trong xu thế này, tạo điều kiện để gắn kết hoạt động của các cơ sở giáo dục Đại học với giới kinh doanh. Các trường đào tạo yêu cầu tính thực hành cao cần thành lập các cơ sở thực hành thực tập.

Các trường đại học y có thể mở thêm các bệnh viện, các cơ sở thực hành y tế. Các trường chuyên về du lịch khách sạn có thể mở các công ty lữ hành, khách sạn, nhà hàng kinh doanh...

Các trường đại học thuộc khối kinh tế, quản trị kinh doanh thì có thể thành lập các trung tâm, công ty tư vấn pháp lý, quản trị doanh nghiệp, kế toán kiểm toán tài chính, v.v. cũng như các trung tâm hỗ trợ sáng tạo khởi nghiệp, lúc đầu có thể thiên về mảng quản lý kinh doanh, sau đó có thể phát triển và kết hợp với các trường khối khoa học tự nhiên để cùng thương mại hóa các sản phẩm khoa học công nghệ.

Chính từ các hoạt động chủ động của các cơ sở giáo dục Đại học như trên, các doanh nghiệp có liên quan sẽ có cơ hội tham gia vào mạng lưới công việc và thắt chặt



hợp tác với nhà trường, phù hợp với định hướng mà nhà trường đã xác định. Ngoài ra, hệ thống mạng lưới cựu sinh viên của các cơ sở giáo dục Đại học nay hoạt động tại các tổ chức doanh nghiệp cũng có cơ hội và điều kiện để quay trở lại đóng góp thiết thực cho nhà trường qua việc phối hợp đầu tư đúng lĩnh vực mình mà mình đã từng được đào tạo.

4.2.2. Trường đại học phối hợp với doanh nghiệp trong đào tạo, trong xây dựng và sửa đổi chương trình đào tạo theo hướng ứng dụng, hướng mở

Xây dựng chương trình đào tạo có sự tham gia của doanh nghiệp: thông qua các cuộc hội thảo xây dựng chương trình đào tạo, hội thảo triển khai công nghệ, hay các nghiên cứu dự báo tương lai... từ đó nhà trường có những chương trình đào tạo phù hợp với khung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, vừa mang tính hiện đại nhưng cũng sự mềm dẻo dễ dàng điều chỉnh theo thực tiễn. Chương trình đào tạo hiện đại hướng ứng dụng là một xu hướng mới, tăng cường thời gian học tập kinh nghiệm và tiếp xúc thực tế. Chương trình đào tạo hướng ứng dụng cũng cần có tính mở để dễ dàng bổ sung hay loại bỏ những môn học hay module không còn phù hợp thực tiễn sản xuất.

Hiệu chỉnh chương trình đào tạo theo định kỳ và theo những thay đổi trong thực tế: sự lão hoá của chương trình và sự thay đổi công nghệ diễn ra nhanh chóng, nên có sự điều chỉnh kịp thời, nhà trường cần điều chỉnh mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Quá trình này cũng cần sự cung cấp thông tin, góp ý và phản biện từ doanh nghiệp.

Đối với Trường đại học Công nghiệp Quảng Ninh, định kỳ 2 năm 1 lần, Nhà trường tiến hành điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng nghề nghiệp, đáp ứng đa dạng các yêu cầu của nguồn nhân lực, trong năm học 2019-2020 Nhà trường đã ban hành chuẩn đầu ra 29 chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy; Chuẩn đầu ra 02 chương trình đào tạo thạc sĩ; Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học cho sinh viên đại học hệ chính quy [6].

Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục Đại học cần tiếp tục duy trì và phát triển các hình thức hợp tác truyền thống khác với các doanh nghiệp, ví dụ như Tọa đàm với chuyên gia. Đây là hình thức mời các chuyên gia trong lĩnh vực của các môn học yêu cầu tính thực tiễn cao đến tọa đàm, trao đổi với sinh viên về những tình huống, những vấn đề thực tế gặp phải theo nội dung cụ thể của môn học. Các chuyên gia được mời là lãnh đạo các doanh nghiệp và chuyên viên cao cấp tại các cơ quan quản lý nhà nước liên quan. Hình thức tọa đàm này sẽ khuyến khích trao đổi thảo luận giữa sinh



viên với diễn giả, đồng thời khơi nguồn cho những ý tưởng đề tài nghiên cứu khoa học dựa trên những đòi hỏi cấp thiết từ thực tế.

4.2.3. Trường đại học phối hợp với doanh nghiệp trong định hướng nghề nghiệp, tăng cường tính thực tiễn

Hoạt động hướng nghiệp hiện nay cũng được nhiều cơ sở giáo dục Đại học quan tâm. Thông qua buổi tọa đàm trao đổi giữa doanh nghiệp với sinh viên, ngày hội việc làm cho sinh viên, sinh viên sẽ hiểu rõ hơn lĩnh vực hoạt động và cách thức hoạt động của các doanh nghiệp, đặc biệt hoạt động hướng nghiệp mang lại cơ hội nghề nghiệp cho các bạn sinh viên năm sắp tốt nghiệp tại các doanh nghiệp này. Lãnh đạo các doanh nghiệp có thể đưa ra những lời khuyên thiết thực dành cho sinh viên thông qua việc chia sẻ kinh nghiệm phát triển của bản thân và doanh nghiệp; đồng thời có thể phỏng vấn trực tiếp sinh viên để tuyển dụng hoặc tạo cơ hội thực tập.

Nhà trường và doanh nghiệp có thể ký kết các thỏa thuận hợp tác về tạo việc làm bán thời gian cho sinh viên, mở ra các cơ hội thực tập, thực hành nghề nghiệp, tham gia vào quá trình đào tạo và tuyển dụng của doanh nghiệp. Ví dụ về ký kết các thỏa thuận, hợp tác và tổ chức ngày hội việc làm của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh: Trong năm 2019, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đã ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tạo cơ hội việc làm cho sinh viên ngay khi ra trường với các tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước, như: Tập đoàn TCL (Trung Quốc), Tập đoàn Texhong (Trung Quốc), Công ty LG, Tập đoàn Viettel... Đây là hoạt động nhằm thu hẹp khoảng cách giữa doanh nghiệp với Nhà trường trong công tác đào tạo, giúp cho sinh viên của Trường sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp. Ngoài ra năm 2019 Nhà trường đã tổ chức Ngày hội việc làm, có 35 doanh nghiệp trong nước và quốc tế tham gia, mang đến cho sinh viên hơn 2.000 vị trí việc làm. Sau Ngày hội việc làm đã có 302 sinh viên của Nhà trường tìm được những vị trí việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo [5].

Kiến tập, thực tập là những học phần bắt buộc hiện nay đối với nhiều chương trình đào tạo đại học. Một số học phần trong chương trình đào tạo có thể yêu cầu sinh viên phải tham gia đi thực tế tại doanh nghiệp, từ đó được học hỏi, chứng kiến các hoạt động thực tiễn, cơ sở vật chất, dây chuyền hoạt động cũng như quy mô, cách thức quản trị của doanh nghiệp. Tuy nhiên, hình thức kiến tập, thực tập này đôi khi lại mang nặng tính hình thức, chưa thực sự hiệu quả. Các cơ sở giáo dục Đại học cần chủ động hơn nữa trong việc tiếp cận với doanh nghiệp thông qua các phòng ban chức năng chuyên trách để vừa hỗ trợ doanh nghiệp tìm được nguồn nhân lực tương



lai phù hợp, vừa giúp sinh viên lựa chọn được nơi kiến tập, thực tập thuận lợi và hiệu quả nhất, phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

4.2.4. Trường đại học phát triển mạng lưới cựu sinh viên học viên

Đội ngũ cựu sinh viên cựu học viên ngày càng lớn mạnh của các cơ sở giáo dục Đại học chính là cầu nối hiệu quả giữa nhà trường và doanh nghiệp. Hoạt động của hội cựu sinh viên mà ở đó các thành viên có điểm chung là trưởng thành từ một cơ sở giáo dục đại học, thì sẽ có xu hướng quay lại gắn bó với các hoạt động của nhà trường đó. Đây chính là nguồn hợp tác doanh nghiệp lâu bền và ngày càng mở rộng theo thời gian.

Một số hoạt động hợp tác tiêu biểu từ hội cựu sinh viên bao gồm: tham gia tổ chức các sự kiện của nhà trường; tham gia góp ý vào các chương trình đào tạo, ký kết các thỏa thuận nhận sinh viên thực tập, tổ chức hội chợ việc làm.. Các cựu sinh viên có thể đóng góp những nguồn lực lớn để xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường, tham gia giảng dạy ngắn hạn, tạo lập các quỹ học bổng cho các thế hệ sinh viên tiếp theo... mang lại các hiệu quả thiết thực.

4. Kết luận

Đề quá trình đào tạo có chất lượng cao, tạo ra nguồn nhân lực có năng lực đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế - xã hội nói chung là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của bất kỳ cơ sở giáo dục Đại học nào. Đặc biệt trong bối cảnh hội nhập hiện nay việc xây dựng và phát triển bền vững mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp là một trong những hướng đi tất yếu, khách quan mà nhà trường phải thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ đó.

Căn cứ vào đặc điểm, năng lực và lĩnh vực đào tạo của từng cơ sở giáo dục Đại học, nhà trường cần chủ động tăng cường khảo sát nhu cầu về nguồn nhân lực của doanh nghiệp bằng nhiều kênh thông tin khác nhau để hiểu rõ khả năng đáp ứng của nhà trường, từ đó dự báo thị trường lao động, nhu cầu nhân sự, xu hướng đầu tư,... nhằm xây dựng chiến lược hợp tác, mô hình hay hình thức hợp tác hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội



[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Đình Luận (2015), *Sự gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế – xã hội ở Việt Nam*, Tạp chí Phát triển và Hội nhập.

[5]. Nguyễn Thị Nhung (2020), *Phát huy vai trò chủ thể nhận thức trong học tập của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh hiện nay*, Kỷ yếu hội thảo khoa học lần thứ 6, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, Tháng 5 -2020.

[6]. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (2020), *Tổng kết công tác đào tạo năm học 2019-2020 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2020-2021*.



NÂNG CAO HIỆU QUẢ MỐI LIÊN KẾT GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG VIỆC NGHIÊN CỨU VÀ CHUYỂN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

□ThS. Trần Thị Hoàn

Bộ môn Lý luận chính trị - Trường ĐHCN Quảng Ninh

1. Mở đầu

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, ở các nước trên thế giới, mối quan hệ giữa các trường đại học với doanh nghiệp luôn có sự gắn kết chặt chẽ với nhau từ các ý tưởng, sáng chế đến ứng dụng và ra sản phẩm. Tại Việt Nam, mối quan hệ này trên thực tế còn rất mờ nhạt. Mặc dù ở một số trường đại học mối liên kết giữa các trường và doanh nghiệp đã có sự gắn bó khá chặt chẽ và đem lại nhiều kết quả nhất định, các trường có nhiều tiềm năng, nhiều công trình nghiên cứu nhưng ứng dụng vào thực tiễn còn rất ít. Bài viết đánh giá thực trạng hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học, vấn đề chuyển giao khoa học công nghệ, đánh giá mối liên kết giữa các trường đại học trực thuộc Bộ Công Thương với doanh nghiệp, từ đó đề xuất giải pháp nhằm góp phần tháo gỡ những “điểm nghẽn” giữa nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, đề xuất chính sách nhằm nâng cao hơn nữa mối liên kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo.

2. Nội dung

2.1. Thực trạng hoạt động khoa học công nghệ trong các trường đại học

Hoạt động nghiên cứu khoa học: Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện nay cả nước có khoảng hơn 700 trường đại học (ĐH), học viện, cao đẳng. Năm học 2017 – 2018, tổng số giảng viên (GV) là 74.991 người, trong đó có: 719 giáo sư, 4.533 phó giáo sư, 20.198 tiến sĩ, 44.434 thạc sĩ.

Khảo sát từ 142/271 trường ĐH và các viện cho thấy, trong các trường đã hình thành 945 nhóm nghiên cứu và hơn 1.413 tổ chức khoa học, các trường ĐH đang có những đóng góp lớn vào thành tựu khoa học công nghệ (KH-CN) những năm qua. Các hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) tại các trường ĐH đã có những đóng góp tích cực, không chỉ phục vụ công tác giảng dạy, NCKH trong nhà trường mà còn đáp ứng nhu cầu mà xã hội và nền kinh tế đòi hỏi như chế tạo các sản phẩm có chất lượng, chế tạo máy móc công cụ... để phục vụ sản xuất. Bên cạnh đó, việc công bố các công trình nghiên cứu, bài báo NCKH của Việt Nam ra quốc tế cũng tăng mạnh trong 5 năm gần đây. Nhóm nghiên cứu Trường ĐH Duy Tân làm khảo sát tại 30 trường ĐH hàng đầu Việt Nam cho thấy: Năm 2013, tổng các bài báo công bố quốc tế của cả Việt Nam là



2.309 bài. Giai đoạn từ năm 2017 đến cuối năm 2018, chỉ riêng các bài báo công bố quốc tế của 30 trường ĐH Việt Nam đã đạt 10.515 bài (hơn cả giai đoạn 5 năm trước 2011 - 2015 là 10.034 bài). 80% các nghiên cứu sinh trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, công nghệ nhờ trưởng thành từ các nhóm nghiên cứu nên khi bảo vệ luận án tiến sĩ đều đã có bài báo trên các tạp chí khoa học có chỉ số ISI; 65,3% các GV tham gia nhóm nghiên cứu được khảo sát đều có công bố quốc tế trên các tạp chí khoa học có chỉ số ISI/SCOPUS.

Bên cạnh những chuyển biến tích cực trên, kết quả khảo sát cũng cho thấy còn tồn tại nhiều bất cập. Cụ thể: Có đến 37,5% GV trong 30 trường khảo sát chưa có công bố quốc tế ISI/SCOPUS; 55% cho rằng kinh phí và nguồn lực cho đề tài còn thấp và cấp chậm; 2,2% trả lời không có nhu cầu tham gia nhóm nghiên cứu, 15,7% chưa rõ lợi ích tham gia nhóm nghiên cứu.

Về chuyển giao KHCN, các trường ĐH Việt Nam tuy có nhiều tiềm năng để phát triển lĩnh vực chuyển giao KHCN, nhưng thực tế còn nhiều thách thức đặt ra điển hình như: Chuyển giao công nghệ theo loại hình dịch vụ và Chuyển giao kết quả nghiên cứu và ứng dụng.

Chuyển giao công nghệ theo loại hình dịch vụ: Số liệu thống kê về hoạt động KHCN giai đoạn 2006-2016, tại 700 đối tượng liên quan đến các loại hình dịch vụ chuyển giao công nghệ (CGCN) trong nước cho thấy: Nếu xét theo loại hình dịch vụ CGCN mà các đơn vị trung gian cung cấp, thì môi giới CGCN là loại hình dịch vụ có nhiều đơn vị cung cấp nhất với 78,6%; tiếp đến là dịch vụ tư vấn CGCN 75%; dịch vụ xúc tiến CGCN là 64,3%. Trong khi đó, số lượng đơn vị trung gian có thể cung cấp dịch vụ giám định công nghệ là rất ít, chỉ 25% số đơn vị. Nhu cầu của thị trường với dịch vụ CGCN xuất phát từ nhu cầu CGCN và nhận thức ngày càng cao của bên giao và bên nhận công nghệ về vai trò của các loại hình dịch vụ CGCN. Nhìn chung, dịch vụ CGCN ở nước ta đang gặp phải rất nhiều khó khăn trong quá trình hình thành và phát triển. Quy mô các đơn vị cung cấp dịch vụ CGCN còn nhỏ, thiếu các trung tâm dịch vụ CGCN lớn và uy tín; điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính phục vụ các hoạt động nghiệp vụ chưa đảm bảo; hiệu quả sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và kết quả hoạt động của các khu công nghệ cao còn thấp... Đặc biệt, vẫn thiếu các hình thức liên kết thành những mạng lưới... Chính sự thiếu liên kết này đã gây ra những lãng phí đáng tiếc, ví dụ như lãng phí cơ sở dữ liệu thông tin từ các kho thông tin KHCN trên toàn quốc. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn, môi giới, đánh giá, định giá, giám định công nghệ, đặc biệt là các chuyên gia đầu ngành



còn thiếu và yếu. Việc nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực cho dịch vụ CGCN không thể thực hiện trong thời gian ngắn mà đòi hỏi nhiều thời gian và tâm sức cũng là những thách thức không nhỏ cho việc phát triển nền KHCN nước nhà. Việc quản lý đối với các dịch vụ CGCN còn nhiều rào cản pháp lý như: Thiếu các văn bản dưới luật điều chỉnh về các dịch vụ CGCN; Luật CGCN 2006 đã xuất hiện nhiều bất cập trong quá trình thực hiện; chưa có các kênh giải quyết chính sách và quản lý hiệu quả các tranh chấp liên quan đến dịch vụ CGCN; chưa có các bảo đảm pháp lý cho các chủ thể tham gia dịch vụ CGCN; Luật Sở hữu trí tuệ liên quan đến CGCN chưa phù hợp, chưa đi vào cuộc sống.

Chuyển giao kết quả nghiên cứu và ứng dụng: Trong thời gian qua, việc áp dụng các tiến bộ KHCN đã có những đóng góp quan trọng bảo đảm cho công nghiệp tăng trưởng liên tục ở mức 14%/năm. KHCN cũng đã đóng góp hơn 30% giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, năng suất, chất lượng sản phẩm ngày càng được cải thiện do nhiều địa phương cũng như doanh nghiệp (DN) đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất. Từ khâu giống, quy trình canh tác đến chế biến, bảo quản... đều có dấu ấn của KHCN.

Các trường ĐH có vai trò quan trọng trong nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Những năm gần đây, các trường ĐH tại TP. Hồ Chí Minh chú trọng đẩy mạnh NCKH và xem đây là tiền đề để nâng cao chất lượng đào tạo. Nhiều đề tài NCKH đi sát nhu cầu thực tế, giàu triển vọng ứng dụng vào sản xuất và đời sống. Nhờ hệ thống phòng nghiên cứu thí nghiệm tại Viện Công nghệ cao thuộc ĐH Công nghệ TP. Hồ Chí Minh (HUTECH), nhóm sinh viên HUTECH đã thực hiện đề tài NCKH "Thu nhận bột đạm giàu astaxanthin từ phế liệu đầu tôm sú *Penaeus Monodon* bằng Alcalase LFG 2.41128 và Lipase L3126 kết hợp". Đề tài này đã giành giải nhất cuộc thi sinh viên NCKH toàn quốc năm 2018 và được đánh giá là một nghiên cứu thiết thực, giúp tận dụng nguồn phế liệu đầu tôm sú đem lại hiệu quả kinh tế cao. Sau 10 năm nghiên cứu và phát triển, Viện Tế bào gốc, Trường ĐH Khoa học tự nhiên (ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh) đã cho ra đời sản phẩm Cartilatist - sản phẩm dạng thuốc (thuốc tế bào) đầu tiên ở Việt Nam. Sản phẩm này đã được chuyển giao độc quyền cho Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Vạn Hạnh phát triển sản phẩm, sản xuất và thương mại hóa từ tháng 8/2018 tại Việt Nam và các quốc gia ASEAN để điều trị thoái hóa khớp gối và thoái hóa cột sống. Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên là một trường ĐH tiêu biểu trong việc tham gia đào tạo nhân lực cho 16 tỉnh miền núi phía Bắc. Từ năm 2016 đến nay, doanh thu từ chuyển giao công nghệ của Nhà trường đạt



70 tỷ đồng với khoảng 30-40 hợp đồng mỗi năm. Tại sự kiện Techfest tổ chức ở Trường ĐH Nông Lâm Thái Nguyên, dự án khởi nghiệp được giải nhất là thuốc viên chữa đau dạ dày Anti – HPPro (được chiết xuất từ lá khô, lá bồ đề, chè dây). Nhà trường đã đăng ký sở hữu trí tuệ và quảng bá ở các triển lãm, hội chợ cùng với nhóm nghiên cứu.

2.2. Một số mô hình liên kết của các trường thuộc Bộ Công Thương với doanh nghiệp

Chủ trương liên kết giữa các trường đào tạo nghề, đại học với các DN, cơ sở sản xuất để tạo việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường và đẩy mạnh xuất khẩu lao động để giải quyết việc làm cho thanh thiếu niên đã được Chính phủ chỉ đạo tại nhiều văn bản. Cụ thể như: Nghị quyết số 100/NQ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016-2021; Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo. Theo đó, nhà trường và DN có thể liên kết tổ chức đào tạo, trong đó DN có thể đảm nhận đến 40% chương trình đào tạo. Nhờ những chủ trương trên, nhiều mô hình liên kết với DN của các trường đại học thuộc Bộ Công Thương đã được triển khai hiệu quả trong thời gian qua như:

Mô hình của Đại học Công nghiệp Hà Nội: Năm 2014, Đại học Công nghiệp Hà Nội đã thành lập Trung tâm Hợp tác với DN. Theo báo cáo tổng kết năm học 2016-2017 của Trung tâm Hợp tác với DN, năm 2016, Nhà trường đã tiếp nhận 28 yêu cầu tham gia thăm quan, thực tập tại DN trong khuôn khổ hợp tác đào tạo của các DN như: Nissan Techno, Samsung Việt Nam, Canon Việt Nam, Foxconn, Vinatop, COMA 18... với 3.150 sinh viên. Hoạt động trao đổi cán bộ GV cũng được đẩy mạnh hơn so với năm 2016. Cụ thể, có 30 cán bộ GV tới đào tạo tại các DN như: Denso Việt Nam, Canon Việt Nam, Pepsico Việt Nam, Phân lân Văn Điển, Hanacans; Có 36 cán bộ của DN tham gia giảng dạy tại Nhà trường đến từ: Foxconn, Pepsico Việt Nam, Samsung Việt Nam, Canon Việt Nam. Năm 2017, số lượng các khoá học ngắn hạn do DN gửi tới Trường đào tạo là 148 với số lượng học viên lên tới 1.795 người, tăng 174,78% so với năm trước. Số lượng chương trình thực tập trải nghiệm tại DN là 26, với khoảng 1.938 sinh viên tham gia tại các DN như: Samsung Việt Nam, Canon Việt Nam, Foxconn, UMC, Toyo Denso, TNHH Gia Minh. Có 45 giảng viên tham gia giảng dạy tại DN như: Pepsico Việt Nam, Nestle Việt Nam, Hanwha, Denso Việt Nam,



Panasonic Việt Nam, Habeco. Số cán bộ DN tham gia giảng dạy tại nhà trường tăng lên 40 người đến từ các DN như: Foxconn, Hanwa, Denso Việt Nam, Bóng đèn Rạng Đông, Minami Fuji. Theo thống kê, tỷ lệ sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường có việc làm ngay chiếm khoảng từ 58,6% - 65%, số lượng sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp chiếm khoảng 86,9%. Căn cứ vào số lượng sinh viên có việc làm cao mà số lượng tuyển sinh của nhà trường hàng năm đều đạt mức 100% chỉ tiêu các hệ đào tạo, mang lại nguồn tài chính ổn định quan trọng đối với cơ chế tự chủ của Nhà trường.

Mô hình của Đại học Sao Đỏ: Đại học Sao Đỏ luôn coi trọng và triển khai công tác phối hợp giữa Nhà trường và DN. Theo đó, Nhà trường đang thực hiện dự án “Xây dựng mô hình 3 bên: Nhà trường - DN - Chính phủ về phát triển kỹ năng và đẩy mạnh công nghiệp hoá tại Việt Nam” có sự tham gia và tài trợ của Trường Đại học Han Kok Hàn Quốc. Trường cũng tham gia các dự án của chương trình khuyến công quốc gia, góp phần tăng cường mối quan hệ giữa Đại học Sao Đỏ với các trường trong Bộ Công Thương, các DN trong hoạt động đào tạo, chuyển giao công nghệ. Tranh thủ ưu thế của địa bàn, Đại học Sao Đỏ đã thành lập phòng hợp tác đào tạo và xúc tiến việc làm, làm cầu nối giữa sinh viên với các cơ sở sử dụng lao động trên địa bàn như: Công ty TNHH May Tinh Lợi, Công ty TNHH Toyota Hải Dương... Đối với các DN ngoài địa bàn tỉnh Hải Dương, Nhà trường cũng liên kết với DN tiếp nhận sinh viên học tập tại DN hoặc tiếp nhận việc làm như: Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty TNHH Samsung Electronics, Công ty TNHH Thương mại và Du lịch An Tâm, Tập đoàn Khoa học Kỹ thuật Hồng Hải... Các hoạt động này xét về góc độ đào tạo đã tạo điều kiện để sinh viên trải nghiệm thực tế và tìm kiếm đầu ra sau khi tốt nghiệp. Tổng kết giai đoạn 2012-2016, Nhà trường đã thực hiện 05 chương trình liên kết đào tạo hợp tác với DN: “Chương trình hợp tác tư vấn thủ tục đi du học cho sinh viên Đại học Sao Đỏ và Công ty cổ phần tư vấn chuyên nghiệp Việt Nam”, “Chương trình hợp tác liên kết đào tạo giữa Công ty cổ phần phát triển nguồn nhân lực LOD và Đại học Sao Đỏ”, “Chương trình hợp tác với Chi nhánh Công ty cổ phần phát triển nhân lực, thương mại và du lịch VIWASEEN tại Hà Nội”, “Chương trình hợp tác, liên kết đào tạo giữa Công ty Cổ phần Hợp tác đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực và Đại học Sao Đỏ”, “Chương trình hợp tác tuyển sinh, đào tạo ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài giữa Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu 3-2 Hòa Bình và Đại học Sao Đỏ”. Với những chương trình hợp tác như trên, Nhà trường đã gặt hái được nhiều thành công trong việc nâng cao hiệu quả đào tạo, theo đó, tỷ lệ sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp đạt hơn 90%



Mô hình của Đại học Điện lực Hà Nội: Theo Phòng Đào tạo, Trường Đại học Điện lực, trong quá trình xây dựng các chương trình đào tạo, Nhà trường đã có sự tham gia đóng góp ý kiến trực tiếp của 38 nhà khoa học chuyên môn, 81 GV, 41 cán bộ quản lý, 29 tổ chức xã hội nghề nghiệp, 55 nhà tuyển dụng lao động, 82 người đã tốt nghiệp. Mục tiêu chủ yếu của Đại học Điện lực Hà Nội là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng nhằm cung cấp nguồn lao động cho EVN và các DN điện khác. Theo Trung tâm Đào tạo thường xuyên của Nhà trường, năm 2017, Trường đã liên kết với Tổng Công ty Điện lực miền Bắc mở các lớp đào tạo ngắn hạn cho cán bộ, công nhân ngành Điện về: Quản trị cho cán bộ quản lý cấp trung, cấp cơ sở; bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ công nhân... với tổng số lớp là 27, đạt 93,1% so với năm 2016; tổng số học viên là 1791 người. Thông qua triển khai nhiều chương trình liên kết đào tạo ngắn hạn cho các công ty điện lực mà nguồn thu tài chính của Đại học Điện lực Hà Nội được củng cố. Cụ thể, nguồn thu từ EVN hàng năm chiếm khoảng 1,3% tổng nguồn thu tài chính của Nhà trường. Với các DN điện lực, sau khi cán bộ, công nhân được đào tạo lại, các cán bộ quản lý đã nâng cao được kiến thức mới, công nghệ mới và trình độ quản lý các công nhân đã nâng cao được trình độ tay nghề trong quá trình sản xuất điện năng. Không chỉ hợp tác riêng với EVN, Đại học Điện lực còn liên kết với một số các DN khác trong nước cũng như nước ngoài như: Hitachi (Nhật Bản), Mitsubishi (Nhật Bản), Samsung Việt Nam, Rạng đông... Năm 2017, Nhà trường tiếp tục ký kết hợp tác với Hiệp hội Kế toán công chứng Anh (ACCA), trong đó ACCA đồng ý hỗ trợ Đại học Điện lực triển khai chương trình chất lượng cao chuyên ngành kế toán - tài chính theo tiêu chuẩn quốc tế, đào tạo trao đổi cán bộ giảng dạy và hỗ trợ tài chính đào tạo cho sinh viên. Thông qua việc liên kết đào tạo trên, chất lượng sinh viên tốt nghiệp ra trường được các DN đánh giá cao. Theo thống kê của Nhà trường và các tổ chức xã hội, số lượng sinh viên tốt nghiệp có việc làm chiếm 95,22%. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, DN thực tập đánh giá cao về thái độ làm việc 84% loại A, 16% loại B, hiệu quả công việc và chuyên cần của sinh viên thực tập 78% loại A, 20% loại B và 2% loại C. Chỉ số tương đối hài lòng về chương trình đào tạo của nhà trường 38% loại A, 62% loại B. Với ưu điểm trên, tỷ lệ tuyển sinh đầu vào hàng năm của nhà trường giữ ở mức cao, đảm bảo nguồn thu để chi cho các hoạt động của nhà trường.

2.3. Một số hạn chế và nguyên nhân trong nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ

Nhìn nhận về thực trạng NCKH, chuyển giao thành tựu KH-CN hiện nay, Thứ trưởng Bộ GD&ĐT Nguyễn Văn Phúc cho rằng, các trường cần nhanh chóng thay đổi



nếu muốn tiến tới hội nhập. Đặc biệt, trong việc nghiên cứu gắn liền với chuyển giao, làm sao dùng khoa học để nuôi sống khoa học mới là hướng đi đúng đắn.

Thực tế, hoạt động NCKH và chuyển giao của các trường đại học 5 năm trở lại đây đã có những chuyển biến rất lớn. Số bài báo ISI của các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc quản lý của Bộ GD&ĐT riêng năm 2017 -2018 tăng 26%; số lượng công trình, thành tựu NCKH được chuyển giao ra ngoài xã hội cũng tăng nhiều hơn, nhưng xét trên con số đội ngũ khoa học mà các trường đang sở hữu (hơn 51% tổng số nhân lực KH&CN trong cả nước) thì như vậy vẫn còn rất khiêm tốn. Chẳng hạn, Trường ĐHSPT TPHCM chuyển giao thành tựu KH&CN thông qua Trung tâm chuyển giao của nhà trường năm 2018 là hơn 2 tỉ đồng (8 hợp đồng), năm 2017 là 1,8 tỉ đồng (10 hợp đồng), năm 2016 là gần 1 tỉ đồng (6 hợp đồng). Hay như Trường ĐH Nguyễn Tất Thành, tuy là một trường ngoài công lập nhưng hoạt động chuyển giao KH&CN vài năm trở lại đáng ghi nhận với kinh phí chuyển giao thu về hàng năm đạt từ 17-20 tỉ đồng. Đáng chú ý trong năm 2018, chỉ với hai dự án chuyển giao thành tựu KH&CN cho Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ sinh học tỉnh Tiền Giang (7,5 tỉ đồng) và Dự án cho Sở KH&CN tỉnh Ninh Thuận (5 tỉ đồng) đã đạt mức kinh phí gần 13 tỉ đồng. Trường ĐH Bách khoa TPHCM - đơn vị tiên phong trong hệ thống ĐHQG TPHCM ở hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ cũng chỉ đạt được trên 200 tỉ đồng vào năm 2018, năm 2017 là 183 tỉ đồng, năm 2016 là 165 tỉ đồng.

Nguyên nhân thì có nhiều, nhưng theo PGS.TS Huỳnh Thành Đạt - Giám đốc ĐHQG TPHCM vấn đề đầu tư của Nhà nước cho NCKH tại các trường vẫn còn quá thấp. Ông cho biết, trong các năm 2016, 2017 và 2018, tỉ lệ giữa vốn ngân sách Nhà nước cấp so với tổng kinh phí của ĐHQG TPHCM có xu hướng giảm dần về mức dưới 30%. Trong đó, ngân sách Nhà nước đầu tư cho hoạt động NCKH chiếm từ 20 - 25% tổng kinh phí cấp cho toàn hệ thống. Trung bình, mỗi cán bộ nghiên cứu nhận được kinh phí đầu tư cho NCKH là 16 triệu đồng/năm. Đây là con số quá thấp để có thể thực hiện công tác NCKH. Không chỉ bị hạn chế bởi kinh phí cấp cho hoạt động NCKH thấp, hoạt động chuyển giao thành tựu KH&CN tại các trường đại học vẫn chưa trở thành nguồn lực tài chính cho phát triển nhà trường còn do bị ảnh hưởng bởi áp lực quy định giờ giảng/ năm với GV; công tác hỗ trợ, cấp kinh phí cho các đề tài nghiên cứu của GV, nhà khoa học của các trường chủ yếu vẫn được lấy từ nguồn thu học phí... Điều đó không chỉ gián tiếp làm giảm chính sách đãi ngộ với GV, các nhà khoa học mà ít nhiều tạo nên sức ì trong việc thúc đẩy các hoạt động NCKH trong nhà trường.



Thăng thấn nhìn nhận những hạn chế đang tồn tại trong công tác chuyển giao thành tựu NCKH tại các trường, Thứ trưởng Bộ GD&ĐT Nguyễn Văn Phúc cho rằng, chính tư duy làm khoa học chưa thay đổi... đã giới hạn rất nhiều hoạt động nghiên cứu của GV. Để các trường đại học có sự “chuyển mình” một cách mạnh mẽ trong hoạt động chuyển giao thành tựu KH&CN, Bộ GD&ĐT cần quan tâm giải quyết bốn vấn đề: Nhà nước giao quyền tự chủ cho các trường đại học cùng với yêu cầu giải trình trước xã hội; Xây dựng đội ngũ cán bộ KH&CN đầu ngành cho các hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và đào tạo ở các trường đại học; Xây dựng chính sách đãi ngộ mang tính đặc thù dành cho đội ngũ làm công tác NCKH; Đặc biệt phải sớm tháo gỡ được các trói buộc về thủ tục pháp lý, hành chính trong công tác làm đề tài.

Nhìn nhận thực tế về hoạt động chuyển giao thành tựu KH&CN trong các trường đại học, TS Văn Thế Thành- Trưởng phòng KH&CN & Sau đại học Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TPHCM cho biết: Khoa học có hai hướng, đó là nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng. Việc chuyển giao thành tựu KH&CN của các trường thời gian qua còn hạn chế và chưa được đẩy mạnh nguyên nhân là do nghiên cứu của các trường thiên nhiều về hướng nghiên cứu cơ bản, sự gắn kết trong nghiên cứu với doanh nghiệp chưa cao khiến cho các sản phẩm nghiên cứu chưa đưa ra ngoài xã hội nhiều. Do đó, muốn đẩy mạnh công tác chuyển giao thành tựu KH&CN trong các trường, xem hoạt động chuyển giao là một trong hai nguồn thu chính cho mọi hoạt động của nhà trường thì các trường và chính những người làm khoa học (nghiên cứu phần lớn là đam mê) cần phải thay đổi. Các trường cần phải định hướng lại chính sách đãi ngộ, hướng làm khoa học theo hướng ứng dụng nhiều hơn. Đặc biệt là phải thúc đẩy thật tốt “3 chân kiềng” trong mối quan hệ DN - nhà trường - xã hội trong mọi hoạt động nghiên cứu, chuyển giao. “Thực tế chúng ta cũng đã thấy, những trường có hoạt động chuyển giao tốt phần nhiều là họ làm nghiên cứu theo đặt hàng trực tiếp của doanh nghiệp, làm theo dự án hợp tác với từng địa phương, DN cụ thể. Vì vậy, muốn hoạt động chuyển giao tốt, các trường buộc phải xây dựng được cơ chế dịch chuyển trong nghiên cứu để làm sao các nghiên cứu của mình gần với xã hội hơn, gần với DN hơn. Thực tế, nút thắt lớn nhất hiện nay của chúng ta chính là “độ đo” - hay nói đơn giản là khoảng cách giữa nhà trường và DN còn khá xa, chỉ cần kéo gần lại khoảng cách này, hoạt động chuyển giao chắc chắn sẽ tốt hơn”

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả mối liên kết giữa doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục đại học trong việc nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ

3.1. Giải pháp tăng cường mối liên kết doanh nghiệp với cơ sở giáo dục đại học



Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động liên kết với DN trong lĩnh vực đào tạo của 3 Trường đại học nói trên còn bộc lộ một số hạn chế sau: Các hoạt động trao đổi còn chưa phong phú và chưa liên kết toàn diện; Thiếu các hoạt động về trao đổi giữa giảng viên và cán bộ của DN trong hoạt động đào tạo. Vì vậy, để việc liên kết giữa các trường đại học và DN đi vào hiệu quả và thiết thực hơn, cần thực hiện có hiệu quả một số giải pháp sau:

Về phía Nhà nước:

Hoàn thiện hệ thống chính sách định hướng và điều chỉnh hoạt động liên kết giữa trường đại học và DN: Thời gian qua, Nhà nước đã có chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa một số ngành, lĩnh vực, khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư cho hoạt động giáo dục; Tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học; Khuyến khích các DN, hiệp hội DN liên kết với các trường đại học trong đào tạo, hợp tác nghiên cứu... Tuy nhiên, để việc liên kết này hiệu quả, Nhà nước cần có chính sách và hướng dẫn cụ thể về quyền, trách nhiệm, phương thức hợp tác giữa trường ĐH và DN.

Thường xuyên thống kê cung - cầu nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao để điều tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo cho phù hợp. Theo đó, cần hình thành một cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, xây dựng hệ thống thông tin về cung - cầu nhân lực trên địa bàn cả nước nhằm bảo đảm cân đối cung - cầu nhân lực để phát triển kinh tế - xã hội.

Thiết lập nhiều kênh kết nối trường đại học với DN. Cơ quan quản lý có thể đứng ra tổ chức các diễn đàn để nhà trường và DN gặp nhau như: sàn giao dịch công nghệ để nâng cao hiệu quả liên kết trong tương lai.

Có cơ chế hỗ trợ nhà trường và DN thành lập các quỹ đầu tư phát triển chung để gia tăng sự ràng buộc, nâng cao tính năng động cũng như trách nhiệm của các chủ thể liên kết.

Về phía nhà trường:

Chủ động mời các nhà quản lý, nhân lực giỏi từ DN tham gia vào hoạt động đào tạo của nhà trường về những kỹ năng tác nghiệp trên máy móc, thiết bị thực tế để quá trình nghiên cứu, giảng dạy trên giảng đường sát với thực tiễn.

Nâng cao năng lực đào tạo thông qua bồi dưỡng trình độ của đội ngũ giảng viên, đầu tư cơ sở vật chất thiết yếu; cập nhật, đổi mới chương trình nhằm bảo đảm chất lượng giáo dục.

Thiết lập bộ phận chuyên trách về liên kết, hợp tác.

Về phía doanh nghiệp:



Tạo điều kiện tiếp nhận sinh viên kiến tập, thực tập, tham quan, khảo sát, tuyển dụng và sử dụng sinh viên tốt nghiệp của nhà trường.

Có chiến lược nuôi dưỡng, ươm mầm tài năng tại các trường đại học với nhiều hình thức như cung cấp học bổng, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, tuyển dụng trước và sau tốt nghiệp.

Chủ động phối hợp với trường đại học trong việc biên soạn giáo trình, nội dung và phương pháp giảng dạy, bảo vệ đề án, luận văn tốt nghiệp... để chương trình đào tạo “ăn khớp” với nhu cầu của DN và xã hội.

Cần có cơ chế, chính sách khuyến khích đội ngũ giáo sư, tiến sĩ, GV có chất lượng cao trong các trường đại học tham gia vào các dự án hoặc chia sẻ, cố vấn cho DN thông qua các chương trình đào tạo nội bộ.

3.2. Giải pháp khuyến khích nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ từ các trường đại học

Để đẩy mạnh việc chuyển giao KHCN từ các trường ĐH đến với các DN và ứng dụng vào thực tiễn, cần tập trung vào một số nội dung sau:

Thứ nhất, mỗi lĩnh vực nghiên cứu cần có những chính sách khác nhau. Ví dụ, với nghiên cứu về khoa học tự nhiên, công nghệ - kỹ thuật thì trang thiết bị phục vụ nghiên cứu là cực kỳ quan trọng. Do đó, các chính sách đầu tư phải hợp lý chứ không thể cào bằng dẫn đến lãng phí, hiệu quả không cao.

Thứ hai, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động KHCN gắn với DN hướng tới tự chủ đại học dựa vào KHCN. Theo đó, cần đẩy mạnh tái cấu trúc hoạt động KHCN và đào tạo của nhà trường hướng tới ứng dụng thực tiễn, liên ngành theo xu hướng tự chủ, tạo cơ chế thông thoáng thu hút các nhà khoa học tham gia nghiên cứu như hưởng phần trăm (%) lợi ích kinh phí từ việc tạo ra các dự án, đề án, đề tài nghiên cứu, hưởng % kinh phí từ việc chuyển giao các sản phẩm có khả năng thương mại hóa và ứng dụng thực tiễn tại các DN và địa phương. Luật Sở hữu Trí tuệ đã rất cởi mở nhưng thực tiễn vẫn còn vướng ở tư duy nhà quản lý các cơ sở đào tạo, thường xem các sản phẩm nghiên cứu khoa học sử dụng ngân sách hoặc cơ sở vật chất của trường (Nhà nước) là thuộc quyền sở hữu của Nhà nước. Việc sở hữu trí tuệ với các đề tài NCKH trong các cơ sở đào tạo đã được ghi lại tường minh trong Luật Giáo dục Đại học sẽ là một cơ sở pháp lý tạo bước tiến mới để các nhà khoa học, các trường ĐH chủ động hơn trong khai thác thương mại các kết quả KHCN.

Thứ ba, cần có thêm các chính sách ưu tiên phù hợp để khuyến khích các nhà nghiên cứu. Cụ thể, cần có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ NCKH. Đồng thời, đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ NCKH dựa trên những giá trị đóng góp nổi bật trong NCKH và



cải tiến kỹ thuật. Có chính sách ưu đãi nhằm thu hút các chuyên gia, nhà khoa học ở trong và ngoài nước tham gia hoạt động.

Thứ tư, khắc phục tình trạng “bỏ đầu” cho các trường ĐH. Hiện nay, đầu tư cho NCKH trong các trường ĐH vẫn là “bỏ đầu” nên không phát huy được thế mạnh của các trường. Vấn đề đặt ra là cần có một quỹ chung của cả nước, dành riêng cho những ngành, lĩnh vực ưu tiên nhất định. Quỹ này nên do hội đồng quỹ quản lý độc lập, trực thuộc Chính phủ, do các nhà khoa học điều hành, hoạt động theo tiêu chí đã ban hành.

4. Kết luận

Hiện nay, một trong những giá trị tạo nên lợi nhuận của DN là nghiên cứu, chuyển giao và đổi mới công nghệ, ứng dụng các sáng chế kết quả nghiên cứu KH-CN vào thực tiễn sản xuất. Trong bối cảnh đó, KH-CN đã trở thành động lực trực tiếp, là nhân tố có tác động quyết định đối với sự tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội. Đảng và Nhà nước Việt Nam đã xác định, đánh giá cao giá trị trí cũng như vai trò, vị trí của KH-CN, coi KH-CN và giáo dục, đào tạo là quốc sách hàng đầu. Điều đó được thể hiện trong nhiều văn bản quan trọng như: Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng về KH&CN; Nghị quyết 05-NQ/TW ngày 1/11/2016 và Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 5/11/2016 của BCH Trung ương Đảng khóa XII. Việc thúc đẩy nghiên cứu và chuyển giao KH-CN đòi hỏi mối quan hệ giữa các trường đại học với DN luôn có sự gắn kết chặt chẽ với nhau từ các ý tưởng, sáng chế đến ứng dụng và ra sản phẩm. Các DN cần khuyến khích nghiên cứu và chuyển giao KH-CN từ các trường đại học để đưa vào ứng dụng thực tiễn đem lại kết quả cao phục vụ cho các DN và Nhà nước trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2, Ban chấp hành TW khóa VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam
- [2]. "Điểm nghẽn" của nghiên cứu khoa học trong trường đại học Việt Nam - Vietnamnet.vn - 29/7/2017.
- [3]. Nhiều rào cản trong nghiên cứu khoa học ở các trường đại học, Báo Sài Gòn Giải Phóng.
- [4]. Trung tâm Hợp tác với DN (Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội) (2017), Báo cáo tổng kết năm học 2016-2017.
- [5]. Trung tâm Đào tạo thường xuyên (ĐH Điện lực Hà Nội), (2017), Báo cáo tổng kết năm học 2016-2017.
- [6]. Phòng Hợp tác đào tạo và xúc tiến việc làm (ĐH Sao Đỏ) (2017), Báo cáo tổng kết năm học 2016-2017.



THỰC TRẠNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TS. Bùi Trung Kiên

*Phó trưởng Khoa Điện, Trường ĐHCN Quảng Ninh
ĐT 0976074575 Email: buitrungkiendkhqui@gmail.com*

ThS. Bùi Thị Thúy Hằng

*Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường ĐHCN Quảng Ninh
ĐT: 0988764474 Email: buithithuyhang@gmail.com*

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu khoa học ở các trường đại học cao đẳng là hoạt động rất quan trọng, có ý nghĩa thiết thực nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của các nhà trường. Để đạt được hiệu quả trong công tác nghiên cứu khoa học, mối quan hệ giữa các trường đại học với doanh nghiệp cần phải có sự gắn kết chặt chẽ với nhau từ các ý tưởng, sáng chế đến ứng dụng và ra sản phẩm. Tại thời điểm hiện tại đa số ở các trường đại học cao đẳng của nước ta, mối quan hệ này trên thực tế chưa đáp ứng được yêu cầu giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và sản xuất. Dù các trường đại học hàng năm có nhiều công trình nghiên cứu khoa học nhưng ứng dụng vào thực tiễn còn rất ít, mới chỉ dừng lại trong nhà trường. Bài viết đi vào đánh giá, phân tích thực trạng nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các trường đại học, cao đẳng mới thành lập hoặc nâng cấp từ đó đưa ra các giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả, tháo gỡ những khó khăn giữa nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ.

2. Thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học ở các trường đại học hiện nay

Trong vòng 15 năm trở lại đây, số lượng trường đại học tăng lên một cách nhanh chóng, tính đến thời điểm hiện tại cả nước có 5 trường đại học trọng điểm quốc gia, 5 trường đại học cấp vùng, 87 đại học, học viện công lập thuộc các cơ quan lãnh đạo nhà nước, 22 trường đại học do các địa phương quản lý, 65 trường đại học tư thục, 29 trường thuộc bộ quốc phòng quản lý và 12 trường thuộc bộ công an. Ngoài ra các trường đại học còn có các phân hiệu đặt rải rác tại các địa phương trên cả nước. Bức tranh thống kê cho thấy nguồn nhân lực đào tạo phục vụ cho sự phát triển của đất nước trong thời điểm hiện tại rất dồi dào, đa dạng và trải đều khắp các tỉnh, thành phố. Tuy nhiên vấn đề đặt ra là công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tại các trường không đồng đều, đặc biệt là các trường mới thành lập hoặc nâng cấp.



Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cả nước có khoảng 700 trường đại học, học viện, cao đẳng. Tổng số giảng viên là 74.991 người, trong đó có: 719 giáo sư, 4.533 phó giáo sư, 20.198 tiến sĩ, 44.434 thạc sĩ. Các trường đã hình thành trên 1000 nhóm nghiên cứu và hơn 1400 tổ chức khoa học, các bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế không ngừng được tăng lên cả về số lượng lẫn chất lượng. Con số này mới chỉ tập trung chủ yếu và các trường đại học hàng đầu của Việt Nam và một số trường mới thành lập được đầu tư nhiều.

Đối với các trường đại học, cao đẳng mới thành lập và nâng cấp trong vòng 15 năm trở lại đây, công tác nghiên cứu khoa học trong đội ngũ giảng viên và sinh viên cũng đang từng bước chú trọng và được đầu tư, các trường đã và đang hình thành các nhóm nghiên cứu chuyên sâu, phù hợp với thế mạnh đào tạo của các trường. Tuy nhiên do đội ngũ giảng viên có trình độ cao, am hiểu thực tế chưa nhiều, cơ sở vật chất còn thiếu. Nhiều trường, nhiều giảng viên chưa có bài báo công bố quốc tế do nhiều nguyên nhân như kinh phí nguồn lực cho đề tài còn hạn chế; giảng viên không có nhu cầu tham gia nhóm nghiên cứu; chưa rõ lợi ích tham gia nhóm nghiên cứu.

Đa số các giảng viên trong các trường thuộc nhóm này là đội ngũ trẻ, được đào tạo cơ bản, trong số đó có nhiều giảng viên được đào tạo tại các nước phát triển, do vậy nếu được định hướng và cơ chế rõ ràng có thể đây sẽ là tiềm lực phát triển các trường trong thời gian tới.

Về chuyển giao khoa học công nghệ, các trường đại học, cao đẳng trong nhóm này tuy có nhiều tiềm năng để phát triển lĩnh vực chuyển giao khoa học công nghệ, nhưng thực tế còn tồn tại một số hạn chế sau:

Việc áp dụng kết quả nghiên cứu vào các cơ sở sản xuất không nhiều. Thống kê cho thấy số đề tài nghiên cứu đã được ứng dụng vào sản xuất không vượt quá 10%.

Trong số đề tài đã được triển khai nghiên cứu và nghiệm thu có khoảng 10% số đề tài có tiềm năng áp dụng vào sản xuất, song do nhiều nguyên nhân khác nhau, kết quả của các đề tài này chưa thể ứng dụng vào thực tế mà mới chỉ dừng lại trong các nhà trường.

Những tồn tại trên có thể do nguyên nhân:

Đội ngũ các nhà nghiên cứu chưa thực sự say mê: Thực tế hiện nay, công tác nghiên cứu khoa học trong giảng viên, sinh viên trong các trường cao đẳng, đại học không được theo đuổi một cách bài bản. Phần lớn sinh viên làm các đề tài nghiên cứu khoa học theo sự chỉ định của thầy cô, hoặc vì thành tích, phong trào, sinh viên chưa tự ý thức được lợi ích của việc nghiên cứu khoa học khi còn đang ngồi trên ghế nhà



trường mặc dù công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên được hầu hết các trường khuyến khích, thầy cô tạo mọi điều kiện thuận lợi.

Đối với sinh viên: Sinh viên chưa được đầu tư tốt về kiến thức cũng như kinh phí khi nghiên cứu khoa học. Đối với các trường được gọi là “top dưới”, do chất lượng sinh viên đầu không cao, phần lớn ý thức tự giác học tập còn thiếu. Do vậy khi đề cập đến công tác nghiên cứu khoa học thì hầu hết sinh viên không muốn tham gia nếu các thầy cô hướng dẫn không động viên phân tích và động viên kịp thời.

Chất lượng đề tài nghiên cứu của sinh viên chưa cao bởi nhiều nguyên nhân khách quan. như phần thưởng hiện nay không đủ khuyến khích, hấp dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu có thể kéo dài nhiều tháng thậm chí cả năm nhưng giải thưởng không cao, đôi khi có những trường hợp kinh phí tự bỏ ra lớn hơn nhiều lần so với giải nhận. Vấn đề hiện nay là hầu hết các trường đại học rất ủng hộ và tạo điều kiện cho sinh viên nghiên cứu, nhưng với kinh phí hạn chế, các nhóm nghiên cứu khoa học của sinh viên phần lớn vẫn phải tự thân vận động.

Hầu hết sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học là sinh viên năm cuối, giai đoạn này sinh viên phải giải quyết rất nhiều công việc như thực hành thực tập, làm đồ án, tiểu luận, viết đồ án tốt nghiệp, nên việc dành thời gian cho công tác nghiên cứu khoa học không nhiều, dẫn đến chất lượng và kết quả nghiên cứu không như mong muốn ban đầu.

Có thể thấy, sinh viên đại học hiện nay chưa được chuẩn bị những kiến thức nền tảng cho nghiên cứu khoa học. Việc vừa làm, vừa tự mày mò trong điều kiện thiếu cả về kinh phí lẫn thời gian khiến cho các công trình nghiên cứu của sinh viên khó đạt chất lượng cao nếu các em không tự nỗ lực và nhận được sự hỗ trợ từ các kênh khác ngoài nhà trường...

Đối với đội ngũ giảng viên: Hiện nay, cơ chế thu hút, ưu đãi giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học cũng chưa thực sự hiệu quả, thiếu sự liên kết giữa nhà trường với các cơ sở sản xuất để tạo đầu ra cho sản phẩm nghiên cứu. Mặt khác, còn nhiều giảng viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học, do vậy, hầu hết giảng viên đều chưa thực sự chủ động đưa ra các đề tài nghiên cứu. Cùng với đó, kinh phí cho các đề tài nghiên cứu khoa học còn thấp so với bình quân các nước, cơ chế quản lý chưa thực sự phù hợp cũng làm ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên.

3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ



Trên cơ sở phân tích thực trạng vấn đề nghiên cứu khoa học tại các trường đại học, cao đẳng để khắc phục những tồn tại trên, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học xứng đáng, cơ chế quản lý, nghiệm thu kết quả đơn giản, đi vào thực chất tránh lãng phí tài chính.

Ưu tiên các đề tài mang tính ứng dụng và áp dụng được vào sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế.

Đẩy mạnh việc chuyển giao khoa học công nghệ từ các trường đại học, cao đẳng đến với các cơ sở sản xuất và ứng dụng vào thực tiễn.

Mỗi lĩnh vực nghiên cứu cần có những chính sách khác nhau, không thể cào bằng dẫn đến lãng phí, hiệu quả không cao.

Các trường tập trung ưu tiên nghiên cứu khoa học theo thế mạnh của trường và xây dựng cơ chế khuyến khích đội ngũ nghiên cứu giàu kinh nghiệm và đội ngũ giảng viên trẻ tiềm năng.

Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động nghiên cứu khoa học gắn với cơ sở sản xuất hướng tới tự chủ Đại học dựa vào khoa học công nghệ.

Đẩy mạnh tái cấu trúc hoạt động khoa học công nghệ và đào tạo của các trường hướng tới ứng dụng thực tiễn, liên ngành theo xu hướng tự chủ, tạo cơ chế thông thoáng thu hút các nhà khoa học tham gia nghiên cứu.

Cần có thêm các chính sách ưu tiên phù hợp để khuyến khích các nhà nghiên cứu. Cụ thể, cần có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Có chính sách ưu đãi nhằm thu hút các chuyên gia, nhà khoa học ở trong và ngoài nước tham gia hoạt động.

Mỗi lĩnh vực nghiên cứu trong các trường cần có một “chuyên gia”, kiến thức chuyên môn tốt, am hiểu thực tế để định hướng và giúp đỡ các cán bộ trẻ tham gia công tác nghiên cứu.

4. Kết luận

Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các trường đại học, cao đẳng hiện nay còn nhiều vấn đề cần quan tâm. Để thực hiện được các giải pháp đã nêu các trường cần phải nỗ lực đầu tư cả về cơ sở vật chất, con người và cơ chế để khuyến khích người làm khoa học, liên kết với các cơ sở sản xuất có liên quan đến lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu của nhà trường để gắn kết, ứng dụng thử nghiệm các đề tài, công trình khoa học vào thực tế, từ đó mới có thể nâng cao được chất lượng các đề tài nghiên cứu, tạo được sự đam mê nghiên cứu của đội ngũ các nhà khoa học trong các nhà trường.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. "Điểm nghẽn" của nghiên cứu khoa học trong trường đại học Việt Nam - Vietnamnet.vn - 29/7/2017;
- [2]. Nhiều rào cản trong nghiên cứu khoa học ở các trường đại học, Báo Sài Gòn Giải Phóng.
- [3]. ĐCSVN: Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31-10-2012 Hội nghị Trung ương 6 khóa XI của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
- [4]. Bộ Khoa học và Công nghệ: Thông tư 40/2014/TT-BKHHCN ngày 18-12-2014 Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ.
- [5]. Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ: Thông tư liên tịch 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 22-4-2015 Hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.
- [6]. Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính: Thông tư liên tịch 27/2015/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 22-4-2015 Quy định khoán chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.



Gắn kết đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ
với nhu cầu doanh nghiệp

